

PHÔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GỘP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỒN XÂY DỰNG VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Giám-Đốc, Ché-Bút : NGUYỄN-VÝ

Tòa-soạn : 288 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI số 65 — 15-9-1961

| | | |
|---|------------------|---------|
| 1.— Bộ Quốc-gia Giáo-dục hoàn toàn đồng quan điểm với chúng tôi | Nguyễn-Vỹ | 6 — 9 |
| 2.— Nhân vật xuân thu | Thiéu Sơn | 10 — 15 |
| 3.— Đắm ngục (thơ) | My Sơn | 16 |
| 4.— Mây cao nguyên (truyện ngắn) . . | Hoàng Thắng | 17 — 28 |
| 5.— Một cái tầu thuốc phiện đáng giá 25 vạn Mỹ - kim | Nguyễn Triệu | 29 — 31 |
| 6.— Con Cóc | Tần Nhâm Thân | 32 — 35 |
| 7.— Giải thưởng chim bồ câu (truyện quốc tế) | Vương Kiều | 36 — 43 |
| 8.— Chửng quanh nghi án « Vua Quang-Trung chết vì liều thuốc độc của Ngọc-Hàn Công-chúa » | Ng.-thượng-Khánh | 44 — 50 |
| 9.— Tuần, chàng trai nước Việt | Nguyễn Vỹ | 51 — 56 |

| | | |
|--|---------------|-----------|
| 10.— Biển chứng bệnh Tè-liệt | Nguyễn Ang Ca | 57 — 61 |
| 11.— Những người dân làng dân Kinh trên thế giới : Marie Louise . . | Tân Phong | 62 — 66 |
| 12.— 15.000 bó được Tự-Do cháy sáng rực ở Ranh giới Tây-Bá-Linh | Stephani | 67 — 72 |
| 13.— Ký giả thuê trước | Tế Xuyên | 73 — 80 |
| 14.— Minh ơi ! Muốn có thai hay đừng có thai ? | Diệu Huyền | 81 — 87 |
| 15.— Khi người đẹp thất vọng | Hoàng Thắng | 88 — 96 |
| 16.— Một giấc mơ hoa | Duyên Hồng | 97 — 101 |
| 17.— Thơ lênh ruột | Diệu Huyền | 102 — 103 |
| 18.— Mồ hôi nước mắt | Nguyễn Vỹ | 104 — 109 |
| 19.— Anh Việt Tha Lê-văn-Thủ đã ra người thiên cõi | Thiéu Sơn | 110 — 111 |
| 20.— Sách báo mới | Phò Thông | 112 — 113 |
| 21.— Bạn đọc viết | P.T. | 114 — 118 |
| 22.— Đáp bạn bốn phương | Diệu Huyền | 119 — 130 |

* Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHÔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cao của các tác giả khác.(Theo thề lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

* Bài lai cao không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-nữ ở trong nước được tự-liện trich dâng những bài trong tạp - chí PHÔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trich Tạp-chí PHÔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trich, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

GIẢI - PHÁP TIẾN - BỘ

★ ★ ★ ★
ÔNG BỘ-TRƯỞNG

QUỐC-GIA
GIAO-DỤC

HOÀN-TÒAN ĐỒNG QUAN-BIỆM VỚI

CHÚNG TÔI

CÁc bạn đều công-nhận rằng trên đường học-vấn thanh-niên ta ngày nay cứ mỗi ngày mỗi đi dật lùi. Lỗi không phải tại tuổi trẻ, vì thanh-niên Việt-nam có tài hoa và thông-minh đâu có kém thanh-niên nước nào?

Nhưng từ lâu, các bạn không được dùi-dắt đúng mức, bao nhiêu sinh-lực dõi-dào của trí-óc đều không được phát-triền mạnh-mẽ, khai-thác đầy-dủ, để đến đổi một số đông thanh-niên ưu-tú, Nam và

Nữ, sau những năm càn-cù học-tập trên các ghế học-đường, đều bõng-đỡ khi bước chân ra chen-lấn trên đường đời. Học-thức là yếu-tố quan-trọng nhất của tiến-bộ, đào-tạo cho thanh-niên những khả-năng cần-thiết cho công-cuộc xây-dựng Quốc-gia, thúc-đẩy thanh-niên ưu-tú trong mọi cố gắng quật-cường Dân-tộc. Thế mà học-thức kém-sút, so-sài, thiếu sót, thì làm sao thanh-niên ta vươn lên kịp với cao-trào tiến-triển của Thế giới ngày nay?

Chúng tôi luôn-luôn kêu gào xây-dựng cho thế-hệ thanh-niên đương thời một CĂN BẢN VĂN-HÓA TIẾN-BỘ. Chúng tôi vẫn giữ vững lập-trường từ trước đến nay, với ý-nguyện duy-nhất là nhìn thấy các lớp bạn tiêc của đời mới được chuẩn-bị dõi-dào khả-năng, dõi-dào sinh-lực, dõi-dào trí-thức, để kiến-thiết một hiện-tại vững-bền và một tương-lai rực-rỡ, cho bản-thân các bạn, cho Dân-tộc Việt-nam, để đủ sức tranh-dựa với Thế-giới.

Chúng tôi đã hết sức thất-vọng khi thấy mấy năm trước đây, mấy ông Bộ-trưởng Giáo-dục không thực tâm lo đào-tạo thanh-niên trên căn bản thực-tế hiện-tại của Quốc-gia và Quốc-tế. Và trên tạp-chí này chúng tôi đã không ngần-ngại nói ra nhiều lần cảm-tưởng bi-quan của chúng tôi. Chúng tôi đã thẳng thắn trình-bày trực tiếp với ông Trần-hữu-Thế, Bộ-trưởng trong mấy năm qua, tất cả những lo-âu của chúng tôi trước tình-hình bế-tắc của nền Giáo-dục Việt-nam, và trách-nhiệm của Bộ đối với thanh-niên, với Lịch-sử dân-tộc.

Nhưng trước kia bi quan, hôm nay chúng tôi lại hoan-hỷ nhận thấy ý-chí cương-quyết cải-tò chương-trình giáo-dục của vị Bộ-trưởng mới. Ông Nguyễn-quang-Trinh là một Giáo-sư Đại-học có tư-tưởng tiến-bộ, đầy thiện-chí xây-dựng, và có ý-thức sáng-suốt về nhiệm-vụ vô-cùng quan-trọng của Bộ Quốc-gia Giáo-dục ngày nay.

Chúng tôi cũng vui-mừng dùng bài Ông Bộ-trưởng hoàn toàn đồng quan - điểm với chúng tôi về các vấn đề hiện tại. Vì Đồng-lý văn-phòng của ông, một Giáo sư cũng cương-quyết như ông, cũng đầy nhiệt-huyết, sáng-suốt nhận-dịnh rõ-rệt các khía cạnh thực-tế, đã gợi cho chúng tôi được một niềm tin-tưởng lạc-quan.

Được hân-hạnh tiếp chuyện với quý Ông trong hơn một tiếng đồng-hồ, chúng tôi cảm-thấy Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã thay đổi phong-dộ mới-mẻ hơn trước nhiều, và nhất là không-khí hoạt-động tươi-trẻ và hăng-hái hơn.

Bộ Giáo-dục hiện nay nhận-dịnh rằng bên cạnh Việt-ngữ là chuyên-ngữ chính, ngoại-ngữ nhất là Pháp và Anh-ngữ, rất cần-thiết ở Đại-học. Không có thêm ngoại-ngữ, Đại-học ta không thể tiến xa được. Trong niên-học này, nhiều môn của các chứng-chỉ dự-bị được dạy bằng Việt-ngữ. Như vậy, các sinh-viên đã học chương-trình Việt ở bậc Tú-tài không còn bỡ-ngờ nữa. Tuy nhiên sách Việt - ngữ ở Đại-học rất hiếm. Giáo sư phải tự mình soạn bài bằng Việt - ngữ, (soạn một cách khó - khăn vì danh-từ Việt - ngữ chuyên-khoa còn thiếu nhiều, sự phiên-dịch từ Pháp - ngữ hay Anh - ngữ ra Việt - ngữ chưa duy-nhất, phải áp-dụng nhiều chữ Hán.) Soạn xong, quay ronéo cho sinh-viên học. Nhưng sinh-viên cũng chỉ học được trong phạm-vi các bài biên soạn của giáo-sư mà thôi, ngoài ra không còn biết nghiên-cứu thêm ở đâu được nữa, vì sách Việt - ngữ rất ít. Sách nào - ngữ thì có hàng trăm hàng nghìn quyển về mỗi môn học, nhưng sinh-viên ta theo chương-trình Việt thấy khó - khăn khi phải tra-cứu các sách ngoại-quốc. Vì thế, ông Bộ-trưởng đã phải sắp đặt lại chương-trình thế nào cho sinh-viên Đại-học có thể thêm kiến-thức bằng Ngoại - ngữ. Song-song với sự dùng Việt - ngữ cho các sinh-viên các lớp Đại-học, vẫn phải dạy mỗi tuần vài giờ bằng Ngoại - ngữ (Pháp và Anh) để các sinh-viên ấy có thể trau-dồi thêm kiến-văn. Sự học ngoại - ngữ ở Đại-học rất là cần-thiết, nhưng vì hiện nay, 70 phần trăm sinh-viên đã theo chương-trình Việt, và kém ngoại-

ngữ quá, nên Bộ Giáo-dục phải có biện-phép Quán-hỏi-khoa-năng của sinh-viên và nhu cầu ngoại - ngữ. Hiện nay, sách Việt - ngữ ở Đại-học đã ít, mà Giáo-sư Việt - nam ở cấp-bậc Đại-học còn thiếu. Ông Đồng-Lý văn-phòng cho biết rằng chính Ông Bộ-trưởng và ông cũng phải nhìn bót thì giờ làm việc ở Bộ, để đi dạy một vài giờ ở các lớp Đại-học. Hiện nay, Đại-học ta còn cần thêm sự cộng-tác của một số Giáo-sư Pháp, Anh, Mỹ, Úc, v.v... để dạy các môn chuyên-khoa. Nhưng chưa đủ. Rồi đây còn phải mời thêm một số Giáo-sư ngoại-quốc để dạy cả ở các lớp Trung-học nữa.

Sự học Ngoại - ngữ ở Trung-học cũng được cải-tô. Từ mấy năm nay chương-trình Trung-học nặng nề quá, có những môn học không cần thiết lắm. Ông Bộ-trưởng mới sẽ chỉnh-đốn lại, nghĩa là sẽ bỏ bớt những môn học không cần-thiết, để học-sinh có thời giờ học về môn thực-tập, rèn luyện óc phê-phán, hoặc có thời giờ học ôn bài vở. Ngoài ra, Bộ còn cải-thiện việc dạy những môn Ngoại - ngữ. Như vậy, Tú-Tài Việt sau này sẽ có đầy-dủ khả-năng Ngoại - ngữ để khi lên Đại-học không còn bỡ-ngờ nữa.



C HÚNG tôi tin-tưởng rằng chính sách tiến-bộ của Bộ Quốc-gia Giáo-dục hiện nay sẽ được tất cả Giáo-sư và các lớp sinh-viên ưu-tú hoan-nghênh. Nói chi thiểu-số những kẻ lười biếng, sợ những nỗ lực, hoặc có quan-diểm hẹp-hội, ngoan-cố, muốn bước từng bước một, chậm-chạp, uể-oải, những kẻ đó dần dần sẽ bị trào-lưu tiến-bộ gạt bỏ trong tình-trạng kém mờ-mang, thua sút người ta.

Chúng tôi đã trình-bày thẳng-thắn chủ-trương của PHỐ-THÔNG tạp chí, giữ vững lập-trường. Nay giờ chúng tôi được vui mừng thấy ông Bộ trưởng Nguyễn quang Trinh cùng đồng quan-diểm với chúng tôi, như đã giải-bày trên kia.

Chúng tôi thành-thật hoan-nghênh ông.

PHỐ-THÔNG Tạp-chí

NHÂN-VẬT



DƯỜNG - GIO - CƠ tay thần-tiễn

★ THIẾU-SƠN

Xuân Thu ..

DẤU-TỬ-VĂN là một bậc hiền-tài có công xây - dựng nước Sở cũng như Quản-Trọng đã xây dựng nước Tề. Nhờ công lớn mà con cháu Tử-Văn đều được trọng-dụng và tiếp-tục phục-vụ đặc-lực những triều vua liên tiếp.

lại rằng : « Khi Đấu Việt-Tiêu dự vào chánh-sự, chúng bay nên lánh xa kéo mắc tai vạ ».

Đấu-việt-Tiêu lại là người có tài nên được cất-nhắc lên làm chúc lệnh-doãn cầm đầu chánh-sự trong nước. Chức càng cao càng thêm lòng tự-phụ và muốn lấn-áp cả nhà vua.

Nhưng trong dám con cháu họ Đấu lại này sanh ra một tên phản loạn là Đấu-Việt-Tiêu. Tử-Văn hồi còn sanh-tiền đã thấy trước việc đó nên trước khi chết đã trói

NHÂN VẬT XUÂN THU

Sở-trang-Vương lên ngôi đã thấy một phần nào tâm-dịa của quan lính - doán nên đã cảnh giác đề-phòng. Khi đem quân đi đánh nước Lục-Hòn nhà vua đã đề quan Tư-Mã Vĩ-Dá ở lại dặng coi chừng và kèm ché Việt-Tiêu. Việt-Tiêu chụp giết được Vĩ-Dá rồi làm loạn luôn.

Trang-Vương thắng Lục-Hòn khi trở về bị Việt-Tiêu đem binh chặn đánh và cố tình giết chết nhà vua. Trong khi nhà vua đích thân đánh trống để thúc dục lòng quân thì Việt-Tiêu bắn một mũi trúng vào gọng xe xuyên đến chun giá trống.

Phát thứ nhì lúng tàn cắm trên xe. Trang-Vương hoảng-hồn rót roi trống. Ông cho quay xe chạy và truyền lệnh rút lui. Việt-Tiêu rược đánh nhưng rốt cuộc bị phục binh rồi cũng phải quay trở lại.

Tới cầu Thanh-Hà một đại tướng của Trang-Vương là Nhạc Bá đã chờ sẵn để chặn đánh Việt-Tiêu. Nhạc-Bá có một tên tỳ-tướng là Dưỡng-Gio-Cơ xin ra bắn kình với Nhạc-Bá.

Mỗi người đứng ở một bên cầu Gio-Cơ kêu Việt-Tiêu mà nói rằng : « Nghe nói lính-doán bắn

hay lăm, hãy bắn thử chơi coi ai giỏi, dở. Mỗi người bắn 3 mũi, ai rủi chết nấy chịu. Mà đừng tránh mồi tài. » Việt-Tiêu hỏi danh-tánh thì Gio-Cơ trả lời là tỳ-tướng của Nhạc-Bá. Cho là một tiểu-tốt vô-danh Việt-Tiêu có ý khinh-thường nên chấp nhận lời thách dỗ nhưng đòi bắn trước vì quá tin ở tài-nghệ của mình. Mũi đầu tiên Việt-Tiêu quyết bắn một lần cho nát óc đối phương ai dè tên vừa tới Gio-Cơ lấy cung đör vẹt ra. Việt-Tiêu bắn luôn một mũi thứ nhì nhằm ngay đầu nhưng Gio-Cơ thụt xuống nên mũi tên lại trật luân. Việt-Tiêu kêu nói : « Người nói không tránh, sao hời nấy người dở vẹt tên, bây giờ lại thụt xuống. Như vậy đâu phải là trượng phu ? » Gio-Cơ nói : « Ông còn một mũi nữa, mũi này tôi không tránh đâu. »

Việt-Tiêu rút mũi tên thứ ba, nhắm ngay lăm. Tên vừa tới Gio-Cơ đứng sừng, há miệng cắn mũi tên chặt cứng. Việt Tiêu thấy cả 3 mũi tên đều không hạ được Gio-Cơ thì hoảng-sợ nhưng mình là người lớn lại nỡ bội ước hay sao ? Người anh-hùng không thể làm như vậy được. Việt-Tiêu kêu

nói với Gio-Cơ : « Tôi phiên người bắn. Nếu bắn 3 mũi mà không trúng thì ta lại bắn 3 mũi khác, nghe không ? » Gio-Cơ đáp : « Nghề bắn người mới học. Ta bắn một mũi thì người chết rồi, còn đâu mà bắn 3 mũi khác ? »

Việt-Tiêu nói : « Người đừng nói phách, giỏi dở bắn đi thì biết. » Gio-Cơ giương cung, lắp tên rồi kêu Việt-Tiêu mà nói : « Lịnh doán ! Ta bắn nè ! » Việt-Tiêu tưởng bắn thiệt nên né qua bên tả mà tránh, không dè Dương-gio-Cơ bắn giày không chớ mũi tên còn đó. Gio-Cơ nói : « Tên còn dây nè, cái gì mà sợ né dữ vậy. » Gio-Cơ bắn giày không một lần nữa, Việt-Tiêu né bên hữu. Gio-Cơ thura lúc né bắn tiếp một mũi ; tên trúng thấu óc, Việt-Tiêu nhào xuống chết tươi. Chúa-tướng chết rồi, loạn-quân tan rã. Sở-Trang-Vương ban sur, trùng-trị bọn phản-thần và hậu-thưởng Dương-Gio-Cơ. Gio-Cơ được phong là chưởng-quản xa-hữu và nỗi danh thần-tiễn.



Từ một tên tỳ-tướng vô-danh

Dương-gio-Cơ bỗng trở nên một công-thần, một danh-tướng. Lòng tự-phụ nồi dậy, chí kiêu-hanh phát sanh. Mỗi lần ra quân là mỗi lần thắng địch. Nhưng lâu lâu ngứa nghề lại hay thi tài với đồng-đội và mỗi lần thắng cuộc là mỗi lần hiêu hiêu tự-dắc, quả quyết tin rằng tài-nghệ mình có thể thắng được muôn vạn hùng binh. Chẳng những Gio-Cơ tin-tưởng như thế mà nhiều người cũng ngộ-nhận như ông. Sở-Vương đã có lần tịch thâu hết cả cung tên của Gio-Cơ và phán rằng : « Nhà ngươi hay tự-thi nghé-bắn giỏi thì chắc có ngày bị khốn. Đánh thắng là nhà mưu lược, không bao giờ lấy một mũi tên mà cầu may được ». Dương-Gio-Cơ có ý hò-thẹn.

Bất-dỗ trong một cuộc giao-phong với binh Tấn con vua bị bắt và chính nhà vua bị một mũi tên lọt tròng một bên mắt. Nhà vua nhớ rõ kẻ bắn mình là Ngụy-Y, bèn kêu Gio-Cơ tới, trao cho hai mũi tên mà nói rằng : « Nhà ngươi bắn giỏi, chẳng cần gì dùng tên cho nhiều. Kìa ! Thắng lục-bào, râu dài nó bắn ta bị thương hết một con mắt, ngươi

nên rán trả thù cho ta. »

Dương-gio-Cơ lãnh 2 mũi tên, đi thẳng vào quân Tấn, thấy Ngụy-Y thì mắng lớn rằng : « Đồ thát phu, tại sao mày dám bắn chúa ta bị thương ? » Ngụy-Y chưa kịp trả lời thì mũi tên của Gio-Cơ đã trúng ngay yết-hầu. Ngụy-Y nhào xuống ngựa chết tươi. Gio-Cơ còn dư một mũi tên đem về tâu với Sở-Vương rằng : « Nhờ oai linh Chúa-Công, tôi đã bắn chết tướng lục-bào rồi ». Sở-Vương cả mừng liền cởi áo gấm ban cho, lại cho thêm 100 mũi tên nanh cọp nữa.



Dương-gio-Cơ lập nhiều chiến công dưới 2 triều vua Sở. Dưới triều thứ ba, Sở-Cung-Vương, ông lại lập thêm một chiến-công nữa là đã bắn thác được một Đại-Tướng của Ngô là Công-Tử-Đặng làm quân Ngô hoảng sợ rút lui. Nhưng quân Ngô nuối chí phục-thù và thè không đội trời chung với Sở. Vua Ngô dụ nước Thô-Cru phản Sở và hứa sẽ đem quân tiếp-ứng. Dương-gio-Cơ xin đi tiên-phong nhưng quan lệnh-doàn lúc ấy là Khuất-Kiến không cho. Gio-Cơ nói : « Vậy giờ Sở đánh Thô-Cru, chắc là có quân ra sao ? »

Ngô tiếp cứu. Tôi đã nhiều lần đánh với Ngô nên biết rõ quân tình. Xin đi theo trận này đấu có chết cũng thỏa chí..

Khuất-Kiến thấy lời nói quả quyết cũng xiêu lòng nhưng cho quan đại-phu là Túc-Hoàn đi theo lược trận. Dương-gio-Cơ kéo quân thắng tới kinh-đô nước Thor-Cru là Ly-Thành thì vừa gặp quân Ngô kéo tới. Túc-Hoàn đề-nghi chờ đợi-quân tới rồi hãy giao chiến nhưng Gio-Cơ không nghe vì cho rằng quân Ngô sở-trường về thủy-chiến nay đánh bộ thì chắc chắn phải thua vì đánh bộ thì phải rành về thuật điều-khiển xe ngựa và sử dụng cung tên. Dương hiêu-hiệu tự-dắc thì quân Ngô kéo tới mà vị tổng chỉ huy lại chính là quan Tướng-quốc của nước Ngô. Dương-Gio-Cơ liền lớn tiếng mắng rằng : « Bớ quân Ngô ! Có thế gì dám đối địch cùng ta nỗi ? » Nói rồi bèn trương cung bắn tướng Ngô. Tướng Ngô cho lui xe, chạy mau như gió làm cho Gio-Cơ giật mình tự nghĩ : « Ai ngờ người Ngô ngự xe cũng giỏi nhưng chưa biết tài bắn của họ

Thình lình xe Ngô bao vây tứ phía. Ngồi trên xe toàn là tướng sĩ bắn hay, nhảm Gio-Cơ mà bắn như mưa bắc. Gio - Cơ không biết đường nào mà tránh nên đành chịu chết ở trận này. Sở-Cung-Vương thương tiếc một tướng-tài nhưng cũng phải than thở : " Sanh nghề tử-nghiệp, bây giờ mới nghiệm là hay ".

Khuất-Kiến cũng than rằng : " Dưỡng-gio-Cơ chết đây cũng là vì tự-phụ. "



Nhơn viết về Dưỡng-gio-Cơ tôi sực nhớ đến một cuộc bút-chiến giữa hai bậc đàn anh đã quá-cố là 2 ông Phan - Khôi và Đào Trinh-Nhát. Ông Đào bàn về chiến tranh xưa và nay nói rằng hồi xưa mỗi khi giàn trận thì tướng đánh với tướng trước đã, rồi sau kẻ thắng trận mới xưa quân xông tới để phát triển thắng lợi và như thế mà số người chết ít hơn bây giờ. Ông Phan liền đem lịch sử ra dẫn-chứng và nói rằng ông Đào nói theo truyện Tàu hay hát bội chư thật ra thì tướng vẫn nặng về chỉ-huy hơn là chiến đấu. Cũng có khi tướng cũng phải xung-phong cùng với quân-

sĩ nhưng không phải lúc nào quân-hai bên cũng đứng làm khán-giả cho cuộc quần-thảo của chủ-tướng của mình.

Ông Đào không giám cãi lại vì ông Phan đã căn-cứ vào lịch-sử mà nói. Ông Đào biết mình lầm-nên làm thính vì biết phục thiện.

Dưỡng Gio-Cơ là một nhân vật lịch-sử, một tay thần-tiễn còn được dùng làm điển-cố trong văn-chương Hán - Việt. Nhưng lối đánh giặc như đá kẽ trên đá được tiêu-thuyết-hóa trong Đông-châu Liệt-quốc nên độc-giả có thể hiểu lầm rằng sự thật đã xảy ra như thế. Kỳ thật thì không phải lúc nào Dưỡng-gio-Cơ cũng đơn thân, độc mả mà lập-được chiến-công.

Sở-Vương đã nói một câu chí-lý : « *Dánh thắng là nhờ mưu-lược, không bao giờ lấy một mũi tên mà cầu may được.* » Thật ra không bao giờ Dưỡng-gio-Cơ bắn cầu may và hể nhảm đâu là trúng đó. Nhưng ý vua Sở muốn nói rằng không thể ỷ vào tài bắn của một người mà thắng trận nhưng phải nhờ ở mưu lược tức là nhờ ở phép dụng binh, ở chiến-thuật và chiến lược. Tài bắn chỉ dùng được ở khi địch quân so-hở, hạ được một tướng làm rúng chí ba-quân mà thâu đoạt thắng lợi.

Nhưng một viên đại-tướng phải là người biết điều khiền và vận-dụng khả-năng của toàn quân như Tôn - Võ, Hàn-Tín. Những vị này không có tài bắn như Gio-Cơ nhưng lại ở trên Gio-Cơ một bực. Họ không cần phải xông-pha chiến-trận nhưng họ nắm được hết quân-tình và huy-động được lực-lượng của toàn-quân. Tuy-nhiên, ở địa-vị của mình, với tài-nghệ của mình, Dưỡng-Gio-Cơ vẫn có thể làm hơn được nếu ông không tự-phụ, không chủ-quan, không mắc phải bệnh anh-hùng chủ-nghĩa. Nếu ông chịu tập-luyện và truyền-nghề cho một số tướng-sĩ dưới quyền mình để thành lập một đội quân thiệu-xạ đáng

phối hợp với các binh-chủng khác như quân Ngô đã làm thì ông sẽ có nhiều người bắn tiếp với ông và che chở cho ông. Ông vẫn có thể chết về nghiệp cung-tên nhưng sau khi ông chết sẽ có người kế-nghiệp ông mà trả thù cho ông và có thêm nhiều Dưỡng Gio-Cơ mà phục-vụ Sở-quốc.

Tuy nhiên, ta không thể đòi hỏi nhiều ở thời phong-kiến mà con người phần nhiều còn nặng óc cá-nhơn và bị thao-túng bằng những quan-niệm mơ-hồ về những chữ anh-hùng và danh-dự.

Dầu sao, cái tài của Dưỡng-gio-Cơ cũng đáng được lưu-truyền và cái chết của ông cũng cho ta một bài học.



* THỊT GIÀ (chuyện vui ở Congo)

Hai thắng Mợi ăn thịt người nói chuyện :

*Zoul hỏi Kru :— Mày có thương Bà-nội của mày không ?
Kru :— Thương.*

Zoul :— Thế thì lao trả bả lại cho mày đó. Tao đòi lấy thắng con trai của mày.

HỘI-YM

ZUIN (Congo)

ĐẤM NGỰC



Lay Chúa, lỗi tại con, con biết
Có khi nào con trách Chúa con đâu!
Dù đã từng đêm, con nguyện con cầu
Dù từng tháng con hâm minh dang lê
Nàng vẫn ra đi để không khi nào trở lại
Mà có bao giờ con trách Chúa con đâu!
Con đau đau vì con đã cho nhiều
Con nhận lỗi đã cho không hề tính toán
Lỗi con yêu nàng không trừ không cộng
Lỗi con xem nàng như cả cuộc đời
Dù nàng chỉ qua như một áng mây trời
Dù nàng chỉ giả-vờ hẹn-ước
Lỗi làm con, xin cùi đầu đầm ngực
Ghi vào lòng, nhớ suốt cả đời con
Thân thể Chúa ban rồi sẽ héo-hon
Hình-hài Chúa dựng sẽ hao-mòn góm-ghiết
Con sẽ còn đau đến ngày con chết
Buồn con nhiều là lỗi của riêng con
Đã đam-mê trọng-vọng kẻ qua đường
Đã tham-tuồng một tâm-hồn bằng đá
Hôm nay đây con cúi đầu chờ ơn Chúa cả
Giúp con quên đẹp người ấy lạnh-lùng
Cả những lời người ấy hẹn thủy-chung
Những lời con đã quý như luật-điều Thương-Đế.
MY-SƠN

TRUYỆN NGẮN

mây
cao
nguyên

★ HOÀNG THẮNG



B Ô giây cương, Thu-Hồng nhẹ nhàng nhảy xuống đất. Nàng đưa bàn tay đỏ ửng vì nắng vuốt nhẹ lưng con ngựa ướt đầm mồ hôi. Được vuốt ve, con vật gục gặc đầu, thở phì, chân gó bòm bộp xuống đất như tiếc cho cuộc di bị gián đoạn.

Già Chi từ trong nhà chạy ra vỗ vỗ hỏi :

— Sao hôm nay cô về muộn thế?

Thu-Hồng rất mến già Chi. Từ khi mẹ nàng mất đi lúc nàng

mới lên ba tuổi, chính u đã săn sóc, nuôi nấng nàng cho tới nay. Hồi thắc mắc điều chi nàng cũng hỏi u và cũng vì thế chưa bao giờ nàng nói dối u. Giờ đây chẳng lẽ nàng kẽ lại cho u nghe câu chuyện giữa nàng với Thuận, người thanh niên mến xin việc làm trong đồn điền nơi con suối nàng tắm ư ?

Má đở bừng, Thu-Hồng đáp tránh :

— Tôi định về sớm nhưng khi đi ngang qua con suối thấy người nóng nực tôi đã ở lại tắm nên về muộn.

Nói xong Thu-Hồng liền trở về người con trai xa lạ nàng đã gặp. Trên đường về nhà, qua ngang con suối, nàng đã dừng lại để tắm. Nơi đây yên tĩnh, không một bóng người, Thu-Hồng thỏa chí vùng vẫy dưới làn nước trong mát.

Bất ngờ nàng nghe có tiếng nói của một người đàn ông xa lạ dội nhanh vang lên :

— Không ngờ hôm nay Từ-Thức tôi lại nhập đúng Thiên-Thai để được ngắm người tiên tắm dưới giòng suối Đào-Nguyên. Thu-Hồng tưởng như mình

vừa nghe thấy tiếng sét nổ lớn giữa lúc trời quang mây tạnh. Nàng luống cuống ở dưới nước. Giòng nước trước đây mát bao nhiêu, trong bao nhiêu thì bây giờ nàng thấy lạnh buốt như kim châm và ác độc bấy nhiêu. Nàng chỉ muốn nó đặt nhiên đục ngầu để che kín tắm thân trong trắng của nàng.

Chờ nàng mặc xong quần áo, người trai lạ lịch thiệp cúi đầu chào. Thu-Hồng miễn cưỡng chào lại. Nhưng khi nhìn thấy trong ánh mắt của chàng ta pha vẻ diễu cợt, Thu-Hồng bừng bừng nổi giận. Đôi lông mày cau lại, nàng sẵng giọng hỏi :

— Ông là ai, đến khu rừng này làm gì ? Ông không biết rằng khu rừng và suối này thuộc trong đồn điền Hoàng-Hoa hay sao mà tự tiện vào đây ?

— Tôi không được rõ vì thấy có đường đi nên tôi cứ bước và lạc tới đây.

Dứt giọng Thu-Hồng hỏi thêm :

— Anh ở đâu đến đây ? Có việc gì ?

Khuôn mặt người trai lạ hơi thoáng nét buồn nhưng lại tươi

tinh như cũ :

— Tôi ở Saigon lên đây tìm việc làm trong đồn điền.

Thu Hồng ngạc nhiên chăm chú nhìn khách lạ. Nàng thấy anh ta không có vẻ một người đi xin việc làm chút nào. Mái tóc mượt, quần áo dù bám bụi nhưng vẫn không che được sự cắt khéo của tiệm may danh tiếng. Cho là anh ta nói dối, Thu Hồng vẫn hỏi :

— Anh định làm việc gì trong đồn điền ? Anh có biết rằng công việc ở đây rất nặng nhọc không ?

Người đàn ông thản nhiên trả lời :

— Tôi biết.

— Vậy anh biết làm những gì ?

— Tôi làm được bất cứ một việc gì mà ở đồn điền này cần làm.

Thu Hồng thắc mắc hỏi lại :

— Nhưng tôi trông anh không có vẻ một người công nhân chút nào cả. Tướng anh có vẻ một thi sĩ hoặc một văn nhân đi tìm hứng đề sáng tác một tác phẩm thì đúng hơn.

Chàng thanh niên cười ròn rã :

— Cô trông người đoán lầm

rồi. Cô trông tai tôi đây này.

Vừa dơ tay ra nhưng anh ta đã vội rút tay lại. Nhìn bàn tay trắng của mình, anh ngượng nghèo, lúng túng như thợ vụng múa kim.

Thấy thế Thu Hồng cũng cười ròn rã. Nàng vui vẻ hỏi :

— Thế nào ? Đôi bàn tay ấy có thể làm công việc nặng nhọc được chứ ?

Không thấy người trai lạ trả lời, Thu Hồng hỏi thêm :

— Anh tên gì ?

— Xin lỗi cô tôi vô ý quá, tên tôi là Thuận.

— Anh có biết tôi là ai không ?

Thuận — tên người thanh niên lạ mặt — chăm chú nhìn Hồng rồi đáp :

— Nếu tôi không nhầm thì cô là con gái của chủ nhân đồn điền này.

— Chính tôi là chủ nhân đồn điền Hoàng Hoa này.

— A... Thuận kêu lên ngạc nhiên.

Thu Hồng vò thản nhiên hỏi :

— Anh ở đâu tới đây ? Hay là...?

Thấy cô gái nhìn mình soi bối,

nghỉ ngò, Thuận vội đáp :

— Nếu tôi không nhầm thì cô có ý nghỉ ngò tôi là tên cướp của giết người chăng ? Cô thử nhìn kỹ lại xem tôi có đáng là những kẻ đó không ? Hay cô cho tôi là kẻ mới vượt ngục ? Một tên thường phạm hoặc chính trị phạm ?

Thu-Hồng ấp úng :

— Không, tôi đâu có ý nghĩ đó. Nhưng thôi, đó là việc riêng của anh tôi không xen vào làm chi... À, anh biết chỗ ở của tôi rồi chứ ?

— Thưa chưa.

— Bây giờ anh không thể theo ngựa của tôi được. Tốt hơn hết anh cứ đi theo con đường này — Thu-Hồng dờ roi ngựa chỉ thẳng phía trước mặt — sẽ tới nơi. Tôi về trước chờ anh ở phòng khách.

... Có tiếng giầy vang ngoài hành lang. Đoán là Thuận đã tới, đôi má cô gái lại đột nhiên bừng đờ.

— Cứ vào.

Thuận bước vào, chỉnh tề trong bộ quần áo trắng mới thay, chiếc vali còn mới xách nơi tay. Lúc này trông anh như một người

thừa tiền đi du lịch.

Thu-Hồng chỉ ghế mời khách ngồi :

— Anh ngồi đây rồi chúng ta nói chuyện về công việc. Anh nên nhớ kỹ công việc trong đồn điền rất cực khổ.

Thuận chưa kịp trả lời, đã có tiếng già Chi từ trong phòng ăn vọng ra :

— Cơm đã dọn xong cô ạ.

Thu-Hồng đứng dậy vui vẻ mời Thuận :

— Tôi biết anh chưa ăn cơm, vậy mời anh dùng cơm với chúng tôi cho vui.

Thuận xoa tay :

— Cảm ơn cô.

Trong bữa ăn, Thu-Hồng kín đáo nhận xét Thuận. Nhìn Thuận ăn uống nàng lại càng thắc mắc thêm. Nàng tin chắc Thuận là một nhà văn đi tìm cảm hứng hơn là đi tìm việc làm. Thuận không có vẻ người lao động chút nào. Đã nhiều lúc Thu-Hồng muốn hỏi nhưng vì có già Chi đứng gần đó nên nàng lại thôi. Nàng dành nói chuyện làm ăn :

— Chiều nay tôi sẽ giới thiệu anh với ông Cai Mười. Ông ta trông coi tất cả công nhân ở đây

và ông ấy sẽ trao việc cho anh làm. Tất cả công nhân ở đây đều có gia đình vợ con nên họ ở riêng biệt dưới trại cách đây non hai trăm thước. Anh có một mình tôi sẽ bảo già Chi đợi riêng cho anh căn buồng nơi cạnh gara để tiện cho anh ăn cơm vì tôi nghĩ rằng anh không thể thời cơm lấy được.

Bà Chi nói thầm thì bên tai chủ :

— Cô dè anh ta ăn cơm ở đây ư ?

Khé gật đầu đáp lời u già, Thu Hong nhìn thẳng vào đôi mắt Thuận rồi hỏi :

— Tôi xếp đặt như thế, anh có bằng lòng không ?

— Cô tốt quá, tôi chỉ còn biết thành thật cảm ơn cô.



Sau bữa cơm tối, Thu Hong mời Thuận ra hàng hiên ngồi uống cà phê.

Trăng trung tuần lấp ló sau lùm cây trước nhà như e thẹn. Ánh sáng mờ ảo len lỏi qua những kẽ lá, trại loáng thoảng xuống sân gạch những vết trăng đục. Thỉnh thoảng gió ào ào thổi, lá cây kêu xào xạc và bóng cây đang nắm im lặng cung với uốn éo chuyền mình.

Những ánh đèn tụ họp nơi nhà ngang của công nhân nhấp nháy như những chùm sao.

Ngồi lẩn trong ánh sáng mờ địu, Thuận nhìn rõ đôi mắt của Thu Hong đang lặng lẽ nhìn mình. Đôi mắt sáng long lanh như hai ánh sao đêm. Không kìm được lòng mình, Thuận thốt kêu lên :

— Cảnh đêm trăng nơi đây đẹp quá.

— Tôi ở đây từ thuở bé — chỉ trừ những năm học dưới Sài Gòn — nên tôi thấy thường quá.

— Cô cho là thường cũng phải vì ngày nào cô cũng nhìn thấy nó. Riêng tôi, tôi thấy tâm hồn mình sảng khoái. Tôi thấy những sự khó chịu, bức tức chứa chất trong người như tiêu tan theo làn gió mát, theo ánh trăng trong.

Thấy Thuận thò lò tâm sự, Thu Hong xen vào :

— Chắc anh chán cảnh phồn hoa ?

Biết mình nói bớ, Thuận ấp úng :

— Tôi không hẳn nói thế nhưng ... nhưng nếu cô đừng nêu hỏi tôi có lẽ tôi thích hơn.

Thu Hồng không nói gì. Câu chuyện đột nhiên ngưng lại, chìm đắm trong cảnh tịch mịch làm hai người cảm thấy ngượng ngùng. Nhưng ngay lúc đó, giữa cảnh im lặng của dồi núi vang rõ dần tiếng động cơ xe hơi. Rồi... ánh đèn pha loang loáng ngoài lộ quẹo vào trong đường dốc của đồn điền Chiếc xe díp cổ ngay cạnh hành lang phòng khách.

Nhận ra khách quen, Thu Hồng vội bước ra hỏi :

— Chào ông đồn-trưởng, có chuyện chi mà đêm hôm ông phải đi thế?

— À chào cô Thu Hồng, viên đồn trưởng bước nhanh tới, tôi vừa được lệnh trên cho hay có hai tên tù mới vượt ngục nêu tôi với tôi đây để hỏi xem cô có thấy người lạ mặt nào qua đây không?

Liếc nhanh về phía Thuận ngồi, Thu Hồng lo sợ. Nếu vậy đúng Thuận là tên tù vượt ngục rồi. Lòng run run, mí mắt chớp nhanh như những cánh bướm non, Thu Hồng cố gắng bình tĩnh trả lời :

— Tôi không hề thấy một ai cả ông a.

— Từ mai trở đi nếu cô có thấy ai lạ mặt qua đây cô nhớ gọi điện thoại ngay cho tôi nhé.

Thu Hồng lại liếc nhanh về phía Thuận ngồi một lần nữa.

— Vâng, ông cứ yên tâm.

Chợt nhìn thấy có người ngồi im lặng trong góc tối, viên đồn trưởng bước tới. Thu-Hồng cũng vội bước theo, lòng hồi hộp, hoang mang chỉ sợ Thuận là kẻ mà người đại diện luật-pháp đang tìm kiếm.

— Chào ông Đồn-tưởng, Thuận thản nhiên đứng dậy chào.

Vìen đồn trưởng nhíu mày :

— Chào ông! À, hình như hôm nay tôi mới được gặp ông lần đầu?

Thu-Hồng hoảng quá, vội lẹ miệng đáp thay :

— Tôi quên không giới thiệu đây là anh Thuận, người anh họ của tôi mới ở Saigon lên chơi bữa nay.

Thuận lịch thiệp cúi đầu chào khách lần nữa :

— Vâng, tôi là anh họ cô Thu Hồng đây. Đã lâu tôi không lên đây, nhân đạo này Saigon nóng quá nên tôi lên nghỉ mát ít lâu

cùng là xem công việc trong đồn điền của cô em gái tôi đã tiến tới đâu rồi.

Nghe Thuận nói thế Thu-Hồng hơi tức. Tự nhiên từ người xin việc làm, Thuận đã biến thành người anh họ của nàng. Nàng cũng không hiểu tại sao mình không hiểu tại sao mình không tố cáo Thuận là kẻ lạ mặt mới tới đây hồi trưa với người đại diện pháp luật mà lại nhận bông quoan anh ta là người nhà trong khi chính nàng cũng chưa hiểu Thuận là ai. Böyle giờ chót đã giới thiệu như vậy rồi còn tố cáo anh ta làm sao được nữa. Thu-Hồng cảm thấy bức dứt như bị ngồi trên lửa.

Thuận mỉm cười, rút thuốc lá mời ông đồn trưởng. Qua ánh sáng của chiếc máy lửa, Thu-Hồng nhận thấy viên đồn trưởng đang chăm chú nhìn nét mặt Thuận. Khi thấy ông ta kín đáo thở dài nhẹ, đôi mắt như đã trút hết niềm nghi vấn, Thu-Hồng cũng cảm thấy lòng mình thanh thản hơn. Nàng yên tâm khi biết rõ Thuận không phải là người mà ông ta tìm bắt.

Khi ông khách cáo lỗi ra về, Thuận nhanh nhều nói :

— Không sao, ông khỏi nghĩ ngọt. Khi nào rảnh mời ông lại chơi.

Thu Hồng nghĩ thăm « Hừ, lại còn ra vẻ ông anh họ nữa ».

Khi ánh đèn xe dip đã biến mất sau khúc quanh, Thu Hồng nhìn Thuận một lúc như ngắm một con quái vật rồi buông thõng :

— Anh đóng vai trò đó giỏi quá.

Thuận nhún vai :

— Mong cô bỏ qua cho, nhưng cũng chỉ vì cô tự giới thiệu tai hại như thế.

Dù đã yên tâm, nhưng Thu-Hồng cũng cau mặt gắt :

— Chẳng lẽ tôi lại tố cáo anh là kẻ vượt ngục chăng?

Cũng không đứng lại nghe Thuận phân trần, Thu Hồng ngoe nguầy đi vào trong nhà. Thuận buồn rầu nhìn theo rồi cũng lặng lẽ bước về phía gara.



Sau một tuần lễ nhận xét, Thu Hồng thấy Thuận không biết làm một việc gì cả. Biết vậy, nhưng nàng cũng không trách. Mỗi ngày hai lần gặp nhau nơi phòng ăn, Thu Hồng thấy vui vui vì có

Thuận. Hôm nào Thuận về muộn nàng cố ngồi chờ như người vợ hiền đợi chồng.

U già thấy thế thường mỉm cười. Rồi một buổi chiều, sau khi ăn cơm xong, theo thường lệ, hai người lại ra hàng hiên ngồi uống cà-phê.

Ngắm căn nhà tự nhiên Thuận nói :

— Căn nhà này đẹp quá cô nhỉ.

Đôi mắt Thu Hong chợt buồn xùi đi :

— Vậy mà tôi chỉ ở được có non ba tháng nữa thôi.

Thuận ngạc nhiên :

— Sao vậy ?

Thu Hong rầu rầu nét mặt :

— Hồi cha tôi còn sống, ông mua đồn điền này khi đó chỉ là dồi hoang vắng nên ông có mượn của ông Vĩnh một số tiền là ba trăm ngàn đồng để làm vốn thuê nhân công phá rẫy trồng trọt. Hằng năm phải trả tiền lời và tới năm nay là hạn cuối cùng phải trả cả gốc lẫn lãi.

Hoa lợi thu vào hãy còn ít oi quá nên tôi không biết kiếm đâu ra tiền để trả họ. Có lẽ phải bán

đồn điền này.

Đôi mắt Thu-Hồng ướt át :

— Khi bán rồi tôi sẽ nói với người chủ mới cho tôi ở lại đây để làm việc. Tôi không muốn rời xa nó vì nơi đây cha mẹ tôi đã sống và đã chết.

Nói xong, nàng úp mặt vào lòng bàn tay khóc nức nở.

Tiếng Thuận thoảng nhẹ :

— Thế cô không thể nói khéo với ông ta được ư ?

— Không được vì chính ông ta cũng đang có ý muốn chiếm không đồn điền này nhưng đời nào tôi để cho họ lấy dễ dàng được.

— Sao cô không hỏi vay những người quen.

— Những người tôi quen biết cũng phải vay nợ ông ta.

Thuận lầm bầm trong miệng :

— Nếu bây giờ tự nhiên có người nào giúp cho mình nhỉ.

Đang buồn, Thu-Hồng cũng phải bật cười :

— Làm gì có ai hả anh. Mà ba trăm ngàn cũng to lắm chứ.

Đột nhiên, Thuận nắm lấy tay Thu-Hồng. Như bị chạm phải luồng điện, cô gái rung mình... Người nàng run lên như bị sốt

rét. Không tự chủ được mình, Thu-Hồng ngả đầu vào vai Thuận nức nở khóc như người em gái nhỏ. Nàng không cả tự hỏi sao mình lại yếu ớt đến thế.

Khẽ vuốt mớ tóc mềm của nàng, Thuận nói nhỏ :

— Thôi, Thu-Hồng đừng khóc nữa. Cứ kể cho chuyện đến đâu hay đó, khóc làm chi cho mệt.

— Nhưng em lo lắm, Thu-Hồng mếu máo trả lời. Nàng không ngờ mình đã tự xung em với Thuận.

Thuận cúng xúc động, anh nâng cẩm cô gái để mắt nàng nhìn anh :

— Em !

— Anh ! Đôi mắt nhám nghiền. Thu-Hồng đáp khẽ qua hơi thở.

Xa xa tiếng kêu của thú rừng đi kiếm ăn như muốn phá tan cảnh yên tĩnh của núi rừng.



Thu Hong nhắc máy điện thoại lên hỏi :

— Alô ! ai nói bên đầu giây đó ?

Tiếng nói của người đàn bà vang lên bên kia đầu giây :

— Đây là Saigon. Tôi muốn

nói chuyện với anh Thuận.

Thu Hong ngạc nhiên khi thấy có người đàn bà hỏi Thuận, nhất là người đó ở mãi Saigon. Không hiểu tại sao họ lại biết Thuận ở đây cùng là số giây nói của đồn điền nàng. Nhưng nàng đành dạ sự tò mò lại để đáp :

— Xin bà chờ cho một giây để tôi kêu.

Thu Hong bịt kín ống nghe rồi kêu to gọi Thuận khi đó đang ngồi chơi trên thảm cỏ trước nhà. Sau khi trao máy điện thoại cho anh, nàng lảng lặng ra ngoài. Trong óc nàng nỗi lên nỗi thắc mắc lo ngại. Nàng sợ rồi đây mối tình của nàng sẽ bị tan vỡ vì người đàn bà lạ nào đó mới gọi điện thoại.

Còn đang nghĩ ngợi, Thuận đã bước tới bên nàng. Thu Hong ngước mắt nhìn anh dò hỏi, đôi mắt sờ sệt như đôi mắt nai lúc nhìn thấy kẻ thù.

Thuận cố lấy giọng tự nhiên :

— Em có biết chuyến xe đầu tiên ở Đà Lạt về Saigon mấy giờ không ?

Đôi mắt Thu Hong mở to ngạc nhiên :

— Anh định về Saigon ư ?

Anh về làm gì ?

Thuận ngập ngừng nói :

— Em nêu bình tĩnh để nghe anh nói. Anh vừa được người quen ở Saigon gọi về để thu xếp một việc rất cần thiết cho đời anh; cho gia đình anh.

— Anh đã có vợ rồi ? Trời ơi ! Thế mà anh nỡ lòng nào dỗi gạt tôi.

Thu Hồng khóc nức nở. Thời thế là hết rồi. Mỗi tình đầu của nàng đã bị Thuận chà đạp không tiếc thương. Nàng cảm thấy trời đất như quay cuồng trước mắt. Bóng Thuận đồ xuống nàng tưởng như bêng của Thần Chết đứng bên.

Thuận cũng đứng lặng người không dám lên tiếng. Để cho người yêu voi nỗi sầu khổ, anh mới nói tiếp :

— Phải, anh đã có vợ, nhưng vì hai người không hợp tính nhau nên anh đã vô đơn xin ly dị với Tòa-Án nhưng chưa thấy tòa xử. Vì chuyện buồn trong gia đình nên anh mới bỏ Saigon lên đây và gặp em. Chúng ta không thể lấy nhau được khi còn có một người đàn bà vẫn nhận anh là

chồng. Anh chỉ khuyên em một điều, em đừng nên buồn, từ nay trở đi cứ coi anh như người anh họ của em vậy.

Không thấy Thu-Hồng nói gì, Thuận nói thêm :

— Em nêu nghe anh đi. Anh về Saigon lâu lắm là một tháng, anh sẽ lên thăm em.

Thu-Hồng giận quá hét to :

— Anh im đi.

Nói xong, nàng thảng tay tắt Thuận rồi nức nở chạy vào phòng ngủ.



Từ lúc Thuận về Saigon, Thu-Hồng biếng ăn biếng ngủ. Nàng không muốn làm việc gì cả. Cái thú độc nhất của nàng là cưỡi ngựa sải nhanh trên các ngọn đồi vào lúc sớm mai cũng không làm cho nàng thích thú. Hết đứng lại ngồi, nàng thần thờ ngơ ngác như người mất hồn. Đôi mắt thiếu ngủ, thâm quầng, dại hẳn đi.

Hình ảnh Thuận đã ngự trị nơi trái tim yêu đương của nàng sâu đậm quá. Thu-Hồng nhớ tiếng nói, nhớ nụ cười, ánh mắt của người yêu. Dù thuận đã cho nàng biết rõ sự thật, Thu-Hồng cũng không thể quên được người nàng đã mến.

Nàng thường ngồi yên lặng hàng giờ nơi hành lang, chỗ hai người thường ngồi uống cà phê mỗi buổi chiều sau bữa cơm để tưởng nhớ lại những giờ phút êm đẹp cũ.

Già Chi thấy cô chủ buồn cũng buồn lây. Lắm lúc bà cố ý nói chuyện pha trò để Thu-Hồng lấy lại nét vui tươi nhưng chỉ một thoáng sau, nàng lại u-sầu như cũ. Chán rồi bà cũng chẳng buồn nói nữa vì bà cũng biết Thu-Hồng chỉ vui hẳn khi người con trai kia trở lại.

Một buổi sáng đẹp, khi những ánh vàng trãi nhẹ trên đồi cây ngọn cỏ, giữa tiếng líu lo của muôn chim đang hợp tấu trên đám lá, cành cây, Thu-Hồng lại miên man nghĩ tới người yêu.

Gió thổi nhẹ, mơ man đôi má hồng, làm tung bay mớ tóc biếng chải, Thu-Hồng tưởng như bàn tay Thuận đang xoa nhẹ trên má nàng và cũng đang vuốt ve mớ tóc của mình. Nàng nhấp nháu nghẹn mắt lại, môi hé mở như đang chờ đón một chiếc hôn nóng bỏng của Thuận.

Bỗng nàng giật mình tỉnh giấc mơ khi có tiếng kèn xe hơi bóp

vang. Một chiếc xe Peugeot màu đen đang chạy tới. Thu-Hồng vừa ngạc nhiên vừa hồn hở khi nhìn thấy người lái xe lại là Thuận. Nàng chạy nhanh tới, ngả người vào tay Thuận cõng vừa mở cửa xe bước xuống.

— Anh nhớ em quá, Thuận nói nhỏ.

— Em cũng thế.

Thấy Thu-Hồng nhìn chiếc xe, Thuận cười nói :

— Xe của anh đấy. Lần này anh đến đây không phải để xin việc làm đâu mà chỉ cốt thăm em thôi... Có được không bà chủ ?

Thu-Hồng ngập ngừng hỏi :

— Nhưng... còn chuyện riêng của anh ra sao ?

— Anh vẫn là anh họ của em, Thuận nghiêm giọng nói.

Thấy người yêu xịu mặt, Thuận vội nói to :

— Anh nói dối em đấy, sự thật thì xong xuôi cả rồi. Người vợ cũ của anh đã băng lòng ly-dị. Chúng ta sẽ lấy nhau — nếu em băng lòng — sau khi bản án cho ly dị được Tòa-Án tuyên bố.

Thu-Hồng mơ màng :

— Lúc đó chúng ta sẽ bán

chiếc đồng diền này đi để trả nợ
rồi chúng mình về. Sai on ở nhì.

— Không, đồng-diền này vẫn
thuộc về em, và nếu em muốn ở
mãi nơi đây anh cũng sẽ ở lại
với em.

Không dè cho Thu Hồng kịp
ngạc nhiên, Thuận móc túi lấy ra
tập ngân phiếu biên mẩy hàng chữ
rồi xé đưa cho nàng. Cầm tấm
séc trong tay, nàng lầm nhầm đọc
Thuận đã ký ngân phiếu để tên
nàng một số tiền là ba trăm ngàn
đồng bạc.

Ngừng đầu lên bắt gặp tia nhìn
âu yếm của Thuận, nàng ôm
chầm lấy anh khóc nức nở.

Xoa nhẹ mái tóc người yêu,
Thuận vui vẻ nói :

— Em cứ khóc đi, tình yêu
của chúng ta đã vượt qua được
mọi sự trắc trở và giờ đây đã êm
đẹp hơn bao giờ hết, phải không



* DANH NGÔN

*Không phải nghề nghiệp làm danh giá cho con người, mà
chính con người làm danh dự cho nghề nghiệp.*

L. PASTEUR

em ?

Thu Hồng dụi tóc vào má anh
khẽ gật đầu.

— À này em... bà chủ đồng diền
còn thiếu mấy tháng tiền lương
của tôi đấy nhé.

Thu Hồng nũng nịu :

— Böyle giờ em trả cả em cho anh
đấy. Anh có bằng lòng không ?

Hôn nhẹ lên mái tóc người
yêu, Thuận miên man nói :

— Chúng ta sẽ ở đây để tiếp
tục xây dựng cơ nghiệp. Thỉnh
thoảng hai chúng mình lại về
Sài-gòn chơi ít hôm cùng kiềm
soát công việc của hàng mà anh
hiện có rồi lại lên đây để sáng
sáng cùng em sải ngựa trên đồi
cùng ra suối tắm chứ. Anh tính
thế được không em ?

— Em yêu anh quá, Thu Hồng
run run nói, em yêu anh

**Một
Cái tàu thuốc phiện**

**25 đồng giá
vạn mỹ-kim**

★ NGUYỄN TRIỆU

« đồng-bóng » như thế nào :

**Cái tàu thuốc phiện
đáng giá 25 vạn đồng
vàng Mỹ**

CÁI bả độc thuốc phiện
truyền vào Trung-quốc
là nước láng giềng ta
và ca nước ta đã có đến ngoài
hai trăm năm rồi.

Trong khoảng thời gian đó,
trên thi quan, tướng, dưới đến
sĩ thứ, binh tốt, giới nào cũng có
người mắc phải...

Trong cuốn « sô đen » bọn
người nhập-tịch « làng bếp » mỗi
ngày một nhiều, hàng ngày ức -
triệu đồ-dệ thán Phù - dung, đã
diễn ra biết bao chuyện đáng
giận, đáng buồn, đáng khóc, đáng
cười, không thể kể sao cho xiết.
Chúng tôi chỉ xin thuật lại một
chút xét là lý-thú nhất để các bạn
thấy rằng những người nghiên

Cuối đời Mân-Thanh, Tây-
thái-Hậu chuyên quyền đã gây
ra khá nhiều cuộc nội-loạn, ngoại
xâm, làm cho Trung-quốc suýt bị
diệt-vong. Cuộc cách-mạng năm
Tân-Hợi xảy ra làm cho đất-
nghiệp của Mân-Thanh xây-dựng
ở Trung-quốc từ đó bị tuyêt-diệt
một cách vô cùng bi-dát.

Cứ theo các sách chép lại thì
Tây-thái-Hậu phục dụng rất xa-
xỉ, riêng một khoản thuốc-phiện
hằng ngày do Nội-phủ kêu khai
đã tốn trên năm trăm đồng.

Thứ thuốc phiện riêng của Tây-Hậu dùng, hằng năm do các tỉnh như Vân-Nam, Quý-Châu, Quảng-Tây, đến mùa phải lựa lọc những thứ « nhựa » hão-hạng, nấu đi nấu lại rất kỹ, đóng thành từng CÓNG gọi là « ngự dụng hương giao » niêm-phong cẩn mật, sai quan chuyên viên đệ kinh tiến-cống.

Tới kinh-sư (Bắc-Kinh) thuốc ấy lại do Cần-tín-ti xét kỹ thu nhận, chứa vào nội-tàng, lần lượt đem cung ngự-dụng.

Về bộ Bàn đèn của Tây-hậu dùng, thứ gì cũng đều quý-giá cả... cái kém nhất cũng giá hàn vạn trở lên. Riêng cái tàu, một nhà buôn châu-bảo Mỹ đã mua với giá 25 vạn đồng Mỹ-kim.

Theo điều đã xét nhận kỹ-càng của các tay lão-dò-dệ thần phù-dung ở nước Tàu, thì trong các thứ tàu, duy có tàu của hiệu « Đàm-Nguyễn-Ký » chế ra là có chút đặc-biệt :

Tiếng kêu trong mà dòn, khói hút đượm mà thơm. Cũng vì thế nên Tây-hậu thích dùng thứ tàu của hiệu ấy.

Dò biết tính sở-thích của Phật-

gia (1), một vị triều-thần liền lợi-dụng để lập công cho mình và làm ơn cho người, tìm đến bảo chủ hiệu « ĐÀM-NGUYỄN-KÝ » nên làm một cái giặc-tầu đặc - biệt đem dâng, tất được trọng-thưởng...!

Được dịp dè tò lòng thành với đức chí-tôn, chủ-hiệu vui mừng khôn-xiết, liền bỏ ra một món tiền to cho người đi tìm những tàu của hiệu mình mà các dân « Bếp » dùng đã lâu năm, chất thuốc nhiều, mua lại được hơn 100 cái. Mua về, họ cho vào máy nghiền nhỏ, rồi lọc lừa rất kỹ, lấy toàn những chất tinh túy rồi giao cho mấy tay thợ kéo nhào luyện chế thành một đôi tàu mới rất đẹp và nhã, nhẹ và bền.

Đôi tàu ấy lại có một vẻ đặc biệt, làm cho nó thêm quý-giá vô cùng. Bề mặt mỗi cái đường kính chỉ độ 60 tới 70 li, trên dưới chia ra hai phần : phần trên khắc bài « Tiền xích bích phú »,

(1) *Tiếng kêu xung ở Cung-cẩm và Triều-đình Mân - Thanh thường dùng mỗi khi xung hô Tây-hậu.*

phần dưới, bài « Hậu xích-bích phú ». Cả hai phần bài phú có gần 1.000 chữ, một chữ chỉ nhỏ chừng bằng hạt cát mà nét chữ đều rành rọt và phải dùng kính hiền-vi chiếu to ra mới đọc được. Dưới mỗi bài lại khắc đủ họ và tên tác giả là Tô-Đông-Pha và ngày, tháng, năm đã chế ra.

Một tờ báo Tàu đã dùng máy phóng-dai hai mặt tàu ấy đem in lên báo: ai nấy đều nhận là chữ rất tốt. Nghe nói đó là thủ-bút của Ngư-Dương tiên-sinh, một danh-bút thời bấy giờ.

Làm thành đôi dọc-tầu ấy rồi, chủ hiệu Đàm-Nguyễn-Ký do viên triều-thần kia tiến dấn, Tây-Hậu dùng thử, thấy thơm ngon lạ thường, khen là tuyệt phẩm, lập tức truyền chỉ ban khen, cho viên Triệu-thần được thăng hai trật, còn chủ hiệu Đàm Nguyễn-Ký thưởng « tú phẩm vinh hàm ».

Đến lúc tuổi già, sức yếu, Tây-hậu biết mình cũng chẳng sống được bao lâu nữa bèn nghĩ cách xây tầm-cung ở Đông-lăng để làm nơi yên-nghỉ cuối cùng.

Tầm-cung ấy, Tây-hậu làm cũng hết sức xa-xỉ như Di-Hòa-

Viên, tốn chừng hai ngàn vạn đồng. Tầm cung ấy rộng đến 20 mẫu, ở trong cũng xây các cung-diện, cũng như nội-phủ ở Bắc-Kinh, nhất là lại có cả Tứ-hà-cung là nơi bà bút thuốc phiện.

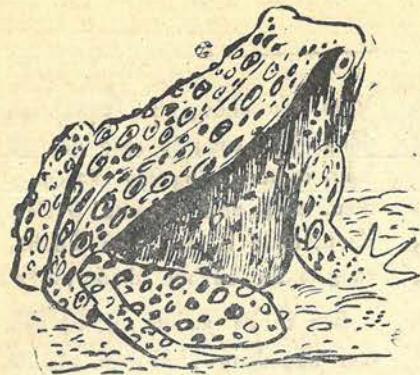
Sau khi bà vạn-tuế rời, bộ bàn đèn ngự-dụng phải đem vào đền ở đó, trong có đủ hai tầu « Xích-Bích ».

Sau khi nhà Mân-Thanh đã mất, lăng-tầm các đế-hậu ở Đông-Lăng không người trông nom. Một bọn thồ-phí, súc nghĩ đến sự xa-xỉ của Tây-hậu đời xưa, liền nghĩ đến việc lấy trộm các đồ châu-bảo ở tầm-cung.

Năm Dân-quốc thứ 22, trước khi quân bộ-hạ của Trương-học Lương đào phá Đông-Lăng, bọn thồ-phí ấy đã đào đường hầm vào tận tầm-cung Tây-hậu, được rất nhiều của quý và bộ bàn đèn.

Chúng biết là của quý vô-giá, nên chia nhau đem bán lẻ từng thứ tản mát ở các nơi.

Và chiếc tàu nọ, vì có đó đã vào tay một nhà buôn người Mỹ với giá là 25 vạn đồng mỹ-kim.



CON CÓC

★ TRẦN-NHÂM-THÂN

TRONG những câu chuyện tiểu-lâm, thần-thoại ở Việt-nam và Tàu, truyện con Cóc đã chiếm một phần lớn trong số những câu chuyện ấy.

Truyện Cóc rất phong-phú. Giờ ta thử xem chỗ ở và hình thù của con Cóc ra thế nào.

Ở nhà quê, thường thường nơi nào cũng cóc cóc. Cóc thường ở trong nhà, nơi kẽ hẽm, hoặc những nơi hốc-hác ngoài bờ bụi.

Cóc giống như Ếch, nhưng chân nó ngắn hơn, da sù-sì, nhảy chậm-chậm, ở khô. Hễ đựng mạnh vào thân Cóc là nó phình bụng to ra. Cóc ăn những côn-trùng nhỏ như : kiến, mối, v.v.. Cóc ít khi cắn người ; nhưng nếu cắn thì rất độc.

Thịt Cóc ăn rất ngon. Trẻ con

mắc bệnh cam-tích, hoặc người nào bị chổng nước lớn bụng nếu ăn thịt Cóc thì bệnh lành hẳn.

Muốn làm thịt Cóc thì trước hết chặt đầu rồi lột da mình — đừng cho mủ ở da và mật dinh vào thịt, vì ăn rất độc ; có thể chết — Những bộ phận trong ruột Cóc đều bỏ.

Duy có gan Cóc còn tươi đem đắp lên mệt Đinh-dộc ; kèm theo là vò lá Kim-Cúc với muối rồi uống thì mệt lành liền.

Thịt Cóc đem băm đồ chả với trứng vịt ăn tuyệt ngon, mùi thơm «bé mũi». Ăn nóng ngon hơn ăn nguội.

Cóc da vàng thịt bồ và ngon. Cóc da đen, đầm thêm chấm đồ thịt độc.

Thường thường con người mắc

CON CÓC

phải một loại mực nhỏ (to bằng hột bắp, hoặc to hơn một tí) da sù-sì, màu sạm, dày thịt, nồi vòng lên mặt da, khó mà phá hủy. Đó là mực cóc (verrues).

Căn bệnh mực Cóc bên Tây-y có nhiều già thuyết ; song tựu-trung chưa có thuyết nào đúng cả.

Còn bên Đông-y thì cho tại cơ-năng của tiêu-trường do sự bất thường mà xảy ra.

Hiện nay đã có thuốc trị mực Cóc nhưng phải nhờ đến bác-sĩ chuyên-môn mới làm được :

1) Acide chromique pur

2) Galvanocentère

3) Etincelaye

Đó là thuốc trị mực cóc số ít. Nếu nhiều phải nhờ bác-sĩ khám căn bệnh.

● CA DAO ● TỤC NGỮ CÓC

Truyện ghi rằng : Ngày xưa, gấp mùa nắng hạn, Cóc lèn tận Thiên-dình, tâu cùng Ngọc-hoàng Thượng để xin cho Trời mưa để dân được nhờ mà làm ăn cày cấy. Ngọc-hoàng cảm động. Nên có câu :

Cắn lưỡi hồng té xuống ao mảng,

Sông làm chí gá nghĩa chín con trăng không thành.

Con Cóc kêu còn động lòng trời,

Huống chi ta với bạn đời lời không xiêu.

Vì Cóc kêu là trời mưa nên dân quê họ rất tôn-sùng Cóc :

Con Cóc là cậu ông Trời,
Hết ai đánh nó là Trời đánh cho

Tuy vậy, Cóc cũng là vật phá hoại mùa màng của dân quê :

Cấy thưa thừa thóc,

Cấy dày thì Cóc được ăn.

Thưa kia, Cóc ra Vũ-Môn thi với các loài cá. Song vì hình-thù xấu-xí, Cóc bị quan-trường bôi vôi, đánh dấu nơi đầu rồi đuổi về. Vì vậy có câu :

May ra như Rồng gấp vận,

Chẳng may ra như Cóc bôi vôi.

● THƠ và TRUYỆN CÓC

Nói đến thơ con Cóc, hẳn trong chúng ta ai cũng đã biết một bài thơ trong truyện tiểu-lâm ché-diều mấy nhà thơ nọ tập làm thơ. Thơ rằng :

Con Cóc trong hang, con Cóc nhảy ra,

Con Cóc nhảy ra con cóc ngồi đó.

Con Cóc ngồi đó, con Cóc nhảy đi.

Vua Lê-thánh-Tôn (1460 - 1497) có vịnh một bài thơ con Cóc để tỏ rõ chí khí của mình :

Bác mẹ sinh ra mặc áo sồi,

*Chốn nghiêm thâm - thâm một
mình ngồi*

*Chép miệng nuốt ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyền - động bốn
phương trời.*

Đời Tây-Sơn (1788 - 1792) khi vua Quang-Trung đại phá quân Thanh rồi, có bốn ông Tiến-sĩ xin làm một bài thơ ca-tụng công-đức Ngài. Vua chấp-thuận và ra đè : « Vịnh con Cóc », lấy văn « Bàn ». Một tiếng trống đánh, mỗi tiến-sĩ phải làm xong một câu thơ :

*Nghiến răng lùng biển Bắc,
Tắc lưỡi dây trời Nam.*

Áy nò là con Cóc,

Chẳng phải quả Bàn-Bàn.

Cụ Nguyễn-Thành (Nguyễn-triết-Phu) ở Quảng-Nam có làm một bài thơ « vịnh con Cóc ». Trong đó có hai câu khẳng-khai nhất :

*Thiên-địa bắt bỉnh nan bế khầu
Phong vân vị chí thả mai đầu*

● TRUYỆN TRÊ - CÓC :

Trong truyện Nôm-cò của ta có một tác-phẩm « truyện Trê-Cóc ».

Truyện rằng :

— Cóc đẻ trứng ở ao, nở ra nòng nọc Cá Trê thấy giống mình nên nhận làm con. Cóc làm đơn kiện Trê. Quan tòa khó xử vì hai lẽ : — « một Cóc ở khô, Trê ở nước ; hai là nểu Cóc không mất con sao lại kiện Trê ».

Trê bị giam, rồi được thả. Cóc vào tù.

Sau nhờ Nhái-Bén, Cóc lấy lại được đàn con về. Trê bị ghép vào tội phát-lưu.

● TRUYỆN LẤY VỢ CÓC

Ngày xưa, có hai vợ chồng nhà quê nọ sinh hạ được một đứa con gái rất tinh khôn ; tuy hình dáng nó giống Cóc. Cóc siêng làm và hát hay nên có một cậu học-trò mê nàng và lấy nàng làm vợ.

Trong hai cuộc thi làm cổ và may áo — do thầy đồ và học trò tổ chức — vợ chàng Cóc đều được nhất.

Đến lần thứ ba là thi sắc đẹp, vợ chàng Cóc cũng được nhất nốt. Bạn bè chàng Cóc cả phục.

● CÓC CUNG-QUẢNG :

Cóc ở Cung-trăng mà ta thường gọi là Thiêm-Thử. Mặt trăng còn có tên nữa là Thiêm-Cung (cung con Cóc). Cóc này sống đến ba ngàn năm.

Thuở xưa, Cóc sống ở haj-giới, ven bờ biển. Vì tính hay ăn thịt người nên Ngọc-hoàng Thượng-de đem Cóc lên trời để giữ cung Quang-hàn.

● CÓC HẬU NGHỆ

Vợ chàng thiện-xạ Hậu-Nghệ uống trộm thuốc trường-sinh bất-

tử của chồng do bà Tây-Vương mầu ban cho, chồng bắt được. Nàng lén trốn.

Vì uống thuốc dở-dang, nên vợ Hậu-Nghệ chỉ bay lên được cung trăng thôi ; rồi nàng hóa thành con Cóc ba chân : hai chân dằng trước ; một chân dằng sau.

Tóm lại, Cóc tuy là vật hình thù xấu-xí ; nhưng nó rất được người ta chú ý đến nhiều nhất trong những con vật khác. Kề cùng vinh hạnh cho Cóc thật.



★ CÒN TRẺ MÃI ?

Đại nhạc-sư Pablo Casals hiện ở New York, hôm vừa rời tuyên bố với các báo Mỹ :

— Tôi không thích nghỉ-ngơi.

Các báo đều tin ông nói thành-thật vì người ta biết rằng ông làm việc liên tiếp mỗi ngày từ 7 giờ sáng đến 11 giờ đêm, tuy ông đã 84 tuổi và ông có cô vợ trẻ và đẹp.

GIAI THƯỞNG

CHIM BỒ CÂU

★ Alexandre Dumas Fils

● VƯƠNG - KIỀU dich

(Le prix de Pigeons)

TÁM giờ sáng ngày 15-9 1837, người đưa thư bước vào một tòa nhà ở phố Mát-lây, trao cho ông Lơ-broong một bức thư. Ông-broong vóc người to béo, vào trạc bốn mươi lăm, là người giàu có trong giới thương trường. Ông có một người con gái tên là Duy Ly. Giữa hai cha con hoàn toàn khác biệt nhau. Ông ta thi xấu xí, đần độn và ích kỷ; trái lại Duy-Ly thì thông minh, đẹp và bác ái.

Người hầu gái mang lện cho ông một bức thư, Duy-Ly ngồi

cạnh cha, đôi má ửng hồng khi nhìn những giòng chữ quá quen thuộc. Hình như có sự sắp đặt chờ đợi sáng nay của cô ta. Nhìn những giòng chữ trên bì, ông Lơ Broong lắc đầu lầm bầm:

— Minh không hề quen ai, có lối chữ này!

— Cha hãy mở xem, thì sẽ biết ngay. Duy Ly nói.

Ông Lơ Broong mở thư:

— A, của Lê-Ông!

Duy-Ly phụ họa:

— Thật vậy hở ba.

Ông Lơ Broong từ từ đọc:

« Thưa ông, ông sẽ ngạc nhiên

GIẢI THƯỞNG CHIM BỒ CÂU

khi thấy bức thư này, với những lời thỉnh cầu lạ lùng, đột ngột của tôi. Thú thật rằng, tôi yêu con gái ông và trái lại cô Duy Ly cũng yêu tôi »...

Ông Lơ Broong kêu lên :

— Nó yêu mày, mày cũng yêu nó sao. Duy Ly ? Có đúng thế không ?

— Thưa bà vâng ạ. Trước kia mẹ con yêu ba, thì bây giờ con cũng có thể yêu Lê-Ông.

— Vâng, nhưng bà là một nhà thương mãi.

— Nếu vì thế, mà trước kia mẹ con yêu ba, thì ngược lại bây giờ con yêu chàng.

Nhưng mà nó muốn gì ?

— Anh ta muốn hỏi con làm vợ.

— Táo bạo thật ! nhưng sao con biết ý định nó ?

— Thưa bà, chàng vừa nói với con hôm qua.

— À, thế ra chúng mày đi lại lén lút với nhau ?

— Dạ, đúng vậy.

— Thường xuyên hả ?

— Dạ.

— Chao ôi !...

— Thưa bà đừng lo ngại, chàng hứa sẽ yêu con suốt đời.

— Thế mày trả lời sao ?
— Con, thi yêu chàng cho đến chết.

— Tốt lắm, thôi mời cô trở về phòng ugay, tôi sẽ kiếm cho cô một ông chồng.

Lơ Broong đứng dậy, không buồn đọc tiếp bức thư. Duy Ly hỏi :

— Một ông chồng theo ý lựa chọn của Ba ?

— Đúng vậy.

— Con không bao giờ chịu lấy người ấy, nếu không phải Lê-Ông.

— Thế chỉ có Lê-Ông mới vừa ý mày sao ?

— Thưa bà vâng ạ.

— Mày tin rằng tao sẽ thỏa thuận theo ý mày ?

— Dạ, con mong vậy.

— Tao sẽ viết thư cho thẳng Lê-Ông, không được lui tới nhà này nữa.

— Con có thể gặp anh ta như thường.

— Ở đâu mới được ?

— Con sẽ hẹn chàng ở cửa sổ phòng con.

— Thế mày định nói gì với nó ?

— Con sẽ nói rằng con yêu chàng, rằng ba quá câu chấp, rằng khi nào đến tuổi trưởng thành con sẽ cưới chàng...

— Con này lão ! Mày học những nguyên tắc đẹp đẽ ấy ở đâu thế ?

— Thura ba trong luật Hộ, điều 227 chương quyền hạn của người thanh niên.

— Được, nhưng mày biết mày sẽ có bao nhiêu hồi môn không ?

— Dạ, được sáu vạn quan.

— Tao không cho mày số tiền ấy.

— Theo điều 86 chương thura kế, con có thể hưởng tài sản của mẹ con.

— Ai dạy mày những điều ấy ở trong luật hộ ?

— Người yêu của con bảo thế, thura ba, chàng thông suốt mọi vấn-dề.

— Còn nó, chắc chẳng có gì cả ?

— Chắc vậy, nhưng con tin chàng sẽ làm ra tiền và chính ba cũng công nhận điều ấy.

— Tao ư ?

— Vàng ạ, con được nghe ba nói nhiều lần về điều

ấy và những lời ngợi khen về Lê Ông. Thura ba, nếu thương con, ba cho con lấy chàng.

— Không — không bao giờ, vì Lê Ông chẳng có gì cả. Con phải có một người chồng khá giả tương xứng với số hồi môn của con.

Duy-Ly phân trần :

— Nếu đọc tiếp, cha sẽ thấy chúng mình có thể thỏa thuận với nhau về điều kiện ấy...

Ông Lơ-Broong tiếp-tục :

«Mục đích duy nhất của tôi là được làm chồng con gái ông và muốn cho cô Duy Ly sung sướng. Chắc ông còn lạ gì về tài năng săn cá của tôi. Xin ông chấp nhận cho lời thỉnh cầu sau đây : trong thời hạn một năm, tôi sẽ kiếm ra nỗi số tiền 5 vạn và sẽ đến xin hỏi con ông làm vợ. Nếu quá thời hạn trên, tôi sai lời, thì xin chịu chết vậy.»

— Thura ba, thế nào ?

— Thôi, cũng tạm được.

— Ba đồng ý chứ ?

— Vâng, chiều theo ý con...

— Con có thể tin cho chàng hay, về tin mừng này, và bảo

chàng lên ngay. Chàng đang chờ con ngoài phố.

Nói xong, nàng đứng dậy mở cửa sổ và gọi Lê-Ông...



Duy-Ly nói với chàng :

— Anh cảm ơn ba đi, vì Người đã chấp thuận lời thỉnh cầu của anh.

Lơ-Broong đỡ lời :

— Anh yêu con tôi lắm sao ?

— Thura ông đúng vậy, và bằng tất cả tâm hồn...

— Anh tin rằng sẽ đạt ý nguyện ấy chứ ?

— Dạ đúng vậy.

— Anh có thể cho tôi biết hiện giờ anh có những gì ?

— Chả có gì cả !

— Ít nhất anh cũng có một chỗ làm việc chứ ?

— Dạ có ạ, ở bộ Tài chính.

— Anh lãnh được bao nhiêu hàng tháng ?

— Một trăm 13 quan 75 xu.

— Chẳng thàm gì !

— Tôi có thể xin thôi chỗ ấy.

— Chắc kiến thức anh khá lắm nhỉ ?

— Vâng, thura ông cũng tạm đủ.

— Anh nói được tiếng Anh

chứ ?

— Cũng khá ạ.

— Còn tiếng Đức ?

— Tôi có thể nói như tiếng Pháp vậy.

— Tiếng Ý, Tây-ban-nha, Latinh, Hy-lạp ?

— Rất khá, tôi biết cả tiếng Á-rập nữa.

Duy-Ly thêm vào :

— Tiếng Á-rập hay lắm ba ạ !
— Thế ra anh đọc được cả cái loại chữ dài lòng thông ấy sao ?

— Thura vâng.

— Anh có biết vẽ không ?

— Tôi có thể vẽ lại một danh họa khá đẹp. Tôi còn biết về kiến trúc, hóa học và quản thông lịch sử thế giới, tự-nhiên học luật học. Với khả năng ấy, tôi tin có thể kiếm nỗi số tiền 5 vạn trong một năm.

— Số tiền to đấy, vậy tôi kỳ hẹn anh, đúng ngày 15-9-1838 anh sẽ lại đây, tôi định liệu.

Lê-Ông quay lại phía Duy-Ly :

— Thế em chờ anh một năm nhé ?

— Vâng ạ, em sẽ cố chờ.

— Vậy thura ông, tôi xin đúng hẹn.



Sau tần tuồng ấy, hơn mươi tháng, tại một khách sạn nhỏ ở Luân-dôn, ta thấy có một người xanh xao, râu ria lởm chởm, quần áo rách rưới, trong một căn phòng tồi tệ, đã 2 ngày liền, chàng ta chẳng có gì ăn cả. Tay trái người ấy, đang cầm một khẩu súng lục... trên bàn có một bức thư đề gửi cho Duy-Ly... Đó là Lê-Ông.

« Em ạ, bây giờ anh nghèo khổ lắm, hơn ngày gặp em lần cuối cùng — hơn thế nữa, hai ngày nay, anh không có gì trong bụng cá. Chỉ vì muốn trọn lời hứa và được em suốt đời, nhưng không có cách nào hơn nữa, ngoài cái chết... »

Khi bức thư này đến tay em, thì anh chẳng còn trên đời và vẫn nhớ em. (18-7-1838) Lê-Ông.

Lê-Ông sắp thi hành ý định, thì người chủ khách sạn tung cửa bước vào.

— Định làm gì thế? muốn tự tử à?

Lê-Ông gật đầu.

— Còn món nợ 40 xu? Ông không trả, còn định tự tử trong

này tôi, ông muốn cho tôi phá sản sao?

— Thế là đến chót tự do cuối cùng đe chết, ta cũng không còn.

Lê-Ông tự lầm bầm :

— Này, khô sở lầm sao?

— Trời ơi... đúng vậy ông à!

— Ông không thể tìm một việc gì được à?

— Ông ơi, tôi biết đủ mọi việc thế mà nay chịu chết đói.

Tôi dự định dạy học, mà họ chỉ trả 1200 quan mỗi năm. Sau tôi dịch thơ Á-rập — những bài thơ hay nhất Âu-châu, chưa hề ai biết, nhà xuất bản bắt tôi phải trả trước 2000 quan mới chịu in. Tôi cũng đã thương lượng với chính phủ Pháp, họ chỉ trả có 800 quan, mà bắt về lại một danh họa của Vor-Lát-Kê. Thời gian làm việc ấy đòi hỏi ít nhất là một năm. Cuối cùng tôi sang Anh, dự định dạy tiếng Pháp cho các con nhà quý tộc, nhưng...

— Sao ông không bằng lòng với công việc 1200 quan ấy?

— Cũng có thể được, nếu tôi không yêu...

— Thế nghĩa là sao?

— Vâng, cũng vì tình yêu ấy, mà tôi cần kiếm 5 vạn quan

trong một năm.

— Ông điên rồi, làm gì có số tiền ấy trong một năm!

— Khô quá ông ơi, thế mà chỉ còn có 6 tuần lễ nữa là đến thời hạn hứa hẹn.

Ông chủ khách sạn trầm ngâm giây lâu, rồi buột mồm :

— Tôi giúp ông một ý kiến, có thể kiếm ra một số tiền ấy, nếu ông bằng lòng cho tôi một vạn quan.

Lê-Ông ngạc nhiên :

— Ông có thể kiếm cho tôi 6 vạn quan?

— Thật đấy! tôi không dùa đâu, nhưng này, bao tử ông có tốt không đã?

— Rất tốt!

— Thế thì ông có thể toại nguyện.

— Làm sao mới được chứ?

— Thời chờ có đông dài, hãy mặc áo quần vào, chúng ta cùng đi ngay đến nhà một ông nguyên nghị viên Anh-quốc.

— Ông ta sẽ cho tôi 6 vạn quan à?

— Không. Ông ta sẽ giúp ông kiếm ra số tiền ấy, nếu bao tử ông tốt. Ngày mà có thích

ăn thịt chim bồ câu không đã?

— Ồ, món ấy thì tuyệt!



Ông chủ khách sạn dẫn Lê-Ông đến nhà Lơ-nít Sdan, một nhà quý phái bác học, nguyên lão nghị viên Anh quốc. Vừa đến cửa, đã gặp ngay người bồi.

— Xin lỗi các ông, Đức ông không tiếp khách.

Người chủ khách sạn trả lời:

— Chuyện dự thi chim bồ câu đây mà!

— Nếu vậy, xin mời các ông vào.

Hai người bước vào trong căn phòng tiếp khách trang nhã, đẹp đẽ. Mười phút sau, Lơ-nít Sdan ra. Người chủ khách sạn liền đứng dậy giới thiệu :

— Thưa Đức ông, người này muốn dự thi GIẢI CHIM BỒ CÂU.

Lơ-nít Sdan nhìn Lê-Ông rồi hỏi bằng tiếng Pháp :

— Ông là người Pháp? Ông muốn dự thi chim bồ câu? Nếu thế xin kể qua cho ông rõ: ở Luân-dôn có một hội những nhà Bác học, mà tôi là Hội trưởng, có treo giải thưởng cho ai, ăn hết 30 con bồ câu trong một tháng. Công việc tuy có vẻ dễ

dàng thật, nhưng chưa có ai đạt tới cả. Từ trước đến nay đã nhiều người tham dự. Có một số ăn đến con thứ 10 là rút lui, một số ăn đến con thứ mười lăm, là phát ốm, và hiện đã có ba người chết về vụ ăn chim này!

Lê-Ông ngạc nhiên... rồi lại nghĩ đến số tiền 6 vạn quan...

Nhà bác học hỏi lại chàng :

— Bao giờ ông có thể bắt đầu?

— Ngay từ hôm nay ạ, Lê-Ông trả lời.

Lor-nít Sdan dở ngay một quyển sổ ghi chép tên họ, hỏi Lê-Ông:

— Ông cũng là một nhà Bác học?

— Tôi có một kiến thức học vấn tương đối khá.

— Trong hội chúng tôi có ông Buốc-Lam, nhà khảo cổ La-Hy. Lê-Ông nói

— Trong bản dịch Óc-phê của ông ta, còn nhiều chỗ sai lầm quá.

— Chúng tôi còn có ông Gác-Trúc, một nhà Đông phuơng học.

— Theo tôi, trong tác phẩm nghiên cứu về nhà Đại thi hào Xa-Đi chua minh, chúng xác đáng.

— Ông có nói được tiếng Á-rập không?

— Thưa có.

— Vậy chắc ông biết ọng Gân

Bi ?

— Nhà thiên văn học? — Tôi có đọc các tài liệu của ông, nhưng nhận thấy chưa được đầy đủ lắm. Trong khi, tôi đã tìm ra được một ngôi sao.

— Ô, nếu vậy thì ông khá lắm, và bây giờ chỉ còn biết ông có tiêu thụ nội, mỗi con bồ câu quay mỗi ngày, trong thời hạn 1 tháng không? — Lê-Ông buồn rầu đáp :

— Thưa ông, tôi chỉ muốn có 6 vạn quan, để cưới người yêu của tôi thôi.

— Ông sinh ở đâu? — Ba-Lê.

— Hiện trọ ở đâu? — Khách sạn « Sư tử đen ».

— Tốt lắm, xin ông xem qua các điều khoản của cam kết. Ông có quyền muốn ăn uống gì tùy ý, miễn mỗi ngày phải tiêu thụ một con bồ câu quay, trước mặt hai người làm chứng.

Lê-Ông còn hỏi lại :

— Quý vị không đặt một giải thưởng nào về khoa học, nông nghiệp; lịch sử, thiên văn hay ngoại ngữ sao?

— Không ông ạ, vì những điều ấy không cần thiết lắm với chúng tôi. Thôi xin chúc ông thành công ý định, và phục vụ cho khoa học? Xin chào ông.



Lê-Ông bắt tay vào việc ngay chiều hôm ấy. Tám ngày sau, hai người chứng là Buốc-Lam và Stoc-Ly, cho ông Lor-nít-Sdan hay rằng, Lê-Ông vẫn tiếp tục ăn bồ-câu. Ngày 15-8, Lor-nít-Sdan hỏi họ :

— Hắn đã chết chưa?

— Vẫn ăn khỏe như thường lệ. Đến ngày 25-8, ông Hội-trưởng các nhà bác học đích thân đến gặp Lê-Ông.

— Ông thấy trong người thế nào?

— Khó chịu quá. Lê-Ông đáp.

— Thế vẫn tiếp tục chứ?

— Chắc thế!

Ngày 30-8 dân chúng Luân-dôn đồ xô về phía khách sạn « Sư tử đen ». Mùng hai tháng 9, hội Bác học loan tin, người trúng giải. Tờ « thời báo » viết như sau : « cách đây một tháng độc giả còn nhỏ, có một người Pháp đến dự giải chim bồ câu, do hội bác học thành phố Luân-dôn tổ chức. Nay xin báo tin, Ông Lê-Ông, người có một dạ dày mạnh vô địch và một ý chí phi thường, đã đoạt giải một cách vinh dự. Trước mặt ông Buốc-Lam, nhà khảo cổ Hy lạp, Hội trưởng Lor-nít-Sdan đã đọc một diễn văn

ca ngợi, sau khi trao tặng huy chương và giải thưởng. Cùng xin nhấn mạnh thêm rằng Lê-Ông còn là một nhà Bác học, ông dự thi với tính cách hiếu kỳ. Ông đã tặng cho người chủ khách sạn, một vạn quan về công lao quay chim hằng ngày cho ông. Sau đó, ông đã được vào bộ kiến đức Hoàng đế và được ngài tặng cho một hộp đựng thuốc lá rất quý. Đại sứ Tây ban Nha cũng xin nữ Hoàng tặng cho Lê-Ông Đệ I đại bê nữ công giáo. Hoàng tử Cuốc-dóp hứa sẽ tặng 5 vạn rúp, nếu Lê-Ông bằng lòng dự thi tại Nga... Nhưng Lê-Ông đã từ chối đề nghị ấy...»

Đúng hẹn, ngày 15 tháng 9 năm 1838, Lê-Ông đến tìm gặp ông Lor Broong.

— Thế nào? — Lor Broong hỏi.

— Chẳng những tôi đã kiếm đủ tiền, mà còn các tặng phẩm trị giá hơn hai vạn rưỡi nữa.

Lor Broong hỏi :

— Có phải là nhờ ở kiến thức học vấn của anh không?

Lê-Ông thở dài :

— Thưa... Đúng ạ!

Quên những ngày vừa qua, khi Lê-Ông nhìn người yêu mà lòng vui sướng, nghĩ đến ngày lấy Duy-Ly làm vợ...

Chung quanh nghi-án Lịch-sử Vua QUANG-TRUNG chết vì một liều thuốc độc của NGỌC-HÀN Công-chúa

S A U bài « Cái chết của Vua Quang-Trung », tôi không ngờ đã được nhiều độc giả, có nhiệt tâm khảo cứu về Lịch-sử, tỏ ý hoài nghi và thắc mắc về tài liệu mà tôi đã viết đăng trong *Phổ-Thông Tạp-chí* số 62.

Có bạn lại còn hoài nghi cả đến cái họ « Nguyễn - Thượng » mà tôi đang mang ở trong người tôi, có sao lại là một di-huyết của giòng giỗi Lê-Duy được ? Vì vậy, tôi phải viết thêm bài này để làm thỏa mãn các bạn đọc bốn phương, và các giời thực giả có nhiệt tâm đến Lịch-sử. Và xin quý bạn đọc biết cho rằng : Số dì tôi phải trình bày lý myself về giòng giỗi và ngôi nhà thờ Nguyễn-Lê ra đây, không ngoài mục đích làm

sáng tỏ cái nghi vấn về bài « Cái chết của Vua Quang-Trung » và bổ-túc vài sử-liệu khác, chứ không phải vì háo danh, đem kẽ lại dĩ vãng vàng son của tổ-tiên nhà Lê chúng tôi để làm bia trước dư-luận.

★ ĐỀN VUA LÊ - LỢI TẠI LAM-SƠN

Trước tiên, tôi xin kể đến đền thờ vua Lê - Lợi. Đền thờ vị anh hùng áo vải, khai sáng nhà Hậu-Lê, nằm ở tả ngạn sông Chu. Đền thờ tọa lạc trên một khu đất rộng, hướng mặt ra con sông Chu lạng lè, lưng giáp vào rừng núi Lam Sơn hùng vĩ. Đền có ba gian rộng lớn, cột gỗ to vừa hàng mấy người ôm. Chính-điện có tượng vua Lê-Lợi bằng gỗ, sơn

★ NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH

- *Những di-tích của nhà Lê và ngôi nhà thờ Nguyễn - Lê - Phái tại Thanh-hóa.*
- *Trả lời những thắc mắc của quý-vị Học-giả...*

son thếp vàng, uy nghi lâm liệt. Tả hữu có những tượng và bài vị các công thần theo phò Vua Lê từ lúc khởi nghĩa tại Lam-Sơn cho đến lúc thành công khai sáng lên kỷ nguyên cho nhà Hậu-Lê.

Đôi câu đối giữa điện-chính, tôi còn nhớ như sau :

— **Thanh-Sử tạc Kim-bi, hùng Kiếm giệt Minh**
truyền Việt Sử.
Lam Sơn hưng ngọc.

bè, bối khóc nghiệp động Nam Sơn.

Xin dịch nôm như sau :

Thanh-Sử khóc bia vàng, kiếm báu giết thù Việt Sử.

Lam-Sơn xây bè ngọc. Áo gai giấy nghiệp động Nam Sơn.

Đền thờ này do dân Lam-Sơn xây dựng nền, dân làng sớm khuya hương khói thờ phụng vị Anh hùng áo vải. Hiện nay ngôi đền ấy vẫn còn, thuộc về làng Lam Sơn, phủ Thọ-xuân, tỉnh Thanh-Hóa.

Còn rừng núi Lam Sơn, nơi vua Lê Lợi phát tích, thì những năm 1952-1953-1954 là nơi V.M. dùng làm ngục-thất để giam giữ những kẻ chống lại họ.

* ĐÈN VUA LÊ TẠI QUÁN MẬT

Đèn thờ này do dân làng Mật Sơn lập nên để thờ Vua Lê, mà ông này có cái biệt hiệu là Chúa Chồm thuở thiếu thời. Vì lúc còn nhỏ, ông này luôn lạc không có nơi ăn chốn ở nhất định, nên ngủ thì lấy đình chợ, còn ăn uống thì ăn chịu bừa bãi lung tung khắp tất cả hàng quanh bánh ở Chợ Mật. Lạ một điều là hàng nào mà sang sớm mai cho ông ăn chịu thì hàng họ buôn may bán đắt, lời nhiều, mà hàng nào không bán chịu cho ông thì không ai đến ăn, nói quá đáng không có ma nào đến hỏi. Nên tuy luôn lạc mà ông vẫn ung dung ăn uống ngon lành. Cho đến lúc được đưa về làm Vua, các quan thần triều Lê phải xe không biết bao nhiêu là xe tiền để trả nợ cho Chúa Chồm.

Bởi vậy dân gian thử thời

mới có câu truyền khẩu :

Nợ như nợ Chúa Chồm.

Đèn thờ này xây cất theo hình chữ Môn, tọa lạc trên đầm đất rộng gần 4 mẫu. Mặt tiền ngõ ra quốc lộ số 1, lưng giáp vào núi Mật Sơn. Hàng năm dân chúng Thanh-hóa ngày đầu năm đến lễ bái rất đông đảo. Cho đến nỗi năm 1947-48 là năm thị-xã Thanh-hóa bị V.M. ra lệnh tiêu thổ kháng chiến, không còn một ngôi nhà nào đứng vững, không còn một viên gạch nào nguyên vẹn, cả một thị trấn trước kia sầm uất như nay, cuối năm 1947 chỉ còn lại một khu đất bằng, mà dân chúng cũng vẫn tấp nập đến lễ bái tại đèn Vua Lê & Quán Mật. Nhưng cuối năm 1948 thì V.M. mở một nhà Quân-Dược do được sĩ Nguyễn-Dinh-Anh là Giám đốc, ngay cạnh nách đèn thờ Nhà-Lê, lấy giấy nhà liêu của đèn làm kho tàng trữ quân-dược.

Năm 1949 và 1950, Quân-dược này bị phi-cơ Pháp oanh-tạc 2 lần. Cả hai lần nói tàng trữ Quân-dược bị tan hoang, mà ngôi đèn thờ vua Lê vẫn

không bị một chút mây may sứt mẻ. Kép cũng là một hiện tượng lạ lùng.

Không biết sau năm 1952, là năm tôi bỏ vùng V.M. về Hà-nội, đèn thờ này có bị V.M. tàn phá hay không, thì tôi không được rõ cho lắm.

★ Nhà Thờ Nguyễn-Lê-Phái của giòng giỗi Lê-duy chung tôi.

Nói về đoạn thầy tôi không vâng lời ông tôi để vào lính Anh-Danh Giáo Dưỡng, là loại lính chỉ con cháu các Công thần triều Nguyễn mới được chọn. Đi lính Anh-Danh Giáo-Dưỡng chỉ độ 4 hay 5 năm là được bổ ra làm tinh-binhh xuất đội ở các tỉnh nhỏ — và mang hàm Chánh ngũ phẩm xuất-đội.

Thầy tôi bèn bỏ nhà ra đi, sau bao năm bôn Nam tẩu Bắc, lên voi cung lâm, mà xuống chó cũng nhiều, rốt cuộc lại thầy tôi dừng gót bôn tẩu, lấy Thanh-hóa làm nơi lập nghiệp vĩnh viễn.

Vì vậy đầu năm 1922, một rạp hát lớn được xây cất lên, đồng thời với căn Nhà-thờ

cũng không kém phần nguy nga cho giòng Nguyễn-Lê-Phái.

Khi đang xây cất, Thầy tôi thường chỉ nhà Thờ mà nói với mẹ tôi và anh em chúng tôi rằng :

— Chỉ có Nhà-thờ này là mới mài nỗi ông Nội ra Thanh ở mà thôi.

Quả nhiên sau khi làm xong, Thầy tôi về Quảng-Nam đón ông tôi ra như tôi đã viết ở bài « giòng giỗi Lê-duy-Mật cho đến nay », đang ở số 63 Phô-Thông Tạp-Chí.

Khi ông nội tôi ra đến Thanh-hóa, chỉ có một ngày hôm trước đến ngày hôm sau, mà thiên hạ kéo đến đông đảo như nước để xem mặt ông tôi.

Sao có chuyện lạ vậy ?

Vì ông Nội tôi là người khác thường. Thực vậy, Nguyên-mỗi một cái tuổi sống lâu đến 137 tuổi, râu tóc bạc phơ đã là một cái cớ cho mọi người phải kéo đến xem, huống hồ gì ông tôi năm ấy tuy tuổi cao như thế, mà mắt chưa lòa, đeo kính còn đọc được sách, da mặt tuy nhăn nheo, nhưng không kém vẻ hồng hào. Trên đầu ông tôi thường

quần mệt vành khăn nhiều tam giang nếp chữ nhất, bận áo sa xanh, vận quần nhiều điều, chân mang đòn bài gỗ, tay chống cây gậy trúc. Ông tôi còn đi ra vào chầm-chậm được.

Và thiên hạ kéo đến xem ông nội tôi đông-dâo chính vì những có tôi vừa kể trên.

Vì vậy, trong Phổ Thông số 62, trang 12, có một đoạn tôi đã viết :

« *Thế rồi như một thần tượng* ông tôi cung kính lẩn dở từng trang ở cuốn gia phả và cắt tiếng trầm trầm kể... »

Đọc : « *Thế rồi như một thần tượng* », chắc các bạn cũng cho tôi là một kẻ khoe khoang đến Ông nội một cách láo khoét, nhưng đến nay chắc các bạn đã thông cảm cho tại sao tôi phải viết như thế, đúng theo giác quan của mọi người biết ông thời bấy giờ.

Đoạn này đáng lẽ tôi không nên ra đây làm chi rườm rà tý mỷ, nhưng vì muốn làm vừa lòng một độc giả ở Tuy-Hòa có bút hiệu là Minh-Đạo thắc mắc hoặc nghi về điểm này trong báo *Tự*

Do, nên tôi mạn phép các vị độc giả mà trình bày ra đây.

Ít ngày sau, nghe tin Ông Nội tôi & Quảng-Nam ra, Cụ ỦNG-DINH, hồi đó là Tổng-Đốc Thanh-Hóa, có đến thăm Ông Nội tôi, và sau khi biết giọng giỏi Nguyễn-Lê của ông tôi khi Cụ viếng thăm ngôi nhà Thủ, thì Cụ ra về. Mười ngày sau, Cụ lại đến, lần này Cụ đem theo một bức hoành phi sơn son thếp vàng có 4 chữ đại-tự, và một đôi câu đối.

Khi đưa bức hoành phi có 4 chữ tặng Ông tôi, Cụ Thượng Ưng Dinh có nói :

— *Thưa Lão-Trương, đáng lẽ tôi phải tặng 4 chữ :*

« *Thọ Tỷ Nam-Sơn* » thì mới đúng chữ sách, nhưng vì có gì mà tôi viết tặng : *Thọ Tỷ Lam Sơn* chắc Lão-Trương cũng đã rõ thâm ý của tôi rồi.

Ông Nội tôi mừng đến chảy nước mắt, khi lời của một vị Đường quan đáng kính thoát ra.

Và đôi câu đối, thì thầy tôi lẽ mè tự tay đưa treo vào gian-chính của nhà Thủ.

Đôi câu đối ấy như sau :

Quảng-Địa phát công khanh
Thể hiễn tôn chí Văn doãn Võ.
Lam sơn truyền phiệt duyệt
Thời thừa Lê-Phái Tử
nhi-Tôn.

Sau đó cụ Thượng Ưng-Dinh còn làm sớ dâng về Bộ để xin tưởng thưởng cho Ông tôi về sự sống lâu. Nhưng tiếc thay cuối năm ấy thì ông tôi mất, không có thời giờ chờ đợi sự tưởng thưởng của vua.

Mấy năm sau, Cụ Ủng-Dinh về hưu. Và Cụ THÁI-VĂN-TOÀN ra Thanh-hóa làm Tổng-Đốc (1) Cụ Thái xưa kia là bạn cũ của thầy tôi, khi cụ còn làm Thông phán ở Tòa Sứ tỉnh Nghệ-An. Nay về trọng nhậm chức đầu Tỉnh Thanh-hóa, cụ không quên tình nghĩa cựu giao, mà thỉnh thoảng vẫn đến thăm thầy tôi. Và Cụ Thái cũng không quên tặng cho nhà Thủ Nguyễn Lê chúng tôi đôi câu đối như sau :

Hùng khí tụ Lam Sơn,
Lê Phái chí kim tùng
Nguyễn Tánh

Uy danh dương Quảng
Địa, Nguyễn môn tự cờ
dịch Lê-Duy.

Cho đến năm 1935, Cụ NGUYỄN-BÁ-TRÁC, là một nhà cách mạng, sau về làm quan với Nam Triều, đến chúc Thanh-hóa Tổng-Đốc, cũng có dịp đến viếng ngôi nhà Thủ họ Nguyễn-Lê, và chính cụ viết vào 2 bức lụa đỏ đôi câu đối như sau để tặng thầy tôi treo ở nhà Thủ :

Non Lam hun đúc hào
hung
Giòng giỏi chưa mờ nền
Đế-Bá.

Bất Quảng lẫy lừng tài
Tuấn
Cháu con càng rạng bức
Công-khanh.

Tất cả những di-vãng vàng
son của thời ông Nội tôi, tôi

(1) Nếu tôi không lầm, thì cụ Thái-văn-Toản là bác họ của ông Thái-văn-Kiêm, hiện làm Chủ-bút Văn-Hóa Nguyệt-San.

viết ra đây không ngoài sự làm thỏa mãn các bạn đọc và các giới thính - giả đang hoài nghi trước nghĩ vấn Lịch-sử trong bài tôi viết ở số 62, chứ không phải đem cái dĩ-vãng Vàng Son ấy khoe khoang để làm trò cười cho du luận. Năm nay tôi đã lớn tuổi rồi, không còn phải như kẻ « hào danh » vớ-vẩn.

Xin các bạn đọc và quý vị Thức-giả có nhiệt tâm khảo cứu đến lịch-sử biết cho tôi khổ tâm của kẻ cầm bút viết ra một sự thật về lịch-sử Dân-tộc có liên quan đến giờ đồng họ của nhà mình.

— Nhân tiện, dưới đây xin trả lời Ông MINH-ĐẠO ở Tuy-Hòa (Trong báo *Tự-Do*).

Điểm 1 : Xin Ông xem trong số này.

Điểm 2 : Xin Ông cho biết Ông căn cứ vào sử-liệu nào mà Ông viết : *Vua Quang-Trung chỉ mới có ý định sang cầu hôn, và đồi Luống Quang thì chết nên Triều Thần Tây-Sơn nhận Chìu chuyện này luôn. Tài liệu ấy e không được đúng lắm chăng ?*

Và Vua Càn Long cho làm lề hiệp cẩn giao bối ở ải Nam

Quan không phải là một chuyện vô lý, và gấp như ông tưởng. Vì Vua Càn Long cần phải giữ thể diện không có lẽ gả con mà lại phải đưa về Tận Phú Xuân giao cho vua Quang-Trung. Còn vua Quang-Trung thì không chịu thân hành sang đón vợ tại Trung-Hoa. Vì vậy, Vua Càn-Long mới buộc Vua Quang-Trung làm lễ giao bối hiệp cẩn ở ải Nam Quan.

Điểm 3 : Xin Ông đọc ở Phổ-Thông 64 — về bài tôi trả lời với Ông Nguyễn-văn-Minh ở Huế.

Điểm 4 : Nếu Ông vui lòng cho tôi biết địa chỉ của Ông, tôi sẽ xin bàn riêng về chứng bệnh *Thượng mā Phong*, chứ bàn luận về chứng bệnh « tục-tiểu » ấy trên tờ báo, tôi e không thành thu lầm. Thư riêng cho tôi xin Ông cứ nhờ Ông Giám Đốc Tạp-cuội Phổ-Thông chuyển giao, tôi sẽ tiếp được ngay. Hiện tôi ở khu bình-dân Nguyễn-tri-Phương, Chợ-lớn.

NG. THƯỢNG-KHÁNH

KỲ SAU : Xin trả lời những thắc-mắc của quý bạn khác trong quý báo : *BÁCH-KHOA, VĂN-ĐÀN, LÀNH-MẠNH, v.v...*

TUẦN

* NGUYỄN-VŨ

**CHÀNG TRAI
NƯỚC VIỆT**

**1910
1960**

Dân-chủng lịch-sử
và xã-hội hiện-tại

(Tiếp theo P. T. 64)

MỘT đêm, vào khoảng 7 giờ, cung điện vua Duy-Tân và tất cả Thành-nội Huế đang thắp đèn điện sáng choang, bỗng nhiên bị chìm trong bóng tối đen mờ. Các ông Hoàng bà Chúa trong cung, Thượng-thor các Bộ, binh lính khố-vàng, khố-xanh, đều hoảng-hốt, lật-dật thi-hành những biện-pháp đề-phòng chuyện bất-trắc. Ngoài thành phố, dân-chúng xôn-xao lo ngại. Nhưng chỉ một lúc thôi, rồi ào-khoảng 8 giờ, đèn điện trong Nội-lại bật lên sáng trưng như mọi đêm. Ai nấy đều vui-mừng yên ồn. Hai hôm sau, dù luân trong thành-phố đồn dài về vụ đèn điện tắt như sau đây. Trong thành nội có một nhà máy điện nhỏ và riêng biệt, để lấy điện thắp riêng trong Cung cấm và Hoàng-thành. Nhà máy

điện ấy do một vị kỹ-sư Pháp trông nom, tên là Paul Eberhart, (1) ông này cũng là thầy dạy Pháp văn và Cách-trí cho vua Duy-Tân. Vua Duy-Tân lúc bấy giờ mới 16 tuổi, mà đã tỏ ra là một chàng thanh-niên rất ham học, và một trí-óc thông-minh phi-thường, lại ưa chơi nghịch.

7 giờ tối hôm ấy, ông Eberhart đã về nhà. Vua Duy-Tân ngự xuống nhà máy điện xem chơi, rồi thừa lúc không ai đề ý. Ngài lén lấy kẽm tháo một chiếc bù-

(1) Paul, hay Henri, chúng tôi không nhớ rõ.

lon nho nhỏ trong guồng máy, và bỏ nó vào một thùng nước kê gần dãy. Ngài làm công việc «phá-hoại» ấy rất nhẹ nhàng, và mau lẹ, vài ba người lính gát và thợ thuyền không ai trông thấy. Bỗng dừng máy điện ngưng chạy và đèn điện tắt hết. Vua Duy-Tân cười tẩm-tẩm, thong thả trở về Cung. Ngài truyền gọi ông Eberhart đến gấp, để thử tài ông này một phen. Viên Ký-sư Pháp, cù-nhơn khoa-học, vừa là Thầy học của Ngài, cuống-quít lo sợ, không hiểu vì sao máy điện trong Hoàng thành đang chạy ngon tròn bỗng dừng lại hư?

Vua Duy-Tân bảo : « Ông phải sửa máy gấp rút lên nhé ! Đừng để các Cung-diện của Trần không có ánh sáng như thế này ! » Ông Eberhart chạy xuống nhà máy điện, cầm đèn bách lạp đi xem hết các máy-móc. Ông rất thắc mắc, không hiểu nguyên do vì sao máy không chạy. Ông lui-cui gần một tiếng đồng hồ, xem xét từng bộ-phận, không tìm ra máy hư chỗ nào. Bỗng nghe tiếng Vua Duy-Tân đến. Bốn tên lính cận-vệ cầm bốn đèn lồng theo hầu Ngài. Vì Hoàng-dế thiếu-niên hỏi : « Ông Eberhart, ông

không làm sao cho máy chạy được ư ? » Giáo-sư lính-quýnh đáp : « Tàu Bé-Hạ..., tôi chưa tìm ra... chỗ máy hỏng... »

Vua Duy-Tân mỉm cười : « Ông cho phép Trần tìm giúp với ông nhé ? » Giáo-sư Eberhart kính cẩn kêu lên : « Ô, tâu Bé hạ, ngài sẽ bị dầu mờ dính nhôp tay Ngài... » — Không hề chi, Vua Duy-Tân đáp. Thế rồi, trước cặp mắt kính ngạc của ông Giáo sư Cù-nhơn khoa học, cậu học-trò Hoàng-dế 16 tuổi thò tay vào thùng nước, lấy ra một cái bù-lon, đem gắn vào một guồng máy, lấy kẽm vặn chặt lại... Ngài tẩm-tẩm cười : « Tôi tưởng bây giờ máy có thể chạy được rồi ». Quả-nhiên máy chạy... và đèn điện sáng rực-rỡ trở lại.

Giai-thoại trên kia, có chỗ đáng ngờ, thực-hư thế nào chúng ta không thể nào minh-xác được.

Nhưng chắc chắn là đúng một phần nào, vì hai hôm sau đêm đèn điện vụt tắt trong Thành-nội từ 7 giờ đến 8 giờ, thì câu chuyện kia được truyền miệng trong dân-chúng, khắp kinh-dô Huế ai mà không biết, và không ai là không tin.

Trần-anh-Tuấn ở trường Quốc-học đã được các bạn cùng lớp kể chuyện ấy trong giờ chơi ngoài sân trường, về nhà lại được thầy Thông Vinh cũng thuật lại dầu đuôi đúng y như thế, và...còn hay hơn thế nữa. Thầy kết luận : Vua Duy-Tân thông-minh lạ thường ! Vua Duy-Tân học một biêt mười, Ngài thông-hiểu cả máy điện, Ngài hiểu còn hơn Tây nữa ! Vua Duy-Tân có kém gì Tây đâu !

Trần-anh-Tuấn lại lấy ra một quyền vở đưa thầy Thông Vinh xem. Lần này, chính Tuấn hánh-diện là đã chép được một bài thơ bằng chữ Pháp, mà một thầy Trợ-giáo ở lớp Nhứt có cho học-trò học, bảo chính là Vua Duy-Tân làm.

Bài thơ nhan đề :
Nocturne — Sur la Rivière des Parfums
Có thể dịch là : « Hương-giang dạ-khúc. »

Bài thơ có 20 câu, chép vừa một trang vở, tuyet hay, tuyet đẹp, đọc lên nghe rất ru-duong, rất buồn, thích-hop với tâm-hồn một thanh-niên mơ-mộng ở xứ Huế.

Thầy Vinh và cậu Trần-anh-

Tuấn cùng nhau ngâm-nga, nhịp-nhang, say-sưa :

La barque obéit, endormie
Aux coups réguliers du rameur,
Mon âme tressaille, meurtrie,
Aux coups de la vie dans mon cœur.
Et mon âme vogue, alanguie,
Au rythme alentî de mon cœur,
Et la barque vogue, alentie,
Au rythme alangi du rameur (1)
etc...

Bài thơ diễm-tuyệt đó, có phải thật của vua Duy-Tân làm ra không ? 16 tuổi, tâm-hồn của nhà vua đã tể-nhi đến thế ư ? 16 tuổi, nhà Vua đã giỏi Pháp-văn đến thế ư ? Tác-giả bài thơ chỉ ký

(1) dịch :

Thuyền ta thiu thiu ngủ, lênh đênh
Theo nhịp mái chèo bơi êm-ái
Tâm-hồn ta rên-rி, buồn tênh,
Theo cơn sóng trần-duyên té-tái.

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh,
Trên lớp sóng trần-duyên té-tái
Thuyền ta bơi lướt qua, lênh đênh
Theo nhịp mái chèo bơi êm-ái

(N.V.)

ba mươi-tứ F.G.H. nhưng hầu thế các Thầy Tự-giáo ở trường Quốc-học, và các Thầy làm việc ở các sở-Nhà-nước đều đồng thanh nói tác-giả F.G.H. chính là vua Duy-Tân. Ai nghĩ- ngờ là không phải của vua Duy-Tân, thì các Thầy tức-lâm, nhất định cãi lại cho kỳ được. Bởi vì Vua Duy-Tân không phải là một thanh-niên-tầm-thường như các thanh-niên khác. Ngài là một vị Thiên-tử, Ngài là một bậc thần-thánh. Ngài là cả khí thiêng nung-dúc của giòng dõi Tiên-Rồng.

Trần-Anh-Tuấn, cậu thiếu-niên 12 tuổi, năm 1915, được may-mắn học tiếng Pháp từ thuở bé, đã bắt đầu ưa chuộng văn-chương Pháp, thích lịch-sử Pháp, phục-khoa-học Pháp, nhưng được sống giữa Đế-đô Huế trong không khí sùng bái vua Duy-Tân, nên hể nghe nói đến vua Duy-Tân, một vị Hoàng-đế thanh-niên chỉ lớn hơn cậu 4 tuổi, là cậu nhiệt-liệt hoan-hôn vua Duy-Tân, mê vua Duy-Tân, bái-phục vua Duy-Tân, chỉ thích nghe chuyện và nói chuyện về vua Duy-Tân... cũng như hầu hết thanh-niên lúc bấy giờ, nhất là ở Trung-Kỳ.
... Cho đến tháng 5 năm

1916, sắp-sửa được nghỉ hè thì ở ngay kinh-đô Huế xảy ra vụ vua Duy-Tân bỏ Cung điện một đêm tối trời, thoát ly ra ngoại Thành để chỉ huy cuộc khởi-nghĩa đánh-Tây. Trần-Anh-Tuấn, cũng như toàn thể thanh-niên học-sinh trường Quốc-học, nghe tin ấy như một tiếng sét đánh bên tai.

Mấy ngày đầu, người Pháp ở tại Huế muốn giấu kín vụ này không cho dân chúng trong thành phố và học sinh biết.

Tuy số lính khổ-xanh và lính «Sơn-dá» (1) được tăng-cường canh-gác nhiều nơi, nhưng cuộc sống hằng ngày của Đế-đô Huế vẫn không thay-dỗi, như không có gì xảy ra. Học-trò vẫn đi học, và đến trường các vị Giáo-sư Pháp cũng như các Thầy Tự-giáo «An-nam» vẫn dạy học như thường lệ, không ai nói gì chạm đến «quốc-sự».

Nhưng ngoài các giờ học, sau khi mân lopp, học-trò về nhà lại được nghe người nhà, hoặc bà con hàng-xóm, thăm-thì về việc Vua Duy-Tân khởi-nghĩa đã bị Tây bắt, giam ở đồn Mang-cá...

Thầy Thông-Vinh, trong lúc



Linh Khổ-xanh, năm 1910-1918

ngồi ăn cơm với Trần-Anh-Tuấn trên bộ ván- ngựa trong nhà, lặng-lẽ trả-dầu-đua viết trên chiếu: «Cậu có nghe gì lạ không?». Tuấn cũng trả-dầu-đua viết đáp: «Đã có». Chỉ có thể thôi, rồi cả hai người ngồi ra ngoài đường im lặng. Từ hôm đó, không những trong nhà thầy Vinh mà cả thành

phố Huế cũng không còn ai dám nói đến những giai-thoại về vua Duy-Tân nữa. Cho đến bài thơ chữ Pháp «Nocturne» (*Hương-Giang dạ khúc*) mà ai cũng nói là của Vua Duy-Tân, bài thơ hoàn-toàn mơ-mộng, cũng không còn ai dám ngâm-nga nữa.

Một hôm, gần ngày bắc-trường nghỉ hè, chương-trình niên-khoa đã dạy-hết rồi, một Giáo-sư Pháp ở lớp Đệ-nhứt-niên của Tuấn, lần đầu tiên đem-vụ Vua Duy-Tân ra nói cho học-trò nghe. Ông mạt-sát vị Hoàng-đế cách mạng, và chửi rủa Ngài: «Thằng con nít ấy tự cho mình là một Đại- Hoàng-đế! Nó dám chống-lại nước Pháp, thì dấy, bây giờ nó đi ở tù!». Trần-Anh-Tuấn hăm-hăm nét mặt, ngồi nghe, tức-giận lắm. Đến giờ ra-chơi, Giáo-sư và học-sinh ra sân, Tuấn lén ở lại trong lopp, lấy phẩn-viết trên bảng đen hai câu thơ của Corneille trong kịch *Le Cid* mà cả lớp đã học:

Je suis jeune, il est vrai, mais aux âmes bien nées

(1) Linh «Sơn-dá» tức là **Soldats**, lính Tây, phân-biệt với Linh-Tập ((khổ-xanh) của «Annam» gọi là **miliciens**

La valeur n'attend pas le nombre des années.

(Tuổi ta trẻ, nhưng hồn ta không khái.)

Giá-trị người không đợi phải nhiều năm !)

Ở dưới ký : *L'Empereur Duy-Tân.* (Hoàng-dé Duy-Tân).

Hết giờ chơi. Học-trò vào lớp đông đủ. Viên Giáo-sư ban này cũng trở vào bàn của ông.

Nhưng ông đỗ mặt, giận-dữ, đọc hai câu thơ trên bảng đen, rồi hỏi :

— Ai viết đây ?

Trần-anh-Tuấn ngồi bàn dưới, can-dảm dơ ngón tay lên. Giáo-sư hàn-học nhìn Tuấn, bảo :

— Mày ngu như con lừa.



★ TRONG TIỆM HỚT TÓC

Một thầy nọ vào hiệu hớt tóc. Để cho không khí giữa thầy và thợ có vẻ thân mật, thầy gợi chuyện :

— Lúc này hớt tóc có khá không chú ?

— (buồn bã lắc đầu) Đã không thầy a.

— Sao vậy ? Tôi thấy hiệu chủ đông khách lắm mà.

Thầy nghĩ coi tuy khách đông thì có đông thật nhưng toàn là học sinh không à. Mà học sinh bây giờ thuộc loại « đốt súng mới » nên hớt tóc chỉ vanh tròn sau ót không hè.

— !!!

M.Q.H.
(Trường Nam Tân-châu)

Mày học trong sách nào nói rằng hai câu thơ kia là của Duy-Tân ?

Tuấn làm thính. Viên Giáo-sư mắng tiếp :

— Tu es un mauvais esprit !..

Tu es partisqne de Duy-Tân ?
Attention à toi !

(Mày là một đầu óc xấu xa..
Mày theo phe-dảng của Duy-Tân hả ? Mày liêu hồn nhé !)

Cả lớp im-lặng. Giáo-sư Dubois dút tay trong túi quần, đi qua đi lại trên kệ gỗ trước bảng đen. Ông đứng lại dột-nghẹt, trừng mắt ngó Tuấn :

— Tao đi « xi nha-lê » với ông Đốc-học.

Ông đi vụt ra cửa..

(Còn nữa)

Y-học

Những biến chứng của

BÌNH TÊ - LIỆT tré em (Poliomyélite)

★ NGUYỄN-ANG-CA

Vợ chồng anh Tám, tài xế taxi, tức uất, úa nước mắt nhìn thấy thằng Hiền 3 tuổi, đứa con trai duy nhất của vợ chồng anh, quắn quại, rên-xiết và tê-liệt một bên chân.

Anh Tám héto lên :

— Tại đốc-tử chích con mình trúng gân nên xuôi cẳng chờ gì !

Chị Tám oà khóc lớn lên :

— Nó mới nóng có một chút, tôi bảo mua thuốc Tàu cho nó uống, mình không chịu, một đì

Đồng bào coi chừng
Bịnh TÊ-LIỆT của TRẺ
EM đang bành-trướng

Đốc-tò, hai phải đi Đốc-tò, con mình mới ra nông nỗi.

Anh Tám rầu con, lại bị vợ trách, nỗi dóa, đánh chị Tám một bạt tay này lừa :

— Nói ! Đồ thừa nữa đi !

Rồi anh hồng thằng Hiền ra xe, lái đến phòng mạch ông Bác-sĩ.

Chị Tám với lấy chiếc khăn rằn đội đầu, nhờ chị ba bán chuối chiên coi nhà, rồi cũng hối hả chạy ra xe với chồng.

Anh Tám trao con cho vợ bồng, nhấn mạnh ga, chiếc xe

chạy bon bon đến phòng mạnh
Bác-sĩ Z.

Mặc bịnh nhơn lấy thẻ ngồi
chờ nơi phòng đợi, vợ chồng anh
bồng con ào ào vào phòng Bác-sĩ:

— Này ông, ông chích cái gì
mà con tôi xuôi một chân ? Đó,
con tôi, ông làm gì thì làm !

— Ông giết nó đi ! Ông chích
nó chết luôn đi. Chị Tâm oà khóc
to.

Bác-sĩ đã hiểu. Ông tiến đến
bồng đứa bé đê lên bàn dài, xem
bên cẳng mặt nơi bại xuôi, rồi nắn
lăn len cánh tay mặt. Ông Bác-sĩ
thở ra nhẹ nhẽ :

— Ông Bà làm rồi. Bé đã
bị bịnh « POLIOMYÉLITE »
— ?

— Ông nói nó bịnh gì ?

— Đó là chứng tê liệt, hay
bại xuôi của trẻ em mà hiện tại, ở
đô thành các trẻ em đang lai rai
mắc phải.

POLIOMYÉLITE thường tấn
công cơ thể trẻ em (Paralysis
infantile).

Khi tàu HOPE sang đây,
nhieu cha mẹ con trẻ mắc chứng
này, đã đem em xuống tàu bịnh
viện Mỹ, đê cầu mong chữa cho
em được lành lặn một phần nào.

Một phần con trẻ nhà giàu,
khi bị bại liệt đều được cha mẹ
chở vào bệnh viện Grall, Saint
Paul đê chạy điện. Nhưng trong
10 trẻ, chỉ độ một, hai là đê
được phần nào thôi !

Trước khi nói rõ đến cách
ngừa chứng bịnh ác hại « POLI-
OMYÉLITE », — đã làm cho
trẻ con đang độ khau khỉnh, học
nói, ham ăn, vui đùa trừng giòn,
phút chốc trở thành... báa thâm
bất toại —, chúng tôi giúp độc
giá biết thêm về chứng bại liệt
này !

Bại liệt là một chứng bịnh
truyền-nhiễm tràn-lan trên khắp
thế giới, thường xuất hiện ở các
xứ nóng nực và dưới hình thức
dịch mùa hè ở các xứ lạnh, do một
thú cerc-vi-trùng gây ra, tên gọi :
*VIRUS DE LA POLIOMY-
ÉLITE* hay vẫn tắt hơn : PO-
LIOVIRUS.

Phần lớn bịnh-nhân là những
trẻ em nên trước kia, người ta
từng gọi bịnh này là : « Paralysis
infantile ». Tuy nhiên, đến sau
người ta cũng thấy có người lớn
bị chứng bịnh này, như trường
hợp ông Roosevelt, cố Tổng-
Thống Mỹ.

Đặt tên bịnh POLIOMYÉ-
LITE, có nghĩa là viêm tiền tích
tủy xám, là vì khi giải phẫu tử
thi của người chết, cũng như xác
các khái dột mắc chứng này, (được
tiêm vi trùng vào đê thử) người ta
thấy dấu vết các bịnh lý đều qui
tụ ở giải chất xám phía trước các
tích-tủy và dien-tủy, là những
trung gian cần thiết trong việc
làm co-giãn các bắp thịt.

Poliovirus là thú cerc-vi-trùng
(vi trùng quá nhỏ, phải cần đến
máy hiền-vi điện-tử (Microscope
électronique) người ta mới thấy
được hình dáng chúng nhờ phóng
đại hơn kính hiền vi thường đến
4, 5 chục ngàn lần) sống dai nhứt
trong hầm tiêu và trong nước, nơi
nào bị nhiễm-ue, chúng tồn tại
lâu ngày. Nhờ tính cách sống dai
cerc vi-trùng poliovirus tàn phá
khắp hoàn cầu.

Có một điều lạ lùng gần như
vô lý đã giúp cho trẻ con V.
N. ít bị bại liệt là vì
ở xứ ta, như các xứ chậm tiến
khác, điều kiện vệ - sinh còn
khiêm khuyết nên hầu hết trong
máu trẻ em V.N. đều có nhiễm
rồi cerc-vi-trùng poliovirus lúc một

hai tuổi và nhờ đó nên ít khi bị
bại liệt.

Việc này đã được nhận, ghi
nhờ có nhiều cuộc điều tra, trong
phạm vi dịch-học cho biết rằng
trong máu của trẻ em từ 5 tuổi
trở lên ở các xứ thuộc vùng
nóng nực, hầu hết đều có kháng-
thể chống poliovirus, tức là đã
có nhiễm qua cerc-vi-trùng ấy
vagy.

Sự kiện đó cho ta hiểu tại sao,
khác với các xứ Âu-Mỹ, ở vùng
nhiệt-dới ít có những làn sóng
dịch bại liệt, là vì hầu hết dân
chúng đều đã nhiễm qua poliovi-
rus và có tình trạng miễn-nhiễm
đối với cerc-vi-trùng nguy hiểm
ấy.

Về cuộc tiến triển bịnh bại liệt,
được chia làm nhiều thời kỳ :

10) Thời kỳ áp-ủ.— Từ ngày
bị lây cho đến ngày họ bịnh
thường từ 4 đến 6 tuần lễ.

Trong thời kỳ này, có thể có
một vài triệu chứng nhẹ như sốt
sờ sìa, đau cuống họng, đau bụng,
buồn nôn, tiêu chảy hay bón,
có khi mệt mỏi đau nhức,
khó ở bài hoài bần-thần. Các
triệu chứng ấy thường xảy ra 15,

20 ngày trước khi bệnh xuất phát thật sự, có khi chỉ 5, 3 ngày trước.

20) *Thời kỳ trước khi liệt.* — Bệnh bắt đầu đột ngột, thường xảy ra buổi chiều. Người bệnh phát sốt, nhứt đầu, mửa, khi mê khị tỉnh; đau nhức mình mày tay chân, nhứt là dài theo hai bên xương sống, cổ và lưng cứng đơ, có khi đau bụng, sinh ruột, bí đái, có khi sồ mũi, đau cuồn họng sưng hạch cửa họng.

30) *Thời kỳ liệt.* — Thường từ 3 đến 6 ngày sau khi bệnh đã bắt đầu thì chứng tê liệt xuất hiện một cách mau chóng. Một số bắp thịt bị liệt gần như một lượt trong một ngày.

Cũng có một đôi khi chứng tê liệt đột ngột xuất hiện ; người bệnh đang mạnh khỏe tự nhiên sáng ngủ dậy tê chân tê mình, hốt hoảng kêu :

— Trời ơi ! Tôi bị bại !

Khi mới lâm bệnh không có gì làm cho đoán trước được những bắp thịt nào sẽ bị tê liệt. Khi tê liệt rồi thì cũng không có gì tỏ ra chắc chắn rằng những bắp thịt nào sau sẽ lần lần hồi sức. Chứng tê liệt ấy là kết quả của các

thương tồn do cục-vi-trùng gây ra, làm hư hỏng, giết một số tế bào căn-nguyên của các dây thần kinh truyền lệnh cử-motion các bắp thịt.

Trong các trường hợp vien-tiền-tích tuy xám, người bệnh thường bị bại ở một bên chân, kể cả cả tay, rồi hai chân, rồi thịt bụng, thịt lưng, ít khi một tay và ít hơn nữa là hai tay, các bắp thịt bại teo nhỏ bớt lần lần và mất phản ứng co giãn (réflexe tendineux). Máu cũng lưu thông bất đều, nên khi ta rờ phần bị bại, ta thấy lạnh hơn các nơi khác.

Tuy nhiên, xúc-giác-quan vẫn còn nguyên vẹn nghĩa là phần bị bại vẫn còn biết đau khi véo ngắt, biết nóng lạnh khi chạm phải lửa, sờ nước đá.

Điều nên biết là chứng bại có thể giảm dần trong vòng vài ba năm đến mức độ nào đó, chúng mới dừng yên. Lấy trung bình trong 100 người bị bại có 18 người lành mạnh, 75 người mất ít nhiều năng lực và 7 người mất hết năng lực.



Trong thời kỳ bệnh poliomélite

phát khởi, ta cần thi hành những biện pháp sau đây để tránh bệnh vào mình và lây cho người khác :

1) Phải rửa tay một ngày nhiều lần, nhứt là trước khi ăn uống và sau khi đại tiện.

2) Giữ gìn đồ ăn đừng cho ruồi bu, kiến đậu, dán lôi, thằn lằn liếm.

3) Nên tránh ăn rau sống trái cây tốt hơn !

4) Tránh bắt tay, dùng chung đồ đạc với người khác.

5) Tránh sự làm việc quá sức, mệt nhọc.

6) Tránh lội, tắm ở hồ, ao, sông, rạch hay hồ tắm công cộng.

7) Tránh mọi sự gì làm đau đớn thè xác như cắt hạch hầu, thịt dư trong mũi, trong miệng, nhổ răng, chích thuốc ở móng (nhứt là quinine, bismuth, mercure, arsenic) các thuốc người có chất hút (vaccin absorbé).

Các biện pháp phòng ngừa nói trên được triết để áp dụng ở các nước Âu Mỹ vì ở đây thường có nạn dịch poliomélite làm hao

nhơn mạng, làm cho trẻ con lẫn người lớn bị bại liệt khá nhiều. Tuy nhiên, các biện pháp này không khả quan lắm. Muốn chắc chắn, cần phải chích ngừa là tốt hơn cả.

● Chích ngừa tại đâu ? Thuốc ngừa bại liệt tên gì ?

Tuy rằng hiện tại ở V. N. chưa có dịch bại liệt, nhưng lai rai một vài nơi đã có, và nội tháng qua, nhơn viên chuyên bán thuốc ngừa bại liệt Pasteur đã kêu lên :

— Vaccin antipolimélite bán thật chạy, bán vọt lên hơn nhiều các loại thuốc khác gấp rưỡi lần.

Viện Pasteur bán loại thuốc ngừa này với giá 145\$60 một hộp. Mỗi hộp có 3 ống. Nếu các vị cha mẹ muốn đưa con trẻ đến tiêm tại viện Pasteur thì phải trả 75\$ tiền tiêm (chưa kèm thuốc) vào những ngày thứ hai, thứ tư, từ 2 đến 5 giờ chiều.

Con trẻ sẽ được chia 3 ống thuốc trong hộp ra để tiêm 3 lần, mỗi tháng một lần. Một năm sau sẽ được tiêm lại và chỉ 1 lần thôi.

13.- Những người yêu của Napoléon I



IV. MARIE LOUISE

DÈ tang Napoléon chưa được 1 tháng, Marie Louise đã làm lễ thành-hôn với Neipperg. Nhưng người chồng Một-mắt bây giờ đã già quá rồi, lại bị bệnh đau tim rất nặng, nên không còn được hưởng bao lâu nữa cuộc sống-chung mờ-ám ấy. Ngày 22.2.1829, Neipperg tạ thế.

Marie Louise đau đớn khóc-sở vã cùng. Bà khóc lóc ngày đêm như muốn chết, theo chàng... Bà tờ-chức đám tang rất trọng-thề, còn rền-rang hơn lễ truy-diệu

(Tiếp theo P. T. số 64)

Napoléon nữa. Bà xin phép Vua cha cho bà được đè tang Neipperg, nhưng Hoàng-dế Autriche không chấp thuận, vì đối với Lịch-sử, đối với các Triều-dinh Âu-châu, Công-chúa nước Autriche vẫn còn là quả-phụ của Hoàng-dế Napoléon.

Marie Louise rất đau đớn. Ngày nào bà cũng cầm một bó hoa đến đặt trên ngôi mộ của người yêu, và khóc-than thảm-thiết. Hình như Neipperg đã chết

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

rồi thì trên đời không còn người đàn ông nào xứng đáng để bà có thể yêu được như Neipperg.

Thế rồi, không bao lâu, bà không nhắc đến Neipperg nữa, để đi lấy một người chồng... thứ ba !

Người chồng thứ ba cũng không phải ai xa lạ : chính là vị quan hầu, 50 tuổi, đến thay thế cho Neipperg để hầu hạ bà, tên là BOMBELLES. Marie Louise bây giờ cũng đã già và xấu. Bombelles tuy đã góa vợ nhưng thật tâm không có ý muốn nối chút duyên thừa với bà quả-phụ

của Napoléon và của Neipperg.

Trái lại,

Marie Louise cứ theo ve-vẫn ông hoài, lúc đầu ông làm ngơ, cự-tuyệt, nhưng bị Marie Louise ép buộc quá, ông cắn-nhầu chịu vậy. Ngày 17.2.1834 bà truyền lệnh làm lễ thành hôn với ông tại nhà thờ Parme.

Đám cưới rất long-trọng, nhưng dân chúng chán ghét Marie Louise vì bà không giữ địa vị và danh dự của một cựu Hoàng-hậu của Napoléon. Các triều đình Âu-châu

cũng nhận được tin này với một nụ cười mai-mỉa.

Sự thật thì Marie Louise đâu còn tưởng nhớ tới Napoléon nữa. Bà đã sẵn sàng dứt bỏ hẳn dĩ-vัง oanh-liệt một thời. Bà cũng không cần đếm-xia đến Lịch-sử sẽ phê-phán bà như thế nào. Bà chỉ ham sống những giờ phút hiện-tại mặc dù không một chút vẻ vang, miễn được hưởng đầy - đủ lạc thú say-sưa bần-tiện, của vật-chất xa-hoa và nhục-dục.

Người chồng thứ ba



BOMBELLES

Kế tiếp đã xảy ra nhiều biến cố quan trọng sau khi Napoléon đã băng-hà tại đảo Sainte Hélène (5-5-1821) : Ngày 22 - 7 - 1831, quận - công Reichstadt, cựu Quốc - vương La - Mã, con trai độc-nhất của bà và Napoléon, từ-trần sau một cơn bệnh nan-y. Năm 1840, Di-hài của Napoléon được rước về Paris rất trọng-thê và rất cảm - động. Nhưng tuyệt-nhiên, trong những trường-hợp ấy, Marie Louise không có một thái-độ gì tỏ rằng bà còn ghi lại một chút tình thương nhớ Hoàng-de Napoléon. Hôm Di-hài của Napoléon về đến đất Pháp, toàn - thê nước Pháp và khắp cả Âu - châu, cho đến cả những kẻ thù xưa của ông, cũng đều xót - hương sùng-kính, nhưng Marie Louise ở Parme vẫn lòng trơ-lạnh như chì, không một giọt lệ. Trong mấy ngày truy-niệm sùng-bái Napoléon, vô cùng oai-nghi cảm - động, dân-chúng Paris không hề một lần nào nhắc đến tên họ của Marie Louise, đề tỏ sự khinh-bỉ người vợ vô - tâm, người đàn-bà vô - liêm - si.

Sau đó ít lâu, hồi bà gần 50 tuổi và đang làm vợ của viên

quân-hàng Bombelles, dư-luận Âu-châu lại dồn-dãi và chê-cười bà về vụ bà thông-dâm với một tên ca-sĩ tiêu-tốt vô-danh. Tên y là Jules Lecomte, một tên bìp-bợm xoay làm văn-sĩ ba-xu, tác-giả một quyền tiêu-thuyết nhan-de là *Abordage* viết với lối văn hụt-cáp để cho bọn nhà-thờ và lú ma-cô mua đọc, nhưng vẫn bán không chạy. Sau khi bị tù về tội lừa-gạt, y trốn nước Pháp, ra ngoại quốc đổi làm nghề ca-sĩ. Y sang những thành phố Munich, Vienna Venise, với nghề đi hát dạo kiếm tiền. Một hôm Y đến Parme, kinh-dô của đất Quận - chúa Marie Louise, và tự xưng là «quái kiệt» ở Paris. Y xin vào cung-diện, yết-kiến Quận-chúa đề hát cho Quận-chúa nghe. Thế là theo lời y thuật lại trong một bức thư y gửi về nhà xuất-bản *souverain* ở Paris, Quận-chúa Marie Louise mê y đẹp gai, mời y dự tiệc và giữ y ở lại ngủ với Quận-chúa đêm ấy. Một đoạn thư của y đã được công-bố, như sau đây :

«...Thật thế, ông Souverain à, tôi đã được nối ngôi của Hoàng-de Napoléon. Trong các cung-diện Tuileries ở Paris, các người

không trông thấy tờ bao giờ, nhưng ở Parme, tờ đã trông thấy thế rõ-ràng. Tôi đã hát trước mặt Marie Louise, nàng đã mời tôi dự tiệc rượu, và tiệc rượu của nàng và tôi kéo dài suốt cả đêm. Đến sáng tờ thức dậy, tôi mới biết rằng tờ là Hoàng-de!...»

Bức thư này được nhà xuất bản Souverain đem in ra bán, làm xôn-xao dư-luận khắp cả Âu-châu. Nhiều người cho rằng gã lưu-manh Jules Lecomte bịa-dặt chuyện vô-lý vì Marie Louise đang có chồng là viên Quan Cận Vệ Bombelles, viên này ở kèm luôn bên cạnh bà, không bao giờ lại đề cho bà tiếp gã bìp-bợm kia

trong cung điện của bà lúc ban đêm. Nhưng phần đông, trong số có hai nhà văn danh tiếng Arsène Houssaye và Charles Monselet, tin chuyện này phải có thật vì Lecomte dám tự dung đặt chuyện vu-khổng Quận - chúa Marie Louise đang là vị chúa-tề Nữ-Vương của quận Parme ? Nếu Marie Louise rất đằng-hoàng nghiêm-nghị với gã ca sĩ Lecomte, thì làm sao có chuyện bịa đặt dám công-bố ra ánh-sáng như thế kia ? Marie Louise đã không có một lời đính-chánh. Ngay trong quyền Nhật-ký của bà, cũng không có một câu nào nhắc đến vụ «quái-kiệt» Jules Lecomte.

< > x < > x < > x < > x < > x < > x < > x < >

Còn lại tiếng cười của HẬU THẾ

< > x < > x < > x < > x < > x < > x < >

NĂM 1847, Marie Louise thọ được 56 tuổi. Bà bị bệnh đau phổi đã lâu, người đã già, lại sức yếu, lưng khom, gương mặt xấu-xí. Ngày 11 tháng 12, bà bị nóng

lạnh và đau xốc bên hông. Bà ho sùng-sục, tiếng nói đã tắt. Ngày ấy là ngày lễ sinh-nhật của bà.

5 giờ chiều hôm sau, bà trút hơi thở cuối cùng.

Chính-phủ Autriche cử tang-le

cho Marie Louise rất long-trọng. Các báo-chí chỉ đăng lời ai diếu. Nhưng rồi Lịch-sử bắt đầu phê-phán rất nghiêm-khắc về tư-cách của bà vợ Napoléon. Không một quyền-sự nào, dù là của Pháp, hay của Anh, Đức, Nga, Autriche, bào-chứa cho Marie Louise. Tất cả đều chê cười sự phản-bội hèn-hạ của bà đối với vị Cựu Hoàng-dế của nước Pháp. Napoléon dù có bị thất-thế chăng nữa, dù bị đày ra một hòn đảo còn con ở tít nơi chân trời xó bể, Napoléon vẫn còn là Napoléon Đại-Đế. Người đã dẫm đì giày cách-mạng Pháp lên trên các ngai vàng chuyên-chế của Âu-châu. Người vẫn còn mãi mãi là bậc siêu-nhân duy-nhất của Âu-châu và của Thế-giới hồi Thế-kỷ



* ĐỀ QUÊN

- Sao anh trốn nợ mà anh còn uống rượu ?
- Uống để quên anh à.
- Quên gì ?
- Đề quên rằng tôi đang trốn nợ.

M.Q.H.
(Trường Nam Tân-châu)

15.000 bó duoc Tự - Do cháy sáng rực ở ranh giới

* KARLHEINZ STEPHANI
KARL RADOFF và GERT FERBER
(Dienshaus Deutschland - Hambourg)



Tại cảng Brandebourg, biên giới hai khu-vực Berlin, chặng-chết giây kẽm gai, một chiếc xe tăng Đông-Đức đang xịt nước qua khu đối-phương.

L.T.S.— Trong lúc tình hình Bá-Linh hết sức nghiêm trọng, Hòa-bình của nhân-loại treo trên đầu sợi chỉ mành, chúng tôi hiến bạn đọc thiên phỏng-sự này viết theo tài liệu của ba bạn ký-giả Tây-Đức đã đến quan-sát tại chỗ và viết gửi về Phố-Thông để bạn đọc có một ý-niệm tổng-quát về tình-hình Berlin gần đây.

TÂY BÁ LINH.— Đêm 12 rạng 13-8 đã bắt đầu cũng như những đêm thường cuối tuần lễ từ bao nhiêu năm nay tại thủ đô cũ nước Đức bị phân chia làm đôi. Trên đường phân ranh giữa hai khu Tây và Đông, những người Đức của hai phần thành phố Bá-linh đang tiếp xúc với nhau.

Vô số dân cư tại khu Nga-sô chiếm đóng đã rời bỏ trong vài giờ, vùng mà họ sống trong bó buộc và áp-bức. Họ đi tản bộ trên những đại-lộ có đèn nê-ông ở Tây Bá-linh, ngắm những cửa hàng trung bày lộng lẫy; họ vào những nhà nhảy đầm và nhảy những điệu mà chế-dộ độc-tài ở bên kia làn ranh giới lên án là « phản xâ-hội »; họ vào rạp hát hoặc rạp chiếu bóng thường thức một nghệ-thuật không bị gợn bởi một khuynh hướng chánh trị nào.

Cũng có những người Đức từ Tây-khu đến Đông-khu âm-dạm, để thăm viếng bà con, bạn bè không may mắn bằng họ. Đầu nhà cầm quyền Tây Bá-linh đã ra lệnh cấm « các cuộc mua bán

đầu cơ của tư-nhơn » khách Tây-khu đến thăm Đông-khu vẫn đem theo kín đáo trong bóp xách tay của họ những món quà như : trái chanh, trái cam, gói thuốc điều, đài vò ni-lông, hộp bơ, tất cả là các món tầm thường đối với người Tây-Đức song lại là những món đồ rất hiếm mà người Đông-Đức thèm-thường.

Buổi tối hôm ấy, một tối mùa hạ, đã bắt đầu trong quang cảnh trên đây và không ai ngờ rằng cũng vào giờ này các « ông lớn » Đức của Liên-sô đang âm-mưu toan-tính một kế hoạch tại thị-sảnh Đông Bá-Linh.

● MỘT TIN BUNG RA KHẮP THÀNH PHỐ ●

Bỗng nhiên sau 12 giờ đêm một chút, tại những đường giao thông giữa hai khu, một tin được truyền ra mau lẹ như giây thuốc súng bắt cháy ; tin ấy lan tràn khắp thành phố : người ta chặn đường ra vào Đông-khu. Nhiều người lật đật chạy trở về đường ranh giới thì thấy đã trễ rồi ; việc trở về khu của họ cũng như việc trốn khỏi

Đông-khu bắt thắn đã thành hai điều không thể nào thực-biện được nữa.

Những đơn-vị vũ-trang mạnh mẽ của đạo binh gọi là « quốc-gia », và của cảnh binh Đông-Đức, từ đêm đó, chặn ngắt 80 con đường lưu thông và tạo thành một dãy đồn-gác chặt chẽ tại đường phân ranh. Sự lưu thông bằng hỏa xa giữa Tây và Đông hoàn toàn bị ngưng lại.

● RẠNG ĐÔNG NGÀY 13-8... ●

Đến rạng đông ngày 13 tháng 8, một số người Đức đầu tiên ở Tây khu kéo đến vùng ranh giới, trước cửa Brandebourg — tượng trưng cho thành phố. Khoảng gần 12 giờ trưa, họ đã đông cả mấy ngàn người, để phản đối việc áp-bức mới của các nhà độc-tài Đông-khu. Và đến xế chiều (hôm ấy là chủ nhật) đã có trên 15.000 dân Bá-linh ở Tây-khu, tập trung theo đường ranh-giới, tay cầm đuốc, miệng hát bài quốc ca. Bên phía Đông-Đức, những lính gác nhìn sang đám biểu-tình với bộ mặt bất bình, hờn h.locale. Phải chăng ở

dây sẽ có cảnh những người Đức chống đối với những người Đức ? Phe chánh phủ ở khu chiếm-dóng của Nga-sô phái đến vùng giới tuyến những người Đức trung kiên hơn nhứt của họ. Nhưng trông vào mắt những người Đức này, người ta không thể tin rằng họ sẽ bán vào đồng bào họ. Những người ấy được vũ trang bằng tiểu-liên Nga, đều là người còn thanh-niên. Họ chỉ được nghe những lời tuyên truyền thù hận gây chia rẽ. Không ai biết được họ sẽ làm gì vào lúc quyết liệt.

Chỉ biết rằng họ đã bị lấy mất hy vọng cuối cùng trốn sang Tây khu.

(Karl Radoff)

● Song có những người liều mạng ●

TÂY BÁ-LINH.— Từ ngày 13-8, Tây-khu Bá-linh bị bao bọc bởi một hàng rào dày kẽm gai, dài 155 cây số. Ba lớp binh lính và cảnh sát của vùng Đông-Đức thuộc Nga, đang canh gác. Họ dùng từ cây « ma-trắc » để ngăn

cản những người Đức muốn trốn tránh đến « đảo tự do » là Tây-khu Bá-linh. Những kẻ áp chế đã gần đạt được mục-dich của họ. Trước ngày phong tỏa hoàn toàn, thì số người tị-nạn sang Tây-khu vào khoảng từ 2000 đến 3000 mỗi ngày, nay đã hạ xuống gần con số không...

Tuy vậy cũng có vài người tìm được con đường tự-do. Nhờ gan-dạ và kiên tâm, nhờ mánh khoé và quả-cảm, họ đã chọc thủng được hàng rào kín mít của cộng-sản : họ leo qua những tòa nhà đổ nát hay chui qua những đường cổng, dầm cành sát và quân đội đã được lệnh bắn vào những người bị tình nghi di trốn.

Không phải chỉ có những thanh-niên hay các thể-thao, gia đà liều mạng trốn theo kiểu đó.

Nhiều người khi tới đích đã hoàn toàn kiệt lực, phải đưa vào nhà thương Tây Bá-linh. Họ tị-nạn không phải chỉ vì những lý-do vật chất đâu. Sự đóng kín ranh giới giữa 2 khu, ở giữa một « thành-phố » và lý-tưởng, đã như chặt chân tay của lầm gia-dinh khắp nơi ở Tây Bá-

linh, người ta gặp những người mà gia-quyền còn mắc kẹt ở Đông khu, vì không trốn kịp vào lúc chót.

Đây : một gia-trưởng qua Tây-khu rồi ranh giới bị đóng ; vợ ông và đứa con 11 tuổi còn bị kẹt ở Đông-khu. Nay họ bị cảnh chia-ly đau khổ. Trong cơn thắt vọng, người gia-trưởng ấy gặp ai ở trong trại tị-nạn cũng hỏi : « Ông có biết ai còn có thể vượt qua giới tuyến và nhẫn tin dùm... »

Đây : một thiếu-nữ đi lang-thang trong trại tị-nạn. Nàng kể chuyện cho nghe rằng lúc nàng cùng vị hôn phu di trốn sang Tây-khu, chàng đã bảo nàng : « Em hãy nhảy qua cái suối này trước đi ! ». Nàng vừa lội xuống nước thì có lính gác chạy đến đuổi chàng trở lại. Böyle giờ, nàng nói hoài rằng : « Thế nào anh ấy cũng tìm ra nơi khác mà trốn qua đây. Anh ấy không bỏ ý định đâu ! »

Đây lại một thiếu phụ, một người mẹ còn trẻ ngồi trên cái ghế dài, tay bồng con thơ mới

6 tháng. Nàng đã chuẩn-bị trốn cùng chồng từ mấy tuần trước. Nhưng bắt thành-linh chồng nàng mắc bệnh dư ruột phải nằm chữa bệnh. Bác-sĩ nói : Chỉ vài ngày là lành mạnh. » Chàng cho vợ con đi tị-nạn trước sang Tây-khu ; bây giờ thì mẹ con bơ vơ, mong chờ người đàn ông cột trụ của gia-dinh.

Những đau-khổ đè trên hàng mẩy ngàn người, do những biện pháp áp bức của Đông-khu gây ra, thật không có bút nào tả hết được.

Cái « ngày chúa nhật đen tối của tháng Tám » — cái ngày mà những hàng rào kẽm gai bị dựng lên bao bọc Tây-khu — người Đức & cả hai khu không dễ gì quên được.

(Gert Ferber)

• Tại sao họ kéo nhau đi tị-nạn •

Tây Bá-linh — Cuộc tị-nạn qua Tây-khu của những người Đức sống trong vùng chiếm đóng Nga đã lên đến những con số đáng lo sợ, khi các « ông lớn » ở Đông Bá-Linh quyết - định

phong tỏa ranh-giới để cắt đường đi tìm tự-do của những người tị-nạn.

Mỗi ngày có đến 2000 người sang Tây-khu của thủ-đô nước Đức bị cắt làm đôi. Vì lý do gì họ phải bỏ nhà cửa, công ăn việc làm và cho đến cả gia-quyền họ nữa ? Chúng tôi đã hỏi và người và đây là lời đáp của họ.

Một nông dân đã bị sung - công hết đất sát nhập vào nông trại, mà không được bồi thường, đã nói chuyện với chúng tôi :

« Câu chuyện xảy ra như vầy: hôm đó bỗng nhiên trâu bò lăn ra chết rất nhiều, có lẽ là do cỏ xấu từ Liên sô gởi qua. Rồi Mật vụ tới :

— Sao không gởi thú y tới kia ?

— Gửi Mật-vụ tới để tìm tội thủ phạm. Chúng tôi bị tra vấn mãi. Rồi trâu bò vẫn cứ tiếp tục lăn ra chết. Thế là có sự bất-bổ, giam cầm nhiều người.

— Vì lẽ đó mà anh quyết trốn đi, phải không ?

— Chưa đâu. Kể đến Nga sô tuyên bố ý định ký hòa ước

lêng biệt. Với chánh phủ chúng
sì, và chúng tôi tự nhủ lòng :
hư vậy là b López đều nghe thở,
hông còn qua được Tây-khu nữa,
hông ai còn có thể thoát khỏi
đồng-khu. Vì thế mà tôi phải
trốn.

Một người thợ trong một xí-
ghiệp lớn cho hay :

« Tinh thần thợ thuyền xuống
ít thấp. Trong các cuộc thảo
lận sôi nổi, các đồng nghiệp
đã mạnh tiếng tố lồng bắt
tâm về công cuộc quản-trị xí-
ghiệp... Nhiều bạn tôi tin rằng
Iga sẽ gây chiến vì Bá-linh...
lần tôi bị viên bí thư của
hàng hám dọa tôi rằng : « Tao
thanh toán với mày sau này.
Tao đã ghi rõ những lời mày
ói. Vì lẽ đó mà tôi phải lánh
vợc».

Một người thợ khác kể
nhuyện :

« Tại xí-ghiệp tôi, người ta
hành lập các tổ chức bán quân
r gọi là đoàn chiến đấu trong
xí-ghiệp. Có hôm đang làm
téc có lệnh «tập duyệt»... Rồi
người ta mời chúng tôi ký một
uyết nghị yêu cầu ký kết hòa

ước đơn phương với Nga sô.
Chúng tôi từ chối, và ban giám
đốc của đảng tố cáo chúng tôi
là bọn «phản quốc». Tôi cũng
ở trong bọn này. Đó là một sự
báo hiệu nhắc tôi phải cao bay
xa chạy. Đến đêm, tôi bỏ sang
Tây-khu để tị nạn».

Sau chót, đây là lời của một
kế-toán-viên làm trong một xí-
ghiệp cho thuê máy cày :

« Bên khu chúng tôi, xí-ghiệp
khó mà đứng vững được.
Phân nửa số cày máy bỏ
không, vô-dụng, vì thiếu đồ phụ
tùng để thay thế, sửa chữa. Các
thợ máy rành nghề thì bị sung
vào công việc đồng áng và
người ta dùng những tay mơ
vào công việc sửa máy. Việc
tiếp tế dầu xăng lại càng hư
hỗng nữa. Người ta gởi đến xí-
ghiệp những viên đốc công
không biết nghề vì là những
kiểm-soát-viên của đảng Chánh-
phủ, có nhiệm-vụ khám phá ra
các tay phá-hoại, như lời họ
nói... Vì lẽ đó tôi «chuồn» thẳng
dầu lương tâm tôi trong trống,
tôi biết tôi không có lỗi gì».

(Karlheinz Stephani).

KÝ-GIA?

THUẬT TRƯỚC

★ TẾ-XUYÊN

(Tiếp theo P. T. số 64)

SONG cũng có các ông chủ
nhiệm cầu an, không muốn
sanh ác cảm với chánh quyền, cho
chỉ thị Tòa soạn cứ đăng «cho
họ khỏi thù ghét».

Sáng sớm hôm sau một số
đóng các báo đăng tin của Mai-
văn-Bộ mà độc giả được đọc như
tin sốt dẻo, riêng của nhà báo.
Vài tờ không đăng, trong số có tờ
«Tiếng Chung».

Trong lúc chế độ độc tài đang
toan tính thành lập ở Nam bộ,
mà còn có một số con nhà cầm bút
biết trọng danh dự, biết phục
vụ cho Chơn lý, cũng là một diêm
son trong lịch sử báo chí vậy.

Sau khi các báo loan tin khám
xé trụ sở Hòa Hảo ở Saigon và
Hòa Hảo toan đảo chính ở Cần-
thơ, thì các cuộc lưu huyết kế tiếp
xảy ra ở miền Tây. Trước hết là

Cần-thơ, trong số những nạn nhon
đầu tiên bị đưa ra pháp trường
có một cây bút nổi tiếng tức là
thi-sĩ Việt-Châu, một người đã
được ông Huỳnh-phú-Sò cử ra
Hà-nội tiếp xúc với Tông bộ
Việt-Minh trước khi Trần-văn-
Giàu lên cầm quyền.

Các cuộc lưu-huyết lại được
trả lời bằng các cuộc lưu huyết
và kéo dài cả mấy năm ở miền
Tây Nam-bộ...

Hoàng Đôn Văn bị ký giả cho một bài học

Còn một vụ thứ nhì nữa đã
xảy ra trong làng báo thời V. M.
là vụ các ký-giả «chỉnh» ủy-viên
lao động Hoàng Đôn Văn trong
Ủy-ban Hành-chánh của Trần
Văn Giàu.

Hêm ấy các báo được mời

đến dự, buổi khoảng đại hội nghị thứ ba tại dinh Gia-Long. Một buổi nhộm quan trọng. Theo lời mời thì bắt đầu nhộm từ 9 giờ sáng song phải trễ đến hơn 10 giờ vì phải chờ Hoàng Quốc Việt.

Trong buổi nhộm này, Hoàng Quốc Việt bận một bộ đồ Tây cũ mèm, người ốm và xanh, mới nhìn biết liền là người mắc bệnh sốt rét. Hồi Pháp thuộc, Việt có bị dầy lên Sơn-La (thượng du Bắc phần). Việt vừa ngồi vào ghế vừa cáo lỗi cùng đại hội : « Tôi vừa phải đi chích ký-ninh, đề hàn cù rét, nên tới trễ ».

Sau khi Việt báo cáo về tình hình ở ngoài Bắc, đến lượt Hoàng Đôn Vân, ủy-viên lao động đứng lên nói. Anh này là một thợ-ký hàng buôn, quen biết lớn với Giàu nên được đưa lên địa-vị quan trọng. Đôn nói về tình hình Tòng Công Đoàn và trong lúc vô ý, Đôn đã thốt ra một câu : « Các ông nhà báo chỉ có tài nói thôi, chứ có làm gì đâu, có biết gì đến những nỗi khổ tâm của chúng tôi. Các ông viết trên báo công kích chúng tôi ».

Ai cũng ngạc nhiên về câu ấy, không những ở phía ký giả mà cả đến phía các nhơn sĩ dự hội nữa. Lúc Hoàng Đôn Vân ngồi xuống, Vân bỗng nhận được mảnh giấy từ chỗ các ký-giả ngồi, chuyền đến cho Vân. Trong giấy có mấy chữ vắn tắt : « Ông Vân, ông đã xúc phạm đến danh-dụ làng báo chúng tôi, anh em chúng tôi sẽ có thái độ đề đối phó ».

Ủy-viên lao động thắt sắc và có vẻ ăn năn. Vốn không có tài ngoại giao, Đôn không khôn khéo ; đã lỡ lời lại còn đứng lên nhắc lại câu vừa nói và toan giải-thích, đính-chánh... Cử-toạ lại càng ngạc nhiên và có nhiều người lo bên phía nhà báo sẽ nồi lên công kích ủy-viên lao động.

Song, Trần Văn Giàu vốn nhiều tiêu-xảo, nghĩ ngay ra một lối thoát để giải vây cho người cộng sự của mình. Giàu không dè cho Vân nói hết lời, đứng lên xen đại vào giữa câu chuyện và nói lớn : « Tôi vừa tiếp được bức điện tín ở Hà-nội đánh vào, xin đọc anh em nghe ». Rồi Giàu mở cặp da, lấy miếng giấy màu xanh ra, đọc : « Pháp tấn công ta ở Tchépone. Ta đánh lui Pháp.

Quân ta thắng ! »

Bức điện tín vừa đọc xong, tiếng vỗ tay nồi lên như súng ; lăm nhơn sĩ vui mừng đến nhảy lên ; Dương Bạch Mai nắm hai tay đậm xuống bàn vang động cả phòng nhộm. Bầu không khí náo động làm tiêu tan cuộc bất bình giữa báo chí và ủy-viên lao động.

Đến lúc tan buỗi nhộm, một ký-giả tiến đến bên Trần - văn - Giàu xin chép bức điện tín, thì Giàu néo mắt nói nhỏ : « Có khỉ khô giò đâu. Đặt chuyện vui đề phá chuyện buồn của anh em ký giả đó thôi ! »

Hôm sau « chuyện buồn » ấy được giải quyết êm thắm, mau lẹ. Nhơn một buổi nhộm của làng báo ở dinh Đốc Lý, Hoàng Đôn Vân thân-hành đến cắt nghĩa câu nói lở lời của mình hôm trước : « Tôi không có ác ý. Chẳng qua chỉ vì tôi xuất thân ở giới lao động nên ăn nói không khéo mà thôi ». Một ký giả đứng lên thay mặt anh em, nói vài câu hòa giải và tuyên bố làng báo không oán giận gì Hoàng Đôn Vân nữa vì còn nhiều chuyện lớn hơn đang phải lo tính : những đám mây đen đang báo hiệu cơn giông tố

sắp nồi lên ở Nam-bộ.

Viết báo thời Pháp - thuộc

Trong những đoạn trước của tập hồi-ký này, tôi đã đi ngược dòng thời-gian mà thuật lại ít nhiều chuyện trong làng báo từ hồi Việt-Minh cầm quyền lên đến hồi Nhựt thuộc. Tôi đã vẽ được vài nét đan-thanh tả một số ký-giả khoảng từ 1945 đến 1954.

Bây giờ đến đoạn nói về các ký-giả thời Pháp thuộc, có vài anh em đồng nghiệp đọc ký - ức của tôi đã khuyên tôi đừng nên đi ngược dòng thời gian mà nên đi xuôi dòng, kể các sự việc từ trước đến sau có thứ tự lớp lang cho người đọc cũng dễ nhớ hơn và sẽ có được một ý-niệm tổng-quát về một giai đoạn trong lịch sử báo chí. Tôi thấy lời chỉ-giáo ấy đúng, nên xin đòi lại phương pháp viết hồi ký của tôi và trong đoạn « viết báo thời Pháp thuộc » tôi xin đi xuôi dòng thời gian mà viết những chuyện từ 1932 đến 1944 (năm cuối cùng của chế độ thực dân ở Việt-Nam).

Một chuyện trớ-trêu là tôi phải

xin phép độc giả nói đến « cái tôi » trước đã. « Cái tôi là cái đáng ghét » như lời một văn-hào Pháp đã nói. Song « cái tôi » ở đây là một kỷ-niệm chua-chát nhứt đời làm báo của tôi : một chuyện hó-hênh mà tôi nhớ mãi làn một bài học kinh nghiệm đề thận trọng trong khi hành nghề. Một chuyện dở, chó không hay mà tôi thuật lại để « mèo khen mèo dài đuôi ». Tôi chắc sẽ được bạn đọc mỉm cười mà miễn-thú cho chỗ thiếu niên khiêm nhượng của tôi.

Câu chuyện hó-hênh đáng trách của tôi là một câu chuyện « dấu gươm » giữa một ông phó may và ông chủ báo, do một phóng viên chon ướt chon ráo mới bước vào nghề, viết thành một tin khá dài dăng lên tờ báo Pháp nọ lấy biệt hiệu « Té-Xuyên ». Tác giả đã có tánh tự hào của thanh-niên 23 tuổi, có thể nói là tánh tự tôn tự đại của một tuồi hăng-hái cho cái gì cũng dễ, và coi mình như trung tâm của vũ-trụ.

Năm 1932, sau khi ở trường trung-học A. Sarraut ra, tôi đã thích-thú với nghề viết báo. Sở-trường của tôi là viết được Pháp

văn khá trôi chảy, tôi bèn nhờ một ông bạn vào hàng cha chú, giới-thiệu làm phóng viên lượm tin thành-phố cho tờ nhứt báo « L'ami du peuple » xuất bản ở Hà-nội do ông R.E. Michel làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút.

Hàng ngày lên các cò bót (cảnh - sát - cuộc) để hỏi những việc « xe cán chó », xảy ra trong 24 giờ qua, rồi về viết thành tin vặt, tôi vui thích vì cái công tác buồn tẻ ấy thì ít mà vì thấy mình viết cho một tờ báo đối-lập thì nhiều. Tờ báo của ông Michel cũng như tờ « L'Argus Indochinois » của ông Clémenti cũng xuất bản ở Hà-nội là 2 tờ báo chống nhà cầm quyền Pháp, thường binh-vực những nguyễn vọng chánh đáng của dân tộc Việt-Nam.

Trong cái tâm trạng tự hào ấy, một hôm ngẫu nhiên tôi được một nhà doanh thương có tiếng ở Hà-nội mời đi dự-kien một vụ dấu gươm... thật là hài hước, có thể gọi là lố bịch nữa (hồi đó tôi đâu có nhận định được như thế !).

Nhà doanh-thương ấy là một thanh-niên con nhà giàu có, đã sang Pháp du-học để học lấy

cái nghề may. Cách đây gần 30 năm, khi xã-hội Việt-Nam còn trọng hú-danh, coi rẻ nghề chon tay, các nhà giàu cho con đi du-học rất ít, có thể đếm trên đầu ngón tay, mà cậu du-học-sanh nào cũng ôm cái hy-vọng trở về nước với bằng cử-nhơn, tiến-sĩ hay kỹ sư, thì riêng có thanh-niên nói trên học cho được cái bằng cấp « phómay » tại Ba-lê rồi về Hà-nội, mở một tiệm may Âu-phục ở xóm Eden cũng như xóm Eden ở đường Tự-Do, Sài-gon, ngày nay. Một người khác đời như vậy cố nhiên phải có một nếp sống cũng khác đời.

Một tiệm may lập ở một xóm ấy đã tiếp những thàn-chủ không phải hạng trung bình mà là hạng ăn chơi quý-phái coi tiền như rác. Chủ tiệm đã thành công lớn trong nghề doanh-thương và có tên tuổi ở đất Hà-thành. Ông « phómay » còn giao du với các bạn tân học như Hoàng Tích Chu, P.T.Đ. và Đ.V. một kỹ-sư về ăn-loát ở Pháp về nữa. Ông lại xuất bản một tờ tuần báo Pháp hài hước để châm-biếm những cái rởm trong xã-hội. Giới thiệu sơ vây, cũng đủ rõ tánh

hoạt-động và nghịch-ngợm của ông thanh niên đầy máu nóng ấy. Có lần ông tổ-chức một « tiệc long trọng » để mừng một đại thương gia Bắc-Việt ở Saigon mới ra Hà-nội thăm quê hương. Thương gia này hận đồ lớn, trình trọng lên xe hơi của ông « phó may » dự bị sẵn bài « đít cua » trong túi, tính sẽ đọc trước một số người tài măt trong xã-hội đang chờ để hoan-hô sự thành-công của mình trên thương trường miền Nam.

Nào ngờ xe đưa ông đến một tiệm phở ở phố Hàng Đồng và « ban tổ chức » mời ông lên gác « dự tiệc » với một số thực khách chừng 10 người và một « giàn nhạc » giúp vui, rất đơn giản, chỉ có 2 vợ chồng anh hát xẩm và đứa con (cần nói rõ cho bạn đọc người Nam hiểu rằng hát xẩm là lối hát dạo của những người nghèo trên lề đường). Ông thương khách biết mình bị bạn thân bắt chước Ba-giai, Tú Xuất « phá » mình để mua vui, dành cũng vui-vẻ ngồi vào bàn dự tiệc phở tái và nghe bài « ca-tụng » của bạn, đúng như trong một cuộc đại tiếp tân. Dứt bài

«đĩa cua» ca tụng, đến tiếng đàn cò nòi lên và ban hát xầm (ngồi trên sàn gác) trình diễn các câu hát bình-dân như «đẩm» vào tai khách.

Có lần ông phó may ấy trồ tài Tú Xuất trong một buổi chợ phiên từ-thiện nữa.

Ông cho người báo cho bà chủ tịch ban tổ chức biết là có «Hoàng tử Xiêm sắp đến thăm chợ phiên» làm cho bà này lẩn xǎng mua hoa, kêu chị em lại đứng chờ ngoài cửa để rước Hoàng tử. Ai ngờ lúc xe đến, thì người trên xe hơi bước xuống là ông «phó may» bận Âu-phục với cái nón chà và làm bằng giấy màu. Bà chủ tịch cầm bô hoa đang tính dâng Hoàng-tử thì nhận ra chàng Tú Xuất, giận lắm, liêng bó hoa xuống đất mà quay vào. Bộ tham-mưu của Hoàng-tử cười lên như pháo nồ với sự tiếp họa của công chúng thành một trận cười hết sức vui nhộn.

Cuộc «đấu gươm» tại Hà thành...

Vì những chuyện nghịch ngợm của bác phó may mà tờ nhật báo «Phồ-Thông» ở Hà-nội lên tiếng đả kích bác nhiều lần với

những lời không được «văn vẻ» cho lắm. Bác phó nỗi giận, quyết trả đũa bằng một cuộc dọa so gươm rửa hận.

Một hôm bác cùng mấy bạn thân mượn được ở đâu 2 cây gươm, có lẽ của người Pháp. Rồi bác phó chạy đi mời 2 đại diện báo chí, một Việt, một Pháp để viết bài tường thuật cuộc rửa hận của bác.

Bác kéo được bạn Tam Lang hồi đó bình bút cho tờ «Ngọ Báo» và tôi, phóng viên của tờ «L'Ami du peuple». Tôi đang hăng say với nghề săn tin, nhận lời đi liền.

Tất cả một «com-ba-nhi» ngồi trong 2 chiếc xe hơi với 2 cây gươm sáng ngời, trực chỉ tới tòa soạn báo «Phồ-Thông» ở phố Hàng Da. Bác phó may êm 2 cây gươm xông lên lầu, để tìm chủ nhiệm kiêm chủ bút của tờ báo. Tất cả bạn của bác và hai nhà báo theo sau.

Vì Chủ-nhiệm tường là một vụ lưu huyết xảy ra đến nơi, nên đã rút lui kịp trước khi «đối phương» bước vào tòa soạn. Bác phó may quăng 2 cây gươm

xuống sàn và hỏi người tùy phái sờ xanh mặt :

— Chủ nhiệm đâu?

— Dạ, thưa buổi chiều, ông chủ con không đến.

— Anh bảo với ông ấy có muốn đấu gươm với tôi thì đấu, chứ tôi không bút chiến với ông ấy vì tôi không có tờ báo trong tay.

Nói xong, bác phó và cả «com-ba-nhi» ra xe, kéo nhau đến một quán giải khát ở phố Trường-Tiền để uống bia.

Câu chuyện chỉ có thể mà tôi về nhà, hân hoan, sung sướng như các bạn đồng nghiệp của tôi ngày nay tìm ra thủ phạm tạt át xít vào mặt cô Cầm-Nhung. Tôi ngồi liền vào bàn đem hết khoa Tu-tù-học mà viết một bài tường thuật rất văn hoa với đầy đủ chi tiết và không quên ký bút hiệu của tôi.

Lиên sau khi viết xong, tôi đem đến tòa soạn đưa cho ông chủ bút. Sáng hôm sau, tôi tự mua báo để đọc «văn minh» thấy bài đăng ở trang tư với cái tựa 2 cột : «Un duel manqué» — (Một vụ đấu gươm bất thành) — và có cả bút hiệu của tôi nữa.

Mua luôn tờ « Ngọ Báo » để đọc, tôi thấy ông bạn đồng nghiệp của tôi thuật việc đấu gươm với một lối văn tí tòm, và không ký bút hiệu gì hết.

Đang lúc tôi say sưa đọc lại bài «phóng sự» đầu tiên của tôi, thì tờ « Phồ - Thông » cũng đã phát hành với một bài mat sát chúng tôi không còn tiếc lời. Tên bạn đồng nghiệp Tam Lang và tên tôi được quơ cả vào trong đám người đến tòa soạn « Phồ-Thông » toan hành hung vị chủ nhiệm. Từ hai phóng viên đi lấy tin cho nhà báo, hai chúng tôi đã thành hai tên «côn đồ» đi phụ lực cho một người muốn giờ thủ đoạn bạo hành để trả thù.

Tờ báo « Phồ - Thông » còn viết một bài «dậy» chúng tôi luật đấu gươm ở các nước văn minh nữa. Bài ấy nói đại khái :

(Ù, các chú trọng danh - dự, muốn rửa hận, được lắm. các chú muôn thách chúng tôi đấu gươm, chúng tôi không nhát gan từ chối. Nhưng tôi thiều, các chú phải trọng những thông-lệ của sự đấu gươm đã. Người ta thường gọi nhân-chứng đến đối-phuong để bêu này cũng cử nhân chứng

đại diện ; hai bên nhau chứng nói chuyện, ăn-định nơi rửa hận cùng vỗ khí sẽ dùng : gươm hoặc súng. Có đâu lại ôm gươm đến nhà người ta quăng xuống mà bảo : giết nhau chơi ! Thế có khác gì thói côn đồ không ?

Đọc xong bài báo, tôi thấy đúng lý lầm, không còn biết cái làm sao nữa. Tôi nhận ra là đã quá hăng hái săn tin mà thành hờ hênh, lố bịch. Tôi hỏi ý - kiến người chủ-nhiệm, ông khuyên tôi làm thính luân. Đọc « Ngọ Báo » liên tiếp mấy ngày, tôi cũng thấy bạn đồng nghiệp của tôi im hơi lặng tiếng, không viết thêm câu gì để biện minh nữa.

Cái tin giật gân : « Đầu gươm hụt » cứ ám-ảnh đầu óc tôi mãi trong giai đoạn tôi mới bước vào nghề báo và luôn luôn nhắc tôi thận trọng khi hành nghề, dù có

hăng hái cũng phải suy nghĩ, tinh táo, đề tránh sự hờ-hênh đáng tiếc có thể biến mình thành một tên « côn đồ » có khi phải trả lời với ông cảnh-sát-trưởng nữa.

Sau vụ đầu gươm trái lè ấy, hình như ông chủ - nhiệm báo « Phò Thông » có đưa đơn thưa ở cò bót, nhưng có lẽ quận cảnh-sát đã hiểu rõ lối dùa nghịch của bác phó may, nên xếp đơn lại, không mở cuộc điều-trá và tôi cũng tránh được cái phiền phức lên quận cảnh sát hay ra tòa, chưa chắc được coi là nhon-chứng mà không chừng bị tiên cáo khép vào tội đồng lõa toan hành hung, hâm dọa giết người, là khác nữa.

Tôi tập được tánh thận trọng sau này là nhờ ở cái bước vấp lần đầu trong nghề ấy.

(Còn nữa)

DẦU BÁC-SỸ TÍN

NGỪA VÀ TRỊ BÁ-CHỨNG:

DẦU BÁC-SỸ TÍN
NGỪA VÀ TRỊ BÁ-CHỨNG:
TÚ THỜI CẨM MẠO. NHỨC ĐẦU
SỐ MỦI. ĂN KHÔNG TIÊU. ĐẦU BUNG
Ở CHUA. CHỐNG MẶT. BUÔN MŨA
SAY SỐNG. NHỨC MỎI. ĐẦU KHÓP XƯƠNG
NGỪA GÓI ĐỘC V.V...
CÓ BAN KHÁP CÁC NƠI. Giá mới ve 5\$.

ANH 61

Minh ôi !

BÀ Tú quét dũ nệm giường sạch-sẽ, trải lại tấm drap, sắp đặt lại đôi gối, rồi bảo ông Tú :

— Đi ngủ sớm cho khoẻ, Minh !

— Ủ, tí nữa.

— Chủ nhật, Minh cũng không nghỉ-ngơi, cứ ngồi viết hoài !... Đêm nào cũng thức đến hai ba giờ sáng !... Em rầu Minh quá !.. Thôi hôm nay chủ nhật, Minh ngủ sớm, Minh nhé ?

— O. K.

Căn phòng bé nhỏ, xinh-xắn, vừa chứa đựng đủ hai bóng người, ở chót-vót từng lâu thứ tư, như chiếc ồ của tình-yêu treo lơ-lửng trong gió mây, giờ này hoàn-toàn im-lặng. Ngài bút nguyên-tử của ông Tú chạy êm-ro trên giấy, như không biết mệt mỏi, không gọi một

tiếng động. Bỗng từ dưới đường-phố, vang lên tiếng cô gái Bắc :

— Ai.i.i... ăn chè đậu-den-en-en-en-en....?

Ông Tú ngó đồng hồ, mỉm cười quay lại bà Tú :

— Cứ hễ có tiếng rao thánh thót ấy là cây kim đồng-hồ của anh chỉ đúng 11 giờ, không đêm nào sai !

— Minh viết xong chưa ?

— Rồi.

Ông Tú vung tay gạch một đường mực đỏ hiên - ngang, chấm dứt trang giấy cuối cùng dày-dặc chữ. Ông đ𝐞 trên góc giấy số trang 12, rồi vứt bút, lao mình xuống giường, tุม-tǐm cười, hôn trên má bà Tú.

— Ai-i-i-i ăn chè-dậu-den-en-en-en ?

Ông Tú nói rู้-rỉ bên tai vợ :

— Cái giọng của
cô bán hàng, thanh
quá nhỉ !

Bà Tú hóm - hỉnh
hỏi :

— Minh có thích
ăn chè của cô gái
Bắc ấy không ?

— Thích.

— Thích thì cũng
rất chịu, chứ em
không mua cho
lâu. Nếu bà lão bán
hi em mua.

— Chè của bà lão
lâu có ngon được
như chè của cô gái ?

— Nếu Minh muốn ăn chè
của cô gái Bắc, thi Minh nói
tốt câu chuyện đàn bà có thai
cho em nghe đi đã.

— Ủ. Em hứa chắc nhé, anh
nói xong thi em dãi anh một tô
chè nhé.

— O.K.

— Hôm nọ anh nói về vấn-dề
gi, nhỉ ?

— Minh giảng vì sao đàn-bà
có thai, vì sao có kinh nguyệt,
và kinh nguyệt đều thi mỗi
hàng những ngày nào có thể
thụ thai được, những ngày nào
không thụ thai.

muôn có thai

hay dùng có thai

— Những nguyên-tắc thụ-thai
đó có thật đúng không ?

— Đúng 90 phần 100. Ở các
nước văn-minh khoa-học đã tiến
bộ, hầu hết phụ-nữ áp-dụng
phương-pháp như đã giảng-giải,
gọi là phương-pháp Ogino, do
Bác-sĩ Ogino của Nhật đã
khám phá và thuyết-minh năm
1930, đều thấy đúng cả. Hiện
nay phương-pháp Ogino vẫn
đang được thông-dụng khắp nơi.
— Những đó là trường hợp
những người đàn-bà có kinh
nguyệt đều. Còn như những



Bác-sĩ Nhật OGINO

người kinh-nguyệt không đều
thì sao ? Như em chẳng hạn, thí
đự tháng Giêng em bắt đầu có
đường - kinh ngày mồng 1,
tháng Hai lại sụt mất 3 ngày,
tháng Ba sụt 5 ngày, tháng Tư
lại trồi lên 4 ngày, đường kinh
cứ lộn-xì xà-bần chảy lung-tung,
chẳng biết thế nào mà tính -
toán trước được. Như thế thi
em làm sao biết chắc ngày nào
thụ-thai, ngày nào không thụ -
thai ?

— Có hai phương-pháp. Thứ
nhất là phương-pháp Ogino. Dù
đối với người đàn - bà kinh -
nguyệt không đều, phương-pháp
Ogino vẫn có thể áp-dụng được
phần nào. Bất cứ là có đường
kinh ngày nào, em cũng có thể
biết chắc rằng hết đường kinh
là kế tiếp MỘT THỜI-GIAN
KHÔNG THỀ THỤ - THAI
ĐƯỢC. Ấy là thời - gian trùng

chưa rụng được. Thời-gian này
lâu hay mau, tùy theo kinh-kỳ
trồi hay sụt. Lệ thường, đường
kinh trồi quá lăm củng là 32
ngày, mà sụt cũng đến mức 22
ngày mà thôi. Nếu là 32 ngày
thì trứng rụng vào ngày thứ
16 sau ngày hết kinh, tức nhiên
có hy-vọng thụ-thai trong khoảng
những ngày thứ 12 đến ngày thứ
20. Nếu là 22 ngày thì trứng rụng
vào ngày thứ 11 sau ngày hết
kinh, tức nhiên có hy-vọng thụ -
thai trong khoảng những ngày
thứ 7 đến ngày thứ 14.

Nói tóm lại, đối với người kinh
nguyệt trồi sụt thất thường,
cứ tính trừ hao rộng rãi cả
những ngày Tinh - trùng còn
sống 48 tiếng đồng-hồ trong Tử -
cung, thi :

I.— Từ ngày có đường kinh,
đến ngày thứ 7 (7 ngày) là
THỜI KỲ CHẮC-CHÂN KHÔNG
THỤ-THAI ĐƯỢC ;

II.— Từ ngày thứ 8 đến ngày
thứ 20 (13 ngày), là THỜI -
KỲ CÓ THỀ THỤ-THAI, (chỉ
thụ-thai trong 2 tiếng đồng-hồ,
và một trong 13 ngày đó, không
biết nhất định ngày nào).

III.— Từ ngày thứ 21 đến ngày

có đường kinh trở lại : là THỜI-KỲ CHẮC-CHẮN KHÔNG THỤ-THAI ĐƯỢC.

Nên lưu ý 2 điểm sau đây :
1) Chúng ta bắt đầu tính từ ngày có đường kinh, bắt cứ ngày nào. 2) Chúng ta đếm 13 ngày thời-kỳ có thể thụ-thai, từ ngày thứ 8 đến ngày thứ 20, là chúng ta đã tính rất rộng rãi cả những ngày Tinh-trùng còn sống 48 tiếng đồng hồ để chờ đợi trong Tử-cung.

Đó là cách tính giản-dị nhất và chắc-chắn nhất, mà bắt cứ người đàn-bà nào cũng có thể tính được, theo kỳ kinh-nghẹt của mình.

— Minh ơi !...

— Oi.

— Như thế là áp-dụng phương pháp Ogino phải không ?

— Phải. Kỳ vừa rồi chúng ta tính theo phương-pháp Ogino đối với những người KINH-NGUYỆT ĐỀU. Hôm nay, tính theo phương-pháp Ogino đối với những người KINH - NGUYỆT KHÔNG ĐỀU, tháng tròn, tháng sụt. Kinh-nghẹt đều, thi thường thường mỗi kinh-kỳ là 28 ngày. Kinh-nghẹt không đều, hoặc tròn thi kinh-kỳ dài nhất là 32

ngày, hoặc sụt thi kinh-kỳ ngắn nhất là 22 ngày. Nhưng cũng có những người đàn-bà bình-hoan, yếu đuối, hoặc vì nhiều lý-do khác, có khi hai tháng, hoặc ba tháng, không có đường kinh. Rồi tự-nhiên có, rồi tự-nhiên không. lúc biến lúc hiện không có chừng-dỗi chi cả, như thể muốn chơi ú-tim (chơi cút-bắt) vậy. Đối với những người phụ-nữ ngoại-lệ ấy, thì chẳng biết đâu mà tính - toán, mà kiêng-cử, mà đê phòng !... Với họ, vấn-dề hoàn-toàn là... may rủi !

— Minh ơi !...

— Oi.

— Em tắt đèn nhé... Đèn chói mắt quá...

— Ủ. Em muốn tắt thi tắt.

Bà Tú đưa tay bấm nút điện. Căn phòng tối đen tối thui. Ông Tú cũng đã hơi buồn ngủ... cắp mắt lim-dim... Ông nghe tiếng dịu-dàng của bà Tú :

— Minh ơi, lúc nãy Minh nói có hai phương-pháp. Minh đã nói về phương-pháp Ogino. Còn phương-pháp thứ nhì ?

— Phương-pháp thứ nhì là phương-pháp lấy nhiệt-độ,



Bác-sĩ Pháp SACHA GELLER

phương-pháp mới nhất, do Bác-sĩ SACHA GELLER, người Pháp ở Marseille, mới phát-minh trong 10 năm nay. Phương-pháp này rất là giản-tiện và đảm-bảo nhất. Với nó, kinh-nghẹt đều hay không đều, có hay không có, không thành vấn-dè nữa. Người đàn-bà chỉ cần có một ống hàn-thứ-biểu (thermomètre) để đo NHIỆT-ĐỘ của mình mỗi ngày, (Courbe thermique) là biết chắc chắn ngày nào có thể thụ-thai, ngày nào không thể thụ thai được. Theo khoa phát-minh của Bác-sĩ Geller (1), thi từ ngày bắt

đầu có đường kinh, nhiệt-độ của người đàn-bà luôn luôn ở DƯỚI 37 ĐỘ, thi-dụ như 36 độ 6 chẳng hạn, NHIỆT-ĐỘ THẤP NHẤT ấy cứ duy-trì mãi trong mấy ngày có đường kinh và năm sáu ngày sau ngày hết kinh : ấy là thời-kỳ nhất-dịnh không thể thụ-thai được. Đến ngày TRÚNG RỰNG, bỗng-nhiên nhiệt-độ từ 36°6 vọt lên TRÊN 37 ĐỘ, thi-dụ như 37 độ 2 chẳng hạn. Nhiệt-độ cao này được duy-trì trong thời-gian ba hoặc 4 ngày mà trùng có thể rụng và gặp Tinh-trùng. Ấy là thời-kỳ có thể thụ-thai. Xong rồi nhiệt-độ ở mức trung bình cao ấy sẽ rồi lại xuống DƯỚI 37 ĐỘ, hai ha hôm trước kỳ kinh-nghẹt : thời-kỳ không thụ-thai lần thứ nhì.

Nói tóm lại cho thật rõ-ràng hơn : Thi-dụ bắt đầu thấy đường kinh ngày 1 tháng 9, thi nhiệt-độ của người đàn-bà biến đổi trong tháng ấy như sau đây :

(1) Trong sách «La Température, guide de la Femme», nhà xuất bản Julliard, Paris.

Ngày 1, 2, 3 = có đường kinh = 36 độ 6

4, 5, 6

7, 8... = sạch kinh = 36° 0' 6"

{ không thay thai

" 9, 10, 11, = Tinh-trùng

còn sống trong Tử-Cung

dè đợi Noãn-châu = 36° 0' 6"

12, 13 = Trứng rụng = 37° 0' 2"

14 (Noãn-châu đón = 37° 0' 2")

15, 16 (Tinh-trùng) = 37° 0' 2"

{ thay thai

" 17, 18, 19 = Trứng không 37° 0'

20, 21, 22 gặp Tinh-trùng, »

23, 24, 25 và chết »

26, 27, 28 36° 0' 6"

29, 30 = Có đường kinh 36° 0' 6"
trở lại.

{ không thay thai

Phương pháp đo nhiệt độ như thường được vẽ trên các đồ-thị (graphiques) để ghi

rõ các đường lên xuống của nhiệt độ mỗi thời-kỳ, gọi là Nhiệt-dộ-tuyến (*Courbe Thermi-*

MÌNH ƠI !

que, viết tắt : C.T.). Bản đồ-thị C.T. trên đây chỉ là thí-dụ cho thấy rõ đại-khai mà thôi, chứ không phải người đàn-bà nào cũng có nhiệt - độ như thế, hay là ngày nào cũng như thế. Nên nhớ rằng nhiệt-độ chỉ lên xuống từ 5 đến 8 phần mươi độ mà thôi, cao nhất là một độ.

— Minh ơi, do nhiệt-độ như thế nào, hả Minh ?

— Đô với một ống hàn-thử-biều (Thermomètre), đút vào hậu-môn mỗi buổi sáng lúc vừa ngủ dậy và đúng một giờ nào đó (thí dụ cứ đúng 7 giờ), chưa bước chân xuống đất và chưa ăn uống chi cả.

— Đề em thi-nghiêm xem, Minh nhé. Bắt đầu từ ngày mai...

— Phụ-nữ các nước khoa-học tân-tiến đều theo phương-pháp Ogino, hoặc phương-pháp Geller để kiềm-soát việc sinh đẻ (Control Birth). Phụ-nữ Việt-Nam ta thì chưa dể lu-bù, không chịu tính toán gì tất cả...

Ông Tú nói xong, rồi tự-nhiên làm thịnh. Một lát sau, bà Tú âu-yếm gọi chồng, gọi rất khẽ :

— Minh ơi... Minh... Minh ngủ rồi sao ? Em giận đấy...

Nhưng Bà Tú đã nghe tiếng ông Tú ngày ầm-ầm như cái máy điện...

Điệu-Huyền

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại: 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanhan-Giản — SAIGON



khi người đẹp thất vọng

★ PETER CHEYNEY
● HOÀNG-THẮNG dịch

(Tiếp theo P. T. số 64)

● Ngày Thứ Ba ●

T RỜI bắt đầu tối khi tôi tới Melquay. Tôi lái xe tới Court Hotel nơi ông Mike đã mướn trước cho tôi một căn buồng. Sau đó tôi tới thăm ông Ellerdene, thân chủ của sở trinh thám tư chúng tôi. Gia đình ông gồm có ba người: ông, vợ ông và cô con gái hai mươi sáu tuổi, cô Denise. Cô Denise rất xinh đẹp, ưa đọc sách báo,

KHI NGƯỜI ĐẸP THẤT VỌNG

thích chơi golf, cưỡi ngựa. Hồi đệ-nhị thế-chiến, cô có quen một phi công Mỹ, tên Hart Allen đóng tại căn cứ Exeter. Hart Allen là một anh hùng phi công, đã từng hạ rất nhiều máy bay Đức trong những trận không-chiến. Anh lại còn là tay uống rượu mạnh như uống nước lá và ưa «sân» gái đẹp. Khoảng năm 1946, Allen cùng phi đoàn của anh rời trở về nước Mỹ. Mấy tháng sau ông Ellerdene định gả con gái cho Trenidor. Nhưng rồi đám cưới bị trục trặc vì một bài đăng trên báo Melquay Record in ở thị xã Mapleton, cách tỉnh Melquay độ mười lăm dặm đường. Bài báo này có tích cách bêu xấu cô Denise đã từng dăng-dện với viên phi công Allen. Tờ báo phát hành sáng thứ năm và đã bán được 400 số, tờ soạn mới biết để hủy bỏ. Nhiều người nghi ngờ tên Roakes vì hắn làm việc trong nhà in từ 7 đến 8 giờ tối. Nhưng đặc biệt hôm đó, tên Roakes lại nghỉ việc. Theo lời người vú già của cô Denise tên là Mary McDougal nói thì bà có gặp Roakes đi coi hát bóng cùng một người đàn bà hồi 7 giờ tối và khi mǎn hát lúc 9 giờ rưỡi

tối, hắn đập xe buýt đi Melquay và hắn đã vào một bar uống rượu cho tới khi nhà hàng đóng cửa.

Ông Ellerdene muốn tôi điều tra tìm ra thủ phạm vụ này một cách bí mật không cả cho vợ ông hay mặc dù vợ Ông muốn. «Đừng đánh thức con chó đang ngủ» làm chi cho phiền.

Mười rưỡi tối, tôi trở về khách sạn gọi điện thoại nói chuyện với Ông Linnane đề yêu cầu Ông cho Finnay tới Mapleton cùng xe hơi riêng. Trong khi chờ tôi nhờ công việc, Finnay cứ việc nằm thở khói thuốc lá trong một khách sạn khác.

Sau đó tôi lái xe tới một rạp hát lớn. Nơi đây đang có buổi trình diễn vũ Balan. Hàng dãy xe hơi mới, dù kiều năm dài dọc theo đại lộ. Tôi tới hỏi một người đứng nơi cửa ra vào, hỏi thăm bà Ellerdene có dự coi không cùng xe hơi của bà đậu nơi nào. Hắn chỉ cho tôi thấy chiếc xe Rolls-Bentley đậu cuối dãy.

Thấy cửa xe không khóa, tôi lén chui vô ngồi ở băng sau và, trong lúc chờ đợi, tôi nhâm nha hút thuốc lá cho đỡ ghiền. Mấy phút sau, bà Ellerdene ra xe.

Trông bà hãy còn duyên dáng dù
đã ngoài bốn mươi.

— Chào bà, tôi nói.

Bà Ellerdene giật mình kinh ngạc khi nghe thấy tiếng chào của tôi. Tôi tự giới thiệu tôi cùng nhiệm vụ của tôi ở đây. Bà Ellerdene mời tôi tới Palace Hotel để nói chuyện. Theo ý bà, bà vẫn muốn « dừng đánh thức con chó đang ngủ ». Câu chuyện đã xảy ra rồi mọi người sẽ quên lãng. Con gái bà sẽ lấy chồng êm thắm vì Eustace Tredinor vẫn yêu Denise. Bà cho rằng có người ghen ghét nên đã làm ra vụ này. Bà không muốn tôi khuấy lại vũng bùn. Bà khuyên tôi nên từ chối sự yêu cầu của chồng bà với lý do không thể tìm ra chủ phạm, sau đó tôi chỉ việc ăn chơi ở khách sạn, mọi phí tiền bà gánh chịu. Bà mờ tật ngân phiếu ghi trả tôi 500 bảng Anh.

— Tấm séc này không có gạch chéo. Sáng mai Ông có thể lịnh ngay được. Nói xong bà từ giã về trước.

Tôi còn ngồi nán lại uống thêm ly rượu nữa. Khi tôi về, trời đã

nửa đêm. Ánh trăng chiếu xuống đường phố vắng tanh, hắt dài những bóng đen của những chiếc xe đậu trước khách sạn. Chợt có tiếng gọi tên tôi. Từ trong bóng tối một người bước ra.

Trông hắn có vẻ là một nhà thi sĩ. Tóc lượn sóng, miệng nhỏ như miệng con gái, quần áo sang trọng lịch sự. Tôi hỏi hắn muốn gì. Hắn cho hay hắn có thể giúp được việc cho tôi.

— Tại sao anh lại biết tên tôi và anh có thể giúp tôi ?

— Tôi thông minh lắm ông Gale ạ. Tên tôi là Claude Weeps, nhiều bạn tôi hại tôi lại kêu là Claudette, tên có vẻ con gái lắm phải không ông ? Tôi là họa sĩ, chuyên việc trang hoàng có tăm tiếng. Tôi quen hết những tên gác cổng khách sạn, nên mỗi khi có khách lạ tới ở, bọn chúng đều cho tôi hay. Bởi vậy tôi mới biết Ông và tôi chợt nghĩ tới những bài báo đã từng nói tới một nhân viên bí mật đã từng làm những chuyện kinh thiên động địa hồi chiến tranh tên là Nicolas Gale kèm theo hình ảnh. Và người đó là Ông. Tôi tự nghĩ không hiểu

tại sao ông lại tới tỉnh này. Hồi nay tôi thấy ông gặp bà Ellerdene tôi hiểu ngay câu chuyện. Tôi biết ông đi tìm tác giả bài báo phi báng cô Denise Ellerdene, bởi vậy tôi đã đứng đợi Ông tại nơi đây.

— Tôi mời hắn lên xe về Mapleton. Tôi cho xe chạy chậm chậm và đục hắn nói tiếp.

— Ồ đâu có dễ thế. Tôi cần phải nghĩ tới tương lai để sống chứ.

— Đồng ý, vậy anh có gì để bán ? Bao nhiêu ?

— Ông... Ông hỏi tôi đột ngột một cách thiệt kinh khủng, song le tôi cũng trả lời ông, nói xong hắn tựa vào nệm xe, lim dim nghỉ ngơi. Nếu ông tới vì vụ đó tức là Ông đã làm việc cho lão già Ellerdene rồi. Hắn giàu một cách kinh khủng, tiền bạc như muối bể. Nếu ông làm được việc Ông sẽ được trả một món tiền lớn. Riêng tôi, tôi có biết. Tôi có thể nói hết cho ông rõ.

— Bao nhiêu ? Tôi hỏi lại.

Hắn quay về phía tôi mỉm cười. Trông nụ cười của hắn thật đáng ghét. Tôi cho hắn biết nếu hắn

cho tôi rõ tên người viết bài báo với những bằng chứng cụ thể, tôi tôi sẽ trả hắn Năm trăm bảng, số tiền của bà Ellerdene trả tôi để tiêu sài để khỏi phải làm gì cả bằng ngân phiếu ghi chữ « au porteur ». Hắn có thể lịnh ngay vào buổi sáng rồi tìm tôi sau để nói chuyện.

Trong bóng tối, tôi nhận thấy mắt hắn sáng lên như mắt mèo rình chuột. Hắn tỏ ý lo ngại bà Ellerdene sẽ biết hắn lịnh tiền và nghỉ ngơi hắn. Đề cho hắn yên tâm, tôi vội bật đèn nơi trần xe hơi rồi lấy viết máy ghi rõ tên tôi, như vậy bà Ellerdene sẽ yên tí là chính tôi đi lánh tiền.

— Như vậy sáng mai tôi có thể lánh tiền được rồi. Nhưng dù sao tôi cũng phải suy tính kỹ dã. Sáng mai khi lánh tắm ngân phiếu xong tôi sẽ gọi điện - thoại tôi khách sạn nơi ông ở để hẹn nơi gặp gỡ kín đáo nào đó để tránh sự dòm ngó của người khác. Lúc đó, hoặc tôi sẽ cho Ông biết hết, hoặc tôi sẽ trả lại Ông năm trăm nếu tôi thấy nói ra là phiền phức. Ông bằng lòng tin tôi chứ ?

— Được, anh cứ yên chí. Tôi quay xe về phía Melquay

và thả người khách mới xuống một phố vắng. Đứng trên hè, hắn mỉm cười chào tôi rồi nhún nhảy bước đi dưới ánh trăng vắng vặc.

Cho xe chạy một thời đường, tôi dừng lại trước một phòng điện-thoại, gần Câu-lạc-bộ Melquay Country. Tôi gọi tới quận cảnh-sát để nói chuyện với viên thanh-trạ Mac Andrew. Tôi tự giới thiệu tên tôi, những cơ-quan tôi đã làm việc. Mac cho hay có biết về tôi và hỏi tôi muốn y giúp việc gì. Tôi hỏi ông ta về tên Claude Weeps.

— Ai mà chả biết hắn. Chúng tôi cũng chả chú ý gì tới hắn.

Tôi hỏi Mac có biết rõ gia đình hắn không và khi được trả lời tôi mới thêu dệt câu chuyện.

— Tôi quen cha hắn. Weeps nói chơi tôi một số khá bức hình. Hồi đêm tôi gặp hắn, hắn chỉ mượn tiền. Tôi từ chối, chỉ út ví đưa cho hắn mười đồng. Không may chiếc ví rơi xuống đất, Weeps nhặt hộ tôi nhưng lấy tờ rơi vương vãi. Khi kiểm lèm lại, tôi không thấy tấm ngân phiếu năm trăm bảng toàn là giấy năm đồng. Tôi cảm ơn ông ta và chờ đợi. Tới hai rưỡi chiều, Weeps gọi điện thoại hẹn tôi năm giờ gặp nhau nơi quán Sheppes' trên đường đi Mapleton. Yên trí tôi tiều lèn giường nằm ngủ một giấc đã mắt.

— Anh nghĩ hắn lấy ư?
Tôi chắc như vậy. Tấm

ngân phiếu đề « au porteur » do bà Violet Ellerdene viết và có gạch đít chữ « au porteur ». Tôi có đề thêm tên tôi vào : Nicolas Gale. Tôi biết thế nào hắn cũng tới ngân hàng lãnh tiền. Tôi yêu cầu ông cho nhân viên tới nhà ngân hàng « Capital and Countries Bank » rình rập hắn. Sau đó tôi gặp hắn, nếu hắn lãnh tiền rồi tôi sẽ đòi lại và dọa chút xíu cho nó sợ. Còn như hắn chối, tôi sẽ làm đơn khiếu nại và lúc đó ông có thể làm chứng về số tiền hắn có.

Được Ông Mac nhận lời giúp đỡ, tôi cảm ơn rồi trở về khách sạn. Một ly whisky ngon lành kết thúc một ngày mệt nhọc.

● Ngày Thứ Tư ●

TÔI nhần nha bơi, óc nghĩ tới những chuyện mới xảy ra. Nước biển ấm, trời trong xanh, đẹp hoàn toàn. Tôi nghĩ tới thiên chủ của sở tôi, ông John Ellerdene chỉ muốn tôi phanh phui câu chuyện thiệt nhanh chóng còn bà vợ lại muốn tôi ngưng đứng tay vào vụ đó. Claude Weeps lại muôn dính mũi vào câu chuyện đề xoay tiền nhau nhạt. Nếu tôi tới hỏi viên

tổng thư ký báo Melquay Record đề được biết ý nghĩ của ông ta ư? cũng chẳng đi tới đâu cả.

Vì duyên có gì mà kẻ lạ mặt đã cắm thù cô Denise để tạo nên dư luận? Kẻ đó là đàn ông hay đàn bà? Rất có thể anh chàng nào đó đã yêu cô Denise mà không lấy được nàng nên đã phá quấy? Cũng rất có thể một cô nào đó yêu Trenidor, nay thấy người mình yêu sắp cưới vợ nên phá đám chơi?

Tắm xong, tôi trở về khách sạn và được viên thanh tra Mac Andrew gọi điện thoại cho tôi hay hối sáng Claude Weeps có tới ngân hàng lãnh tấm ngân phiếu năm trăm bảng toàn là giấy năm đồng. Tôi cảm ơn ông ta và chờ đợi. Tới hai rưỡi chiều, Weeps gọi điện thoại hẹn tôi năm giờ gặp nhau nơi quán Sheppes' trên đường đi Mapleton. Yên trí tôi tiều lèn giường nằm ngủ một giấc đã mắt.

Bốn giờ chiều thức giấc, tôi điềm tâm bốn chén nước trà rồi lái xe tới chỗ hẹn. Một buổi chiều rất đẹp! Nếu có Lana ngồi bên cạnh, đề nói chuyện tâm tình thì tuyệt biết bao! Một ngày nào đó, ý

nghĩ của tôi sẽ thành sự thật... Một ngày nào đó...

Quán Sheppes' là một quán rượu nhỏ cách Mapleton năm dặm đường. Tôi nhìn thấy Weeps ngồi uống nước nơi góc phòng. Trong hắn sặc sỡ như một bó hoa vây. Hắn mặc bộ quần áo màu xám lật, chiếc sơ-mi màu hung hung, thắt chiếc cà vạt màu tươi, dì dỏ giày vàng.

Tôi mang ly whisky-soda tới ngồi cạnh hắn. Weeps tỏ ý phiền tôi hết sức và trả lại tôi số bạc hắn đã lãnh. Tôi đếm cẩn thận từng tờ một rồi thảm nhiên bỏ vào túi. Tôi móc hắn, nói hắn đã lợi dụng tấm ngân phiếu của tôi để đưa cho một kẻ nào đó đã dính dáng tới bài báo mạ ly để đòi hỏi một số tiền xứng đáng hơn nên khi đã thỏa mãn rồi hắn mới trả lại số tiền nói trên. Claude Weeps bừng bừng nỗi giận. Tôi tăng lò nói thêm cho hắn hay tôi đã trình nội vụ cho viên thanh tra cảnh sát Mac Andrew hay. Nếu nội trong ngày nay các ngân hàng ở đây không nhận được số bạc, như vậy tỏ ra Claude không trả tôi số tiền đã lãnh.

Nghé thửng câu chuyện, Clau-

le giận rung lên, điếm thuốc lá trong tay rót xuồng đầu hắn cũng hông hay. Hắn nguyên rủa tôi hậm tệ. Tôi mặc cho hắn nói dù ăn nói cũng chẳng đẹp đẽ gì, tôi mỉm cười hất hàm hỏi hắn : Vậy thì... anh có nói hay hông ?

Hắn ngập ngừng ít phút rồi hún vai trả lời :

—Ồ, cũng chẳng sao, rồi ai cũng biết không sớm thì muộn.

Hiện tôi có giữ một số thư từ liên-quan tới chuyện đó. Xem đây không tiện chút nào hết. Tôi anh tối nay, đúng 9g30 tới Việt-trang của tôi tại bờ biển Kara Rock, tôi sẽ đưa cho anh tôi hết.

— Tại sao hẹn nhau muộn vậy?

— Tại vì ma quỷ đã đưa rồng dẫn lối cho anh tối đây. Tôi rất bận chiều nay cũng chỉ anh đó.

— Thời được. Hẹn nhau 9g30 nay. Tôi mong rằng sẽ gặp nhau và được nghe anh nói hết sự thật. Nếu anh không tới, tôi sẽ cảnh sát đề khiếu nại đấy.

— Yên chí, tôi sẽ lại đấy. Và

sự thật rất có thể làm anh không vừa lòng chút nào đâu. Không chừng rồi anh lại hối tiếc rằng anh đã quá tinh ranh, quá dã man, nghe !

Tôi về khách sạn, tôi được Finney gọi điện thoại cho hay anh ta mới tới, hiện ngủ tại khách sạn Lindle's. Tôi dặn Finney điều tra mặt về bà Ellerdene cùng tên Claude Weeps, cả người bồi phòng của cô Denise mang tên Mary McDougal tuổi chừng năm mươi.

— Ngày mai cho tôi hay dù anh chưa điều tra được tường tận. Có thể tôi có chuyện nhờ anh.

Xuống phòng giải khát tôi uống liền hai ly Martini sec. Ngồi nơi góc phòng tôi liền nghĩ tới Lana. Thiệt là bức hết sức ! Cứ mỗi lần mơ màng nghĩ tới khuôn mặt duyên dáng của người yêu, tôi lại thấy chiếc miệng khả ố của tên Claude hiện ra làm xáo-trộn cả hình ảnh đẹp của nàng. Tôi dành phải đẹp lại hết. Hãy làm cho xong vụ Ellerdene đã.

Theo lời dặn của Weeps, tôi cho xe ngừng gần đồn quan thuế. Dù trời khuya tôi cũng vẫn nhìn

rõ mọi vật. Căn nhà của Weeps có lầu, mái ngói đỏ, nơi tường nhà có hàng cây leo.

Tôi nhận thấy vụ Ellerdene đã tới lúc đáng chú ý. Nhìn đồng hồ tôi thấy đúng 9g30. Tôi tới nhà nhẹ đầy cánh cửa. Cửa không khóa nên mở dễ dàng. Phòng khách tràn đầy rất mỹ thuật, đồ đạc sang trọng. Nơi góc phòng có cửa ăn thông với phòng ngủ và phòng tắm. Sau khi xem hết căn nhà, tôi trở lại phòng khách. Nơi mặt bàn có chiếc phong bì đề tên tôi. Tôi vội mở ra coi. Chỉ có 5 chữ : « Tôi cảm thù anh lắm ». Hừ, hắn già-tử mình kiêu này thì không mê chút nào hết.

Ngay lúc đó đèn điện ngoài cửa đột nhiên tắt. Bóng tối tràn ngập căn phòng ngoại trừ ánh sáng mờ mờ hắt qua khe cửa sổ. Có tiếng nhiều bước chân trên sàn nhà. Tôi nhận thấy có ba bóng người. Không ý tôi lần sau chiếc bàn, áp lưng vào tường. Tôi dụ tắt điếu thuốc lá và vớ chiếc bình mực dùng thay vũ khí để thủ thế.

— Này ông bạn Gale ! Một giọng nói vang lên. Thiệt là một

sự gặp gỡ lạ lùng, thú vị nhỉ. Bạn tôi cần phải nói với ông một chuyện đây.

Tôi ném mạnh bình mực về phía có tiếng nói. Hắn nguyên rủa om sòm. Lúc này tôi ở vào thế nhất hổ nan địch quần hổ. Tôi hứng được một trái đấm sắt vào mặt. Vừa lấy được thang băng tôi bị luân một cú đá trúng đùi, trúng ngực. Tôi ngã ngồi xuống nhưng cũng nắm được đùi một đúra, đứng cạnh tôi. Thật chẳng có một chút may mắn nào cả. Một trái đấm vào gáy làm tôi « tinh cả người ».

— Giữ chặt lấy nó, giọng nói lại vang lên.

Hai tay nắm chặt cánh tay tôi.

— Hừ, mày ưa dùng bình mực lầm hả ? Rồi chúng tao sẽ tặng mày một chiếc đầm kỷ niệm.

Một bàn tay kéo tấm riềng che cửa sổ. Ánh sáng lọt nhanh vào phòng. Tiếng nói dừng ngay trước mặt tôi. Tôi nhô nước bọt không nói gì.

— Mày ưa ném bình mực lầm hả ? Nay đây, hãy giữ lấy.

Tôi nghiêng đầu tránh. Chiếc lọ mực nặng nề đập vào má tôi.

Mỗi tôi bị gốc cạnh sắc bên cửa
nhà. Tôi thấy các vì sao nhảy múa
tại rít trước mắt.

— Bỗ hản ra, giọng nói tại tiếp.
Tựa lưng vào tường, tôi thấy
át mờ hản đi như có sương mù
o phủ.

— Này ông Gale, xin từ biệt
g nhé. Lần sau đừng có dại dột
mũi vào chuyện của người khác
he không? Tiếp theo lời nói
một trái đấm trúng cầm làm
ngã gục. Theo thông lệ trong
ứng cuộc ẩu đả, tôi biết thế
o kẻ địch cũng dùng giày đậm
mặt nên tôi lấy tay đỡ trước.
ing lúc, một chiếc giày đậm
ng bàn tay tôi. Một chiếc ủng
dúng hơn. Để giày có đóng
nh. Tại làm sao người ta cứ
n luôn đóng đánh hàng ba nỉ?
i ngọt ngoậy ngón tay và rút
được hai chiếc. Tôi biết thế

nào tên chỉ huy này cũng phải mang giầy tới ông thợ giầy nhò đóng lại.

Một cú đá trúng bụng làm tôi
ngất đi không còn biết trời đất
nữa.

Tinh giác, tôi thấy mình nằm trên sàn, đầu tựa vào tường. Trí nhớ trở lại chậm chạp. Tôi nghĩ tới những chuyện vừa xảy ra. Đầu tôi nặng như búa bô. Chiếc mũi bị cưa, máu chảy làm tôi rúc rối khó chịu. Cả chiếc bụng cũng đau ê ẩm. Tôi cựa quậy, người đau đớn vô ta. Tôi cố gắng lết tới phòng tắm để kiểm chút nước. Nước trước hết đã.

Cố hết sức tôi mới bò tới cửa phòng. Mồ mảm tôi tìm được nút mở điện. Tôi lịm đi vì mệt sau khi mở được đèn. Hình như có người bật đèn ngoài cửa. Một người đàn bà tiến lại phía tôi.

(Còn nữa)

ĐẠI-BỘ BÁC-SỸ TÍN

CẦN DÙNG CHO NGƯỜI ÔM YÊU, MẤT MÁU
SỐT RÉT XANH XAO. ĐÀN BÀ TRONG KHI
DUỒNG THAI HAY SAU KHI SANH ĐỀ.
ĐẠI BỔ CHO NGƯỜI LAO LỨC VÀ ĐAU MÓI MẠNH.

**VIỆN BÁO CHÈ CÓ BẢN TÀI CÁC ĐẠI LÝ
343, ĐƯỜNG LỤC TỈNH C.L KHUYNH-DIỆP BẮC-SỸ TÌM**



★ DUYÊN - HỒNG

(Tiếp theo P.T. 64)

★ Thứ Hai 12-3 — 8 giờ đêm.

Anh Hải... thân mến, lần đầu tiên, hai ngày hai đêm nay, em
mới CẢM thấy rạo-rực ý-nghĩa huyền-mơ của hai chữ « Tương-
Tư »...

Từ trước đến giờ, em chỉ HIẾU nghĩa danh-tử ấy thôi, chỉ là cái nghĩa thê chát thông thường của nó, nhưng em vẫn cứ tự hỏi : «Tương tư như thế nào nhỉ?»... Vì em đã biết «tương tư» ai đâu? Em có «tương tư» bao giờ đâu! Thì đây, đêm qua, đêm nay, cành hoa

tương tư mới bắt đầu chớm nở trong lòng em. Mùi hương tương-tư
đã phảng-phất trong hồn em... Đêm qua, đêm nay, màu sắc tương-tư đã
tương-vấn vào em như ý nhạc, như tình thơ, xao-xuyến như mặt
nước hồ xuân khi bóng anh, bóng em, ngả song song trên bờ sen...

À, tương-tư là thế đấy... Tương-tư là mối vui nao-nao khi biết
nhau, mối buồn man mác khi xa-cách nhau... Tương-tư là một
tụ cười của hôm nay đón lại hôm qua, là hình bóng của hôm qua
đón bịn rịn hôm nay. Tương-tư, là hơi nóng êm-dịu của bàn tay anh
đòn ấm-áp trong tay em... Ô, lần đầu tiên anh nắm tay em... Sao
như nắm tay em chi thế? Anh có thấy em run không?... Em muốn
hết rút bàn tay em ra khỏi bàn tay anh... Nhưng anh truyền cho em
một rung cảm mới quá, lạ quá, làm em bâng-khuâng... e-lệ...

Trong cảm-tình trong-trắng chân thật của em, em tự thấy em có
hút già-dối... Em già-dối với anh, em già-dối với em... vì nếu
hông, sao lúc anh nắm tay em thì em như muôn van anh đứng nắm,
nhé mà khi anh buông tay em ra, em lại muốn... vâng, em lại muốn...
anh nắm chặt lấy bàn tay em mãi. Rụt-rè trong tay anh, bàn tay
n bé nhỏ, mong-mạnh như con tim, như con chim..., ngại-ngùng
m sao!...

Ô mà lạ nhỉ! «Anh» là ai nhỉ?

Lúc gặp anh bên chuồng chim, sao em bỡ ngỡ thế, xa cách
nhé! Ấy thế mà một lát sau, khi anh đã nắm lấy tay em, xiết chặt
vào lòng anh, khi anh đã nhìn vào mắt em, rót ánh sáng yêu-đương
vào hồn em, thì, Anh ơi, sao em thấy mọi vật chung quanh đều khác
nhau! Cả đến em cũng khác hẳn... Nào đâu Duyên-Hồng
thay-thor, bé-bóng, tưởng không bao giờ dám đi bên
nhé một người đàn ông xa lạ? Thế mà chiều hôm qua,
em đã dám đi bên cạnh anh. Mới tháng trước đây, lần đầu
em bắt gặp chị Mai đi trên đường Lê-Lợi với người yêu của
nhé, em lại ghét chị ấy; em công kích chị ấy nhiệt-liệt. Thế mà bây

giờ em đi với anh, sao chính em không thấy «ngượng» tí nào?
Trái lại, em còn tự cảm thấy hình như em «hành-diện»! Em rõ thật
là mâu-thuẫn với em! Hay là anh có mánh-lực gì huyền-vi để biến-
đổi Duyên-Hồng mau chóng thế?

Anh Hải ơi, em thú thật rằng dù sao, em vẫn cứ sợ-sợ..., anh
ạ. Anh đem tình-yêu đến cho Duyên-Hồng có hơi sớm không? Và
em không biết rằng đó có phải thật là «Tình yêu» hay không, anh
nhỉ? Tuổi 16 của em còn non-dại quá, sợ chưa đủ lý-trí để nhận-
lành «tình yêu» chẳng? Sau khi con tim em đã hồi-hộp vì anh, rung-
động vì anh, em lại hỏi nó: «Có phải là những rung-động bồng-
bột của trái tim còn niên-thiếu?» Em nhớ những lời xinh đẹp anh đã
nói với em chiều hôm qua, xinh đẹp như một giấc mơ hoa. Nhưng em
ngại rằng hoa sớm nở thì lại sớm tàn, giấc mộng vàng biết đâu sẽ bị
mưa gió phũ-phàng chôn vùi trong ác-mộng? Vì thế nên lúc đi trên bờ
hồ, anh muốn hẹn với em chủ-nhật tuần sau lại gặp nhau nơi đây, em
bản-khoán chưa dám nhận lời ngay.

Duyên-Hồng ơi, Hồng dè-dặt thế có lẽ hay đấy. Tình yêu không
phải là tội lỗi, biết thế, nhưng... Hồng sợ rằng ngộ nhỡ nó sẽ biến
thành ra tội lỗi thì sao?

Nghĩ kỹ lại một tí, Hồng gấp Hải chiều hôm qua, kè cưng táo
bạo đấy. Thực ra, Hồng chưa dù súc tin Hồng, sao Hồng dám tin
Hải? Nếu Hồng biết trước, Hồng chẳng bao giờ nhận lời đi chơi
với Mỹ-Thanh để có cuộc gặp gỡ... tâm-tình với Hải.

Hải đẹp trai, Hải hiền-lành, Hải rất mực đứng đắn, Hải thành
thật, vân vân v.v... Hồng nhìn nhận rằng Hải là một thanh niên rất
xứng đáng. Thế nhưng Hồng còn bé quá. Ngay đối với Hải, Hồng
cũng thấy Hồng còn trẻ con làm sao ấy.

Nhưng khô cho em lắm, anh Hải ơi! Em nghĩ thế đấy, mà em
vẫn thấy em mâu-thuẫn với em... Từ cuộc gặp gỡ ngẫu-nhiên chiều hôm
qua, hình ảnh của anh cứ phảng-phất trong tim óc em, làm em rạo-

rực,... nhớ nhung... Em bị kẹt giữa những thực-tế tầm-thường, ghê-sợ, và một giấc mơ diễm-lệ.. mè-say..! Em chẳng biết làm sao đây...? Em muốn... bắt đầu anh đó. Lối tại anh, anh đã «quyến rũ» Duyên-Hồng với tất cả những gì tốt đẹp ở nơi anh...

Nhưng tâm-sự của em ghi trong trang nhật ký nầy, chắc chắn không bao giờ em dám cho anh biết

* Thứ Tư 14-3

Tối nay nhớ xin tiền Mẹ để sáng mai nghỉ học đi trám cái răng già. Hồng thích cái răng ngà cho giống với mấy răng kia. Nhất định đẻ-dào răng vàng.

* Thứ sáu 16-3.

Giờ chơi, gặp Mỹ-Thanh. Thanh bảo anh Hải cứ khen cái nết của Hồng mai. Anh ấy bảo Hồng «nết na thùy mị». Hồng cười : «Hồng không thích cái nết-na ấy đâu.» Thanh hỏi sao thế, Hồng bảo : «Chú Thanh không nhớ câu tục-ngữ ; «cái nết đánh chết cái đẹp. đấy à ? Hồng sợ nếu cái nết nó đánh chết mất cái đẹp của Hồng, thì Hồng có nước chết luôn !

* 19-3.

Minh-Thúy kể chuyện ở trường tư thục X. X. X. có một thầy giáo nọ chuyên-môn quyến-rũ các cô nǚ-sinh, nhẹ dạ. Thúy kể ba bốn chuyện rồi bại, rồi kết luận : «Đời giờ thấy các bậc Mô-phạm ấy mà chán ! » Hồng bảo : «Đấy là Mô-ham, chứ mô-phạm gì ! »

— Họ vẫn mang danh là trí-thức đề bịp đòn.

— Trí-ngữ, chứ không phải trí-thức đâu, Thúy ơi !

* Thứ Bảy 24-3.

Mỹ-Thanh lại rủ Hồng chiều nay đi ciné với Hải và Thanh. Phim gì hay lắm, ở rạp Khải-Hoàn. Hồng do-dự : nửa muốn đi, nửa muốn từ-chối. Muốn đi với Thanh, là vì Hải, muốn từ - chối

cũng là vì Hải. Hồng «sợ » gặp Hải thường. Hồng mến Hải lắm, nhớ Hải, nhưng chưa thật là yêu. Chừng nào yêu hăng hay, bấy giờ mới «tương-tư » một tí thôi. Một - tí một-tý thôi... Chớ có tương-tư nhiều quá, rồi nhớ «giữa đường dứt gánh tương...» thì khò đầy, Hồng ạ.

Hồng từ-chối đi ciné, xem chừng Mỹ-Thanh không bằng lòng...
Thanh nhõng-nhỏe đáng yêu tè ! (Còn nữa)

TIN MỪNG

Được hồng thiệp của bạn NG.-CÔNG-TRƯỜNG, trưởng-nam của bà sương-phụ NGUYỄN-CÔNG-MINH, báo tin ngày 30 - 8 - 1961, vâng lệnh mẫu-thân kết duyên cùng cô DƯƠNG THỊ PHƯƠNG-PHI, ái-nữ, của ông bà DƯƠNG-CÔNG-NAM ở Saigon.

Nhân dịp vui mừng, chúng tôi xin thành thật chia mừng và chúc hai bạn NGUYỄN-DƯƠNG trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN THU MINH
và HỒ NGỌC THÓI



Lên-Trăng (II)

(Tiếp theo «LÊN TRĂNG-I», P.T. số 63)

Tôi đã sẵn-sàng lên chí Nguyệt,
Quyết lòng ra đi là đi biệt !
Lên Trăng đọc sách khôi thấp đèn.
Lên Trăng làm thơ khôi kiêm-duyệt !
Lên Trăng, ai ai cũng là Tiên.
Không chia giao-cấp, không phân-biệt.
Bơi chiếc thuyền Trăng khắp bầu trời,
Hết nằm một xó trên đất Việt.
Ăn sương, uống gió, say Trăng vàng,
Khôi thấy tranh giành phuờng rượu thịt.
Ngủ gốc cây đa, khôi mướn nhà,
Khôi bị chủ phở đuổi ác-nghiệt.
Hết ốm, hết đau, hết vi trùng,
Hết bị Đốc-tua cắt cổ riết,
Hết ghét xã-hội lùng-tùng-xòe,
Hết trò nhô-nhăng như hát xiếc.
Hết thấy loài người tham-sân-si,

Xàu-xé miếng ăn, giành quyết-liệt.
Hết nhìn múa-men bọn gian-hùng
Lời-le ngọt-ngào, lòng xảo-quyết.
Hết thấy chen-chúc hàng tiểu-nhân,
Chuyên môn dựa hơi người thế-phicket.

Hết bom Nguyên-tử hầm-dọa nhau
Hết lo trái đất bị tiêu-diệt.

Thôi ! Thôi ! Lòng tôi đã nhất quyết
Sớm muộn rồi đây cũng vĩnh-biệt..!
Phùi hết gió-bụi đồi trầm-luân,
Mang một gùi thơ lên chí Nguyệt.
Đã nói ra đi, là đi thiêt.
Đêm đêm ngồi buồn nhẩn chí Nguyệt,
Nghêch-ngoạc vẫn thơ gửi nước non
Giờ phút lên Trăng, sẽ mất biệt !

Điệu-Huyền



Truyện dài tình - cảm thời - đại : NGUYỄN - VΥ

(Tiếp theo P.T. 64)

Phần Thứ Hai

CHƯƠNG I

CÔ Pham-thị-Toàn treo nón ngoài hè bước vào phòng khách, thì ông Ngọc-Minh cũng từ trong văn-phòng của ông bước ra. Ông đưa tay niêm-nở bắt tay cô Nữ-sinh vừa thi đỗ bằng Quốc-gia Sư-phạm :

— Thành-thật khen Toàn... Toàn đỗ cao, tất cả các môn đều được điểm tốt nhất. Toàn thành-

công vê-vang lăm đó !

Hai người nhìn nhau, đầy cảm mến. Toàn xúc-động, ửng hồng đôi má :

— Thưa ông, em thành-công được là hoàn-toàn nhờ ơn ông cứu-giúp. Hôm nay em đến để xin lỗi cùng ông tất cả tấm lòng tri-ân nồng-nhiệt và sâu đậm của em, và lòng trung-thành tận-tụy của em.

— Toàn dừng nói thế chứ. Trước đây ba năm, ngày đầu tiên tôi tiếp Toàn nơi đây, tôi đã bảo với Toàn rằng giúp Toàn học cho thành-đạt đó là một bồn phận và một niềm vui-thích của

MỒ HỘI NƯỚC MẮT

tôi... Tôi thật sung-sướng thấy Toàn đã chiếm được bảng vàng với ưu-hạng,—hiếm lăm,—sau ba năm đèn sách chuyên-cần... Và lại, theo lời ông Hiệu-trưởng trường Quốc-gia Sư-phạm có nói với tôi, suốt trong 3 niên-khoa Toàn đã luôn luôn tỏ ra là một Giáo-sinh có nhiều khả-năng nhất và nhiều đức-tính nhất.

Ông Ngọc-Minh tươi-cười nói tiếp :

— Hôm nay chúng ta phải ăn-mừng kết-quả rực-rỡ của Toàn... Toàn đồng-ý chứ ?... Tôi muốn làm bữa tiệc nhỏ-nhỏ, nhưng thân-mật, để đái có Giáo tân-khoa !...

Toàn bén-lèn cười :

— Dạ, em xin vâng lời.

Ông Ngọc-Minh chỉ chiếc ghế xinh-dep của phòng khách :

— Mời Toàn ngồi.

Ông Ngọc-Minh ngồi đối diện :

— Trước hết, Toàn thích uống gì để giải khát ?

Toàn rất tự-nhiên :

— Dạ, ông cho uống gì cũng được...

— Xá-xị nhé ?

— Dạ.

Ông Ngọc-Minh đứng dậy đến tủ lạnh, mở cửa tủ lấy ra hai chai xá-xị, đem lại bàn khách với hai ly có nước đá.

Trong lúc ông mở nút chai, rồi rót nước giải khát ra ly, Toàn với giọng rất dịu-dàng, cảm-động, nói :

— Ông tử tế quá... Lúc nào em đến thăm ông, em cũng được ông tiếp-dãi nồng-hậu và tò-lòng thành-thật mến thương em...

Ông Ngọc-Minh mời :

— Toàn uống đi.

Hai người cùng nâng ly. Ngọc Minh đặt ly xuống, nói chậm rãi :

— Toàn là một thiếu-nữ rất đáng mến. Tôi tin chắc rằng khi Toàn đi dạy học, học sinh cũng sẽ mến Toàn lắm. Và Toàn sẽ là một cô Giáo gương mẫu.

— Thưa ông, nếu mai sau em sẽ thành một Giáo-viên được học sinh quý-niên, ấy cũng là nhò em được may-mắn noi gương tốt đẹp

của ông. Em xin thưa thật với ông rằng hồi em học Đệ-tứ, em chỉ là một nữ-sinh sút kém, sự học chán nản, không có tương lai. Phần thì Ba Má em nghèo, thuộc giới lao-động, cả gia-dình em ở chen chúc một căn nhà lá rách - rưới trong một ngõ hẻm ở Đất - Hộ. Em đi học về lại phải lo giữ em và làm bếp, để cho má em đi bán hàng, Ba em đi làm công, ngày một buổi đến trường thì không-khí học-đường hơi hòn-độn bê-bối, học-sinh lùi em đâu có được tho-lanh một nền giáo-hóa đầy - dù vững-vàng ! Cho nên sự học-hành của chúng em không có gì khả-quan. Chúng em lại không được gặp những vị giáo-sư kiều mầu có thê-nêu cho chúng em những gương đức-dục tốt đẹp thanh - cao. Nếu em không được hân-hạnh gặp vị Ân-nhân cao-quý như ông, thì hồi Đệ-tứ, mặc dầu còn năm tháng nữa đi thi, em cũng phải từ-giã mái trường mà về nhà theo mẹ, làm nghề buôn-thúng bán-mẹt mà thôi. Vì thiếu bốn tháng tiền học, ông Hiệu-trường nhất định đuổi em, nên Ba má em không cho em đi học nữa. Phần thì

ham học quá, phần thì tiếc công-dền sách bấy lâu, em đánh bạo đến nhà trường xin ông Đốc cho em thiếu chịu một tháng nữa để Má em cố gắng hốt, hụi trả tiền trường, nhưng ông Đốc không có chút thương hại đưa nữ-sinh nghèo của trường mình, mà tàn nhẫn đuổi em ra khỏi lớp. Không dè, tình-cờ ông được biết hoàn-cảnh của em, và ông đem lòng thương xót, giúp em tiếp-tục việc học hành. Hôm ấy, em xin thưa thật với ông rằng về nhà em khóc nhiều lắm.. Em khóc vì em cảm động quá.. Em không ngờ em được phước-đức gặp a t vị cựu-tinh cho đời em. Năm ấy, em đã được bằng Trung-học-Đệ-nhat-cap, chính là nhờ công-ơng vô - lượng của ông,,. Rồi ông lại khuyến-kích cho em vở học trường Quốc gia Sư-pham. Suốt ba năm qua, ông tiếp tục giúp đỡ cho em không biết bao nhiêu mà kẽ. Ngày nay em đã thi đỗ, sắp được bồ-dì dạy học, em nhận thấy ơn của ông đối với em và gia-dình em, rộng lớn vô cùng.. Em cứ tự hỏi... rồi đây em biết lấy gì mà đền đáp được tấm lòng đại-lượng của ông... Ông đã cưu em ra

khỏi cơn tuyệt-vọng và cảnh dốt-nát, bần-cùng.. Ông đã đem ánh sáng vào đời sống tối-tăm của em... Ông đã xây-dựng tương-lai tươi đẹp cho em...

Cô Toàn bỗng nói không được nữa, gục đầu xuống thành ghế, khóc nức-nở.

Ông Ngọc-Minh đứng dậy, đến gần Toàn. Như một người anh dịu-hiền, thân-mến, ông vỗ vai thiếu-nữ :

— Toàn đứng dậy đi với tôi ra vườn... Chúng ta dạo một vòng quanh các bồn hoa, để Toàn qua khỏi cơn xúc-động.

Toàn vẫn còn ngồi yên nơi ghế, không dám ngước mặt lên. Ngọc-Minh nói tiếp :

— Tôi cảm-thông với những ý-nghĩ tốt đẹp cao-quý của Toàn... Nhưng thôi, đừng khóc nữa. Chúng ta hãy ra vườn : Kìa, trời, mây, nắng, gió, và cây, cỏ, hoa, tất cả đều đang nở nụ cười tươi thắm...

Toàn lấy khăn lau khô ngắn-lệ và đứng dậy, cùng với ông Ngọc-Minh bước ra sân. Toàn quen với ông Ngọc-Minh đã ba năm rồi, sự giao-giui bên ông không còn ngượng-ngùng e-lệ lắm nữa. Trong

ba năm, cô đã đến đây nhiều lần thăm ông, nghe ông nói chuyện, thỉnh-thoảng cùng ông tưới nước cho các khóm hoa, hoặc xip phép xuống bếp làm một vài món bánh đặc - biệt mà ông Ngọc-Minh ưa dùng. Tuy ông Ngọc-Minh không có dạy các lớp của cô, nhưng Toàn vẫn đối xử với ông như tình thầy trò thân thiện, hơn nữa, như một người em đối với người anh lúc nào cũng ưu-ái và đứng-dắn, gần như một người bạn thân-tín. Trong thâm-tâm, cô Toàn yêu ông Ngọc Minh lắm, nhưng tình yêu rụt-rè lẫn với lòng kính-phục, đối với một ân-nhân.

Có chưa hề có một cử chỉ suồng-sả, hoặc thân-mật tỏ tình âu-yếm.. Không quá gần mà cũng không quá xa, cô vẫn giữ được giữa ông Ngọc-Minh và cô một ranh-giới xâ-giao vừa đúng mức. Giá-sử, bắt cứ lúc nào, ông Ngọc-Minh tỏ ý yêu cô và muốn kết nghĩa trăm năm với cô, chắc chắn cô sẽ nhận lời ngay, không do-dự. Vì, với sự nhận xét của cô, ông Ngọc-Minh là người đàn-ông hoàn-toàn hơn hết thảy những người đàn-ông khác mà Toàn đã quen biết trong phạm-vi xâ-giao

hằng ngày. Nhưng ông Ngọc-Minh cũng không bao giờ thô-lộ một tâm-sự gì ngoài giới-hạn một tình thương sâu rộng, chân-thành, mà vẫn đứng dặn.

Nếu một người nào đứng ngoài cõng ngó vào thấy Ngọc-Minh và Phạm-thị-Toàn đi song-song kẽ nhau dưới bóng cây trong vườn ; trò chuyện thô-mật như bây giờ, họ có thể tưởng rằng đó là một cặp tình-nhân xứng đôi vừa lứa lâm. Toàn đẹp thùy mị, đẹp nhất là đôi mắt bồ-câu, tròng con ngươi màu thau rất dễ quyến-rũ. Khuôn mặt trái xoan, với đôi gò má đều-dặn và mịn, nước da hồng-hào không son phấn. Ngọc nở vun-vén tròn-trịa, nồi hẵn lên trên vạt áo trắng dài tha-thướt ôm sát vào thân hình. Cô mặc quần đen, đi đôi guốc đen. Cô học-trò nghèo Phạm-thị-Toàn, con gái nhà lao-động, sống bằng mồ-hôi nước mắt nhưng nhờ sự giúp đỡ của ông Ngọc-Minh, và nhờ trí-ác thông-minh, chí kiên-nhẫn, chịu-đựng các khổ-nhục, chăm chỉ học-hành, nay đã thi đỗ thành tài, hết mấy tháng hè sẽ được bồ-di làm cô Giáo các lớp Trung-học, kè ra cũng xứng đáng với ông Giáo-su Triết-học và Văn-chương luôn luôn tha-

thiết với chủ-trương đả-phá thành-kien giai-cấp trong xã-hội.

Cô Toàn đã hiều thấu-triệt quan-niệm nhân-sinh của ông Ngọc-Minh và cô chịu rất nhiều ảnh-hưởng của các tư-tưởng triết-học xã-hội của ông Giáo.

Hôm nay, ông nói với cô như thế này :

— Trong đời sống hiện tại, chung quanh ta có vô số những cảnh khò-cực đau thương. Tôi mong rằng rồi đây Toàn bước chân ra đường đời, sẽ quan sát tường-tận những cảnh-tình bi-dát ấy. Mỗi người chúng ta phải có bồn-phận cứu giúp một trong muôn nghìn những kẻ xấu số bị xã hội hắt hủi, ruồng bỏ trong cô đơn sầu hận, trong túi nhục âm-thầm. Cuộc đời của ta chỉ có ý nghĩa khi nào nó được hy sinh cho một nhiệm-vụ nhân đạo; cho lý-tưởng công bình bác-ái. Bằng lời nói, bằng câu văn, bằng hành-vi thích-hợp với lý-tưởng chúng ta, bằng cách nêu gương sáng khắp chung quanh mình, chúng ta phải đánh đổ các hình thức tham tàn, bất công, ích kỷ của các lớp người phong-kien. Toàn sẽ là một Nữ giáo-su, tôi mong rằng Toàn sẽ còn là một nữ chiến-sĩ của Tự

tưởng bình-đẳng, tiến-bộ. Toàn nên xây dựng tư tưởng ấy trong đầu óc các em thiếu-niên. Chúng ta phải chiến thắng với lý tưởng xã-hội, không phải bằng máu, lửa, bằng oán-hận, căm thù, mà bằng sự thực hiện hòa bình, chủ-trương giai-cấp bình-đẳng, nhân-đạo, và bác-ái.

Ông Ngọc-Minh ngưng bước, nhìn thẳng vào đôi mắt của cô Phạm-thị-Toàn, và chậm rãi, nhấn mạnh từng câu :

— Chúng ta phải đào tạo một thế hệ thanh-niên có ý thức về số-phận đau thương khốn-khổ của con người. Nhân-loại bị bóc-lột về dù mọi phương-diện, bóc-lột cả tinh-thần, cả vật-chất. Chúng ta phải cố gắng giải-phóng dòng loại của chúng ta, được chừng nào hay chừng nấy, qua nhiều thế-hệ, bằng ba khí-giới mạnh nhất của con người tri-thức : là Chân, Thiện, Mỹ..

(Còn nữa)

ĐÃ PHÁT HÀNH

HAI BỘ SÁCH CỔ VIỆT-NAM RẤT QUÍ GIÁ
do LÊ - HỮU - MỤC

Giáo sư trường Đại-học Huế
dịch và chú-thích

• **Việt - Điện U - Linh Tập 75\$**

• **Linh - Nam Chích - Quái 75\$**

CÓ IN KÈM BẢN CHỦ NHÓ

Nhà sách KHAI-TRÍ
62 đại-lộ Lê-löi, Saigon

ANH LÊ - VĂN - THỦ ĐÃ RA NGƯỜI THIÊN-CÔ

TIN anh Việt-Tha Lê-văn-
Thủ qua đời làm cho tôi ngần-
ngơ và đau xót. Ngần-ngơ vì
không ngờ rằng anh có thể chết
một cách dễ dàng như thế. Đau
xót vì tôi không có một chút
để dặt nào trong tình thương yêu
và kính-trọng anh.

Cứ một hai tháng, mỗi khi có
việc đi về phía Đường Trần
Lư g Đạo là tôi phải ghé thăm
anh ở Hàng Hồ-tương Bảo-
Hiêm.

Có khi gặp mà cũng có khi
không gặp. Kỳ gặp chót cách
đây đã 2, 3 tháng anh hứa tặng
tôi một cuốn «Nguyễn-An-Ninh»
do anh viết mới tái-bản. Anh
nói : «Không phải tao tái-bản đâu.
Một ký-giả thất nghiệp xin phép
tao cho tái-bản để kiếm chút tiền.
Tao cho nó hết.»

Và anh còn giúp cho nhiều
người khác nữa, bằng cách này
hay bằng cách khác. Điều đặc-biệt

là gần đây anh nghèo, nghèo lắm.

Hồi hưng-thời khi còn ở trong
làng báo, hoặc làm chủ, hoặc viết
mướn, tôi chỉ có thể gặp anh ở
quán rượu. Anh uống rượu như
hũ chìm và rất tháo với anh em.

Nhưng từ ngày anh nghỉ viết
mà làm ở Hàng Bảo-Hiêm lương
bòng chẳng được bao nhiêu thì
anh bỏ rượu và bỏ dứt. Anh
nói : « Tao nghèo rồi, không có
tiền uống rượu nữa, tao bỏ.
Nhưng bữa cơm chiều làm gì
cũng phải có cho tao miếng thịt
bò tao mới ngủ được.»

Anh hơn tôi 2 tuổi nên anh
«mày tao» với tôi một cách rất
tự nhiên và chan chứa thân-tình.
Có lần tôi hỏi anh về đường con
cái thì anh nói anh có mấy người
con đã lớn có nghề - nghiệp
nhưng ít chữ nghĩa, làm thợ chử
không làm thầy. Anh nói :
« Tao cứ ở tù, ra khám hoài làm
sao mà có tiền cho con ăn học như
người ta được? Nhưng bây giờ

nghĩ thế mà hay. Nếu chúng nó học
giỏi, có chức phận, có quyền thế
rồi chúng nó lạm-dụng hay lợi
dụng quyền thế mà làm bậy thì
tao cũng mang tiếng lây. Vì dù
thằng Thiếu-Sơn bị chúng nó rồi
mày nói : Con thằng Thủ đó!
thì tao sẽ hối hận vô cùng.»

Anh có rất nhiều kỷ-niệm về
những nhà cách-mạng quá-cố như
những ông Nguyễn-an-Ninh,
Tạ-thu-Thâu, Phan-văn-Hùm,
v.v... Mỗi lần nhắc tới những
kỷ-niệm đó anh đều có vẻ ngâm-
ngùi thương tiếc và thường noi
gương những người khuất mặt đê
cu-xù ở đời. Anh nói : « Người
ta đua nhau lượm bạc, lượm vàng.
Chúng ta không làm được như
họ. Nhưng ta phải làm khác họ
là gác lấy một cái vốn bằng đạo-
đức. Cái vốn đó không thể tạo
nên được một cách dễ-dàng thì
ta phải lượm từng mảnh vụn.
Đầu là một miếng nhỏ ta cũng
đứng chê. Ta bỏ qua một việc làm
phải nhỏ là không bao giờ ta có
thể làm được một công đức lớn...»

Anh Lê-văn- Thủ mà tôi mới
gặp đây khác anh Lê-văn- Thủ
mà tôi đã gặp những năm anh còn
trẻ đương hăng-hái hoạt-động
cách-mạng với những chiến-hữu
của anh. Anh cũng không giống
anh Lê-văn- Thủ khi anh viết
những bài bình-luận quốc-tế dưới
bút-hiệu Việt-Tha. Tôi thấy anh

gần đây có vẻ như một nhà triết-
học, một nhà đạo-đức, một người
đi đã nhiều, làm đã nhiều, sống
đã nhiều nay đương rút tua kinh-
nghiệm của đời mình và đương
suy-tư để tìm ra một lẽ sống xứng
đáng, thích-dáng và cao-thượng.

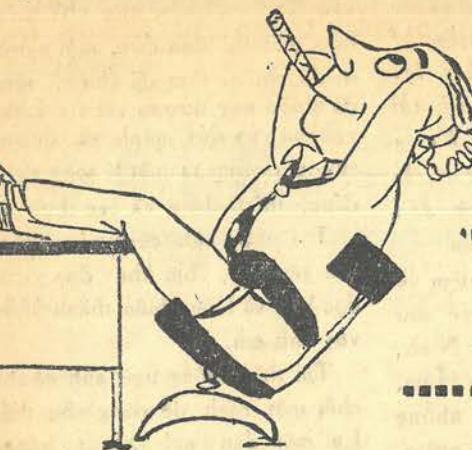
Tôi thấy anh còn tráng-kien,
còn yêu đời, chịu khó đọc sách,
đọc báo và luôn luôn thành-khân
với anh em.

Tôi thật không ngờ anh có thể
chết một cách dễ-dàng như thế.
Lại một đòn anh khuất bóng,
một người bạn đáng kính đáng yêu
đáng làm gương cho chúng ta, bỏ
chúng ta một cách vội-vàng đột-
ngột. Lần chót gặp anh, anh có đưa
cho tôi xem một bài thơ đăng trên
báo Tiền- Thủ anh bảo chép đê
gởi tặng ông Thành văn Nguyễn-
Quí.

Bài thơ đượm tình dân-tộc, có
tính-cách xã-hội và tranh-dấu.
Anh nói : « Thơ phải như thế
mới là thơ. Chứ lối thơ nghèo-
nàn và ủy-mị như những bài thơ
họ làm bấy giờ thật chán quá.»

Thật ra chưa chắc anh đã đọc
những bài thơ mà anh đã chán
trước. Rất có thể anh còn chán
luôn cả những người làm văn,
làm thơ không đồng-diệu với anh.
Nhưng có cái anh không chán là
lẽ phải, là tình bạn, là một tin-
tưởng vô-biên vào sức sống và
tương lai của dân-tộc.

THIẾU-SƠN



Sách Báo Mới

*** Hương Đạo Hạnh**

Thơ về Phật-giáo, của bà TÂM-TẤN.

Nhà in Liên-Hoa, Huế, phát-hành.

Những vần thơ ngào-ngạt trầm-hương, thâm-nhuần ánh đạo-
vàng... mà không kém phần trẻ trung, duyên-dáng.

*** Chuyện vô lý**, của LÂNG NHÂN, tựa của NGUYỄN -
GIANG, Nam-chi tùng-thư, 3, Nguyễn-Siêu, Sài-gòn, xuất-bản.

Sách dày 192 trang, đã in lần đầu tiên tại Hà-nội năm 1942, lần
này tái bản chỉ in 160 cuốn, đánh số từ 1 đến 160, trên giấy
sensibilisé hão-hạng, màu xanh nhạt, chỉ để riêng tặng các bạn thân mà
không. Trình bày và ấn-loát tuyệt đẹp, không thua các loại sách quý
của Âu-Mỹ.

Về nội dung, chúng tôi sẽ có bài nhận-xét sau.

*** Nhân-vật Đông-châu**, quyền II, của THANH LAN
VÔ NGỌC THÀNH. Cũng hấp-dẫn như quyền I. Rất bồ-ích cho
những người muốn tìm hiểu về các nhân-vật chính-trị và đạo-đức
của thời Đông-châu liệt quốc bên Tàu.

*** Phan Khôi và cuộc đấu tranh tư tưởng ở
miền Bắc.**

do NGUYỄN-VẠN-AN biên soạn.

Ủy ban Trung-ương Chống Chính sách Nô-dịch Văn-hóa ở miền
Bắc, xuất bản. Có trích vài bài của Phan-Khôi viết trong các báo
Hànội năm 1956, 1958.

*** Cung oán ngâm khúc** — CAO BÁ QUÁT —
NGUYỄN CÔNG TRÚ — KHẢO LUẬN LUẬT THƠ, của
Ô. LAM GIANG.

Nhà xuất bản Tân Việt, 235 Phan thanh Giản, Sài-gòn.

*** Vàng đợi** của KHANG LANG.

Thi tập gồm 22 bài và một phần phụ-lục. Theo lời tác-giả
thì «mười một bài thuộc phần nhất mang màu sắc ca-đao... Tôi hy
vọng nó nói được tiếng nói của xứ-sở thân yêu, để ghi lại cái gì của
Huế đẹp, Huế thơ... Mười một bài trong phần hai, là tâm-sự của
tác-giả... »

Bông-Trang xuất bản, Huế.

● Le Domaine maudit, Tiêu-thuyết của CUNG GIÙ
NGUYỄN. Cung-Giù-Nguyễn, một nhà văn Việt-nam hiện ở Nha-Trang.
chuyên viết bằng Pháp-văn, là tác-giả quyền *Le fils de la Baleine* do
nhà sách danh tiếng Arthème Fayard ở Paris, xuất bản năm 1956. Quyền
Le Domaine maudit cũng do nhà sách này xuất bản, vừa mới phát-
hành. Truyện một gia-đình thương-lưu Việt-nam bị các biến-cuộc
chính-trị từ 1945 làm cho tan-vỡ, gây ra bao nhiêu cảnh đảo - diên
bi đát.

Cung-giù-Nguyễn viết rất hấp-dẫn, diễn-tả nhiều ý-tưởng đặc-biệt
Việt-nam bằng câu văn đặc-biệt Pháp. Sự dung-hòa tài-tinh của hai
yếu tố nghệ-thuật Đông-Tây đã cấu-tạo thành một tác-phẩm đầy thi
vị khà-ái, duyên-dáng, thỉnh-thoảng điểm một tí-xíu hoạt-kê kín-dáo,
thanh-thú, tế-nhị vô-cùng.

Kỹ-thuật trình-bày và ấn-loát tuyệt đẹp. Dày 350 trang — giá
12 NF



★ Con ngựa của Lê văn Duyệt

(của cô Phạm thị Gái, Lê-quang-Định, Gia Định)

.. Thưa chị, theo sự hiểu biết của em, thì ngài Tả-quân Lê-văn Duyệt không có vợ, nhưng trước lăng thờ Ngài tại Gia-Định có hai ngôi mộ, mà em nghe người ta nói đó là của ngài Tả-quân và Tả-quân phu nhân. Nhưng lại có nhiều người cho rằng đó là một ngôi mộ của ngài và một ngôi mộ của con ngựa của Ngài cưỡi. Xin chị cho em biết ý-kien nào đúng?

● Đáp : Lê-văn-Duyệt có vợ, có những 3 vợ lận. Ngôi mộ bên cạnh Tả-quân chính là của bà vợ cả. Còn ngựa, thì chỉ có con ngựa gỗ thờ trong điện.

★ Đôi lời trần-tình

(của Ông Lê-Phi, Hiệu-Trưởng trường Tư-thục Việt-Anh Dalat)

Vừa rồi nhân đọc báo Phô-Thông số 63 ở mục thư tín, chúng tôi ngạc-nhiên được đọc bức thư của em Trần-văn-Cầu tự khai là học-sinh trường tôi và than-phiền về việc dạy sinh-ngữ và Giáo-sư sinh-ngữ kém.

Chúng tôi ngạc-nhiên vì từ khi thành-lập đến nay trường tôi không hề có một học-sinh nào tên là Trần-văn-Cầu, học lớp Đệ-Thất, Lục, Ngũ, Tứ, Tam hay Nhị. Như thế, vấn đề lá thư trên do một người nào vì dỗ-ky Giáo-sư sinh-ngữ của trường tôi hay vì dỗ ky trường tôi, viết ra.

— Riêng về Giáo-sư Anh-văn của trường tôi thì vị đầu tiên là một người đã có 2 chứng-chỉ Văn-khoa cử-nhan và vị dạy hiện nay đã có Tú-tài Hai ban Triết, và đã đi học Luân-Đôn về.

Như thế chắc hẳn không phải là hạng giáo-sư mà em Cần nào đó đã nêu ra...

★ « Dùi đục chấm nước mắm »

(của Ông Nguyễn-văn-Nam, 31, Ng.-an-Ninh, Cần-thơ)

.. Thưa ông, nhiều người thường nói : « nói như dùi đục

chấm nước mắm » để ám-chỉ những người nói lạc-dề, cộc cằn thô-lò, v.v... Nhưng « Dùi đục chấm mắm » là gì ? Sao lại « dùi đục » ?

Theo tôi nghĩ, « nói như Khô cá dồ mục chấm mắm » thì đúng hơn, vì khô cá dồ đẽ mục chấm nước mắm ăn kỳ lăm. Dám mong bạn đọc Phô-Thông cho biết ý-kien như thế nào về câu ngạn-ngữ tối-nghĩa trên kia.

★ Tự Điển

(của Em Khúc-thừa-Trần, trưởng Trần-quốc-Tuấn. Quảng-ngãi)

... Trong quyển Tự-diển của Ông Đào-văn-Tập, giải nghĩa chữ « ĐÊ-MAT » như sau :

— đê-mat = hèn-mat (trang 149)

Rồi chúng tôi lại tra chữ hèn-mat thì Ông Đ.V.T. lại cắt nghĩa :

— hèn-mat = đốn-mat (trang 201)

Tôi tiếp-tục tra, Tự-diển Ông Đ.V.T. cũng tiếp-tục trả-lời :

— đốn-mat = hư-hồng (trang 162)

Tôi cũng tra mãi :

— hư-hồng = Thành vô dụng (224)

Như vậy : ĐÊ-MAT là THÀNH VÔ DỤNG hay sao ? Đó là một câu hỏi mà tôi, cũng như các bạn cùng lớp không thể trả-lời được. Xin nhờ các Vị Giáo-sư giảng-giải hộ.

★ Tôi là cái mà tôi là... !

(của Cô Lư-thị Hoàng-Anh, Kiến-Hòa)

.. Thưa chị, có câu Pháp-văn : « Je suis ce que je suis, mais je ne suis pas ce que je suis », giáo-sư Việt-văn của chúng em dịch như sau đây : Tôi là cái mà tôi là, nhưng tôi không là cái mà tôi là, và bắt chúng em giải thích và phê-bình, chúng em chẳng ai hiểu gì cả. Chúng em học lục Đệ-ứ, làm sao hiểu nổi câu gai-gút ấy, mong chị giải hộ em...

ĐÁP : Cả câu Pháp-văn (?) lẫn câu Việt-văn của vị Giáo-sư, đối với chúng tôi thật là mới lạ quá, chúng tôi chưa hề được thấy trong sách nào, và cũng không hiểu nghĩa gì cả.

* Ông này là ai ?

(Của Ô. Nguyễn-Ngọc-Thọ, Bình-Minh, Vĩnh-Long)

Tôi có nghe một bài thơ sau đây :

Ông này người ở Bắc-Kỳ

Ông này hối trước ở thi nhà Lê.

Làm quan mà bị vua chê.

Cho nên ông mới trở về xứ Nam.

Tước quyền ông chẳng có ham

Ông liền từ chức lên non tu hành.

Vậy xin bạn đọc Phồ-Thông làm ơn cho biết ông này qui daub
nhì là chi ? Tu ở đâu ? Và làm chức tước gì hối trào nhà Lê thuở
y ? Và nhà Lê trị-vì thuở đó lấy hiệu gì ? Và năm thứ mấy ? Tác-
ả mấy câu thơ trên là ai ? Thành-thật cảm tạ.

Hai bà Trưng con ai ?

(của Ô. Châu-Anh, Giáo-viên Trường Tư-thục Bồ Đề, Đơn
xong, Tuyên Đức).

Thưa ông,

Là một độc-giả trung-thành của tạp chí Phồ-Thông duy-nhất,
không ngại ngại nêu lên vài điểm thắc-mắc mong được lính-hội
hứng diệu ý của Bạn đọc bốn phương :

Hai bà Trưng :

a) Hai bà Trưng con ai ?

Hai bà Trưng con quan Lạc-Tướng (?)... ở Mê-Linh...

Theo : « Việt-sử » Bùi Văn Bảo, trang 33

« Việt Nam Sử Lược » Trần Trọng Kim, trang 47;

Lịch sử Việt Nam (đệ thất) Trần Hữu Quảng trang 40)

Trong Phồ-Thông số 53, ra ngày 15-3-61, Nguyễn Triệu cho-
ết : «... Phụ thân làm lạc tướng ở đồi Hùng Vương, mẫu thân là
Man-Thiện tức TRẦN THỊ ĐOAN...» (vẫn không có tên cha).

b) Hai bà họ được bao nhiêu thành ?

Theo Nguyễn Triệu — Phồ-Thông 53 trang 38 = 56 thành.

Đại Nam Quốc sử diễn ca của hai ông

Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái = 64 thành.
(trang 57)

Lịch Sử Việt Nam của Trần Hữu Quảng

Việt sử lớp II của Bùi-V-Bảo

c) Hai bà lên ngôi có đặt quốc hiệu không ?

Theo Nguyễn-Triệu, sau khi lên ngôi hai bà đặt quốc-hiệu là

« TRIỆU-QUỐC » (Phồ-Thông 53 trang 39)

Thưa ông, sao quốc hiệu này, trong các quyển sử được chọn
làm sách giáo khoa không thấy nói đến ?

II.— Diện-tích nước Việt-Nam :

Là một giáo viên, tôi rất « khó thở » trước hai bài học :

a) Địa-lý (Lớp Nhì Hoàng-thế-Mỹ, trang 8)

diện-tích : 330.000 km²

b) Việt-sử (Cùng lớp Nhì Bùi-Văn-Bảo trang 9)

diện-tích : 312.000 km²

Tôi lại xem trong một quyển sách Trung-học (Địa-lý Đệ-tứ
Nguyễn-Văn-Mùi trang 7) thì thấy :

diện-tích : 328.000 km²

Thưa ông, các nhà viết sách giáo khoa đã tham khảo những tài
liệu nào mà lại có những con số sai biệt như thế ?

Thành thật chờ mong sự giải đáp của ông trong mục « TRÀ
LỜI BẠN ĐỌC » hoặc, nếu có thể, xin ông cho đăng những điều
thắc mắc nêu trên để các bạn đọc có thể giải thích.

★ Mèt chị Diệu-Huyền

« Bốn đứa Linh, Phượng, Liên, Cúc, Saigon »

Chị ơi, em tức quá

Đã nửa tháng chờ trông

Chiều nay mua Phồ-Thông

Đón tin anh Nguyễn Vỹ.

Gởi thư, hôm tuần trước

Công-kích « giấc mơ hoa »

Cô Duyên Hồng nào viết

Mà vô-duyên thế a ?

Chị ơi chị hãy nghĩ :
Mục «những áng thơ hay»

Hay thế mà anh Vỹ
Sao cứ bô lơ hoài ?

Hồi chị chút vạy đéo,
Vì câu hỏi lảng-nhăng,
Hay vì tui em nhò,
Thư gửi, anh không đăng?
Mỗi đứa hồn chị một cái.

LINH, PHƯƠNG, LIÊN, CÚC

TÁI BÚT : Chị hóng cho đăng thơ này, tui em giận chị tội
già cho chị biết à nghen !

L. P. L. C.

Bốn bạn quyết «khủng bố»
Cô Duyên-Hồng thế a ?

Nhung bạn đọc ĐA SỐ

Lại thích «Giấc mơ hoa».

Các bạn từ mười sáu,

Đến hăm-hai, hăm-ba,

Từ các em lầu - tú

Đến «Đại-học văn khoa».

Đều ưa nghe tỉ-mỉ

Phân-tách chuyện tâm-tình,

LỬA LÒNG AI ÂM-Í

TRƯỚC GIÓ LOẠN MÔNG-MÊNH

NHIỀU Ý-TƯỞNG NGỜ NGÀN,

NHUNG NGỤY Ý MÌA MAI,

ĐÓI CÂU HỎI VÓ-VẦN

CHÂM BIẾM CHUYỆN ĐỜI NAY

Mong các bạn thông-cảm

Khi đọc «Giấc mơ hoa»

Duyên - Hồng xin bảo - đảm

Không phải Giấc... «Nam-Kha» !

D. H.

ĐÁP BẢN

BỐN PHƯƠNG

* DIỆU-HUYỀN

★ Ô. Trần-viết.Thắng, 156 Nguyễn-thái-Học, Ban-mê.Thuột.

Về việc điều-chỉnh năm sinh trong bằng Tiêu-học của ông
và các giấy chứng-nhận, ông nên đến hỏi thắng tại nơi mà ông đã thi
đỗ cấp-bằng ấy.

* Ô. Đàm-vĨnh-Khánh, Kiến-Bình

Ngọc-Hàn Công-chúa không có bao giờ lấy vua Gia-Long. Ông
nên xem lại bài Ô. Quách-Tấn, trong P. T. số 58, trang 10.

Câu ca-dao : Gái đâu có gái lạ lùng,
Con vua mà lấy hai chồng làm vua

Xuất-xứ từ đời nào và ám-chỉ ai, chúng tôi cũng không được rõ.

* Bạn Lư thị Hoàng-Anh, Kiến-Hòa.

— Món ăn «Thang» của người Bắc, gọi đúng là «Bún Thang»
nấu với bún và ăn với một tí mắm ruốc. Trong giao chánh miền Nam
không có món ấy.

— Bệnh thủy-đậu, là bệnh trái rạ. (Varicelle)

* Ô. Hoài.Phương, 212/158/10 Trần quang Khải, Tân-Định

Phim Exodus chưa chiếu ở Việt-Nam. Exodus là chữ Latinh
(tiếng Pháp là Exode) có nghĩa là di-cử của cả một số người đồng-

đảo, như cuộc di-cứ của đồng-bào Bắc-việt vào miền Nam sau Hiệp-Định Genève, v...v.

* Ô. Long Soukchaleun, BP n^o 22, Paksé

— Chúng tôi đã gởi đến ông những số Phò-Thông ông thiếu.
— Chúng tôi không tìm thấy quyển « V. N. Phật giáo sử lược »
tại các tiệm sách Saigon.

* Bạn Y-Võ, Huế.

Đây là bài thơ bạn hỏi :

THẦN-KINH NỒI SÓNG (1932)

Năm cũ khi không rót cái bình !

Đặt bằng nồi sóng nghĩ mà kinh

BÀI không deo nứa xin dâng lại (1)

ĐÀN chẳng ai nghe phải dấu hình (2)

LIỆU thế không xong bình chẳng dặng (3)

LIÊM còn giữ tiếng lẽ còn tinh (4)

Công danh sự nghiệp đà tiêu hủy

ĐẠI sự xin nhường kẻ hậu sinh (5)

Hoài-Nam NGUYỄN-TRỌNG-CẨM

Chú thích.

(1) Ô. Nguyễn-Hữu-Bài làm Thượng-thư bộ Lại

(2) Ô. Tôn-Thất-Đàn làm Thượng-thư bộ Hình

(3) Ô. Phạm-Liệu, làm Thượng-thư bộ Bình

(4) Ô. Võ-Liêm, làm Thượng-thư bộ Lê

(5) Ô. Vương-Tứ-Đại, làm Thượng-thư bộ Hộ (chữ Hộ đọc

hơi giống chữ Hagu).

* Bạn Thanh-Tâm, Phan-Rí

Nam-tước :

Một trong năm tước : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. (Chữ Nam
này không phải là con trai) Nữ Nam-Tước, là vợ của vị Nam-tước.

* Ô. Ng. văn-Hoàng, Cao-lãnh, Kiến-Phong

Ông nên hỏi Bác-sĩ chuyên-môn về chứng bệnh của ông. Thuốc
Cervotonic không thể chữa bệnh ấy đâu.

★ Ông Phan-Thước, KBC 4318

— Da ngựa bọc thây, (Sa trường da ngựa bọc thây).

Câu nói của Mã-Viện : « Trương-phu đương mã cách khóc thi, ninh khả tử nhi-nữ, tử chi thủ hổ » = Bậc trương-phu nên lấy da ngựa bọc thây, há lại chịu chết trên tay đàn bà hay sao.

— Câu Xướng ca vô loài của thời xưa áp dụng vào đời nay không thích hợp nữa.

★ Ông Phan-thanh-Phước, 13-B Lê Huân, Huế

— « Mèo tháng ba, Cha ăn con », là câu tục-ngữ nói cho có vần, chứ sự thật thì mèo mẹ cũng ăn mèo con, (không riêng gì trong tháng ba), Chó mẹ ăn chó con, v.v... khi con chết. Có lẽ vì thấy con chết, không biết làm sao, sợ để vậy sẽ bị con vật khác ăn thịt, nên tình thương con quá nặng, xui chó mẹ ăn chó con để « thủ tiêu » con vào bụng. Tuy nhiên đó là sự ức đoán về tình-cảm, chứ khoa-học đã nghiên-cứu khía-cạnh của vấn-dề ấy mà chưa tìm ra nguyên do. Nhiều con vật khác cũng bị giòng họ ăn thịt như thế, như con « Ngựa bà trời » (Bọ Ngựa — Mante) chẳng hạn, sau khi con bọ Ngựa đực làm xong nhiệm-vụ thiên-nhiên của nó trên lưng con bọ Ngựa cái, thì con Bọ cái tức-khắc quay đầu lên cắn con đực cho chết rồi ăn thịt luôn.. trên giường hợp-cần. Nhiều loài cá cũng thế.

★ Bạn Kiều.Thu, Đà.năng.

— Bạn đoán đúng về Duyên-Hồng và Hải.

— Địa chỉ ở tòa soạn P. T.

★ Bạn Phan-Hùng-Minh, Phan.chu.Trinh, Hội.an.

— Mẹ và chị dâu của bạn nên viết đơn khiếu-nại một lần nữa
và gởi bảo-dám lên Nha Tông Giám-Đốc Cựu Chiến binh và Phép-
binh.

— Cô-nhi quả-phụ, chứ không phải cô-nhi tồ-phụ.

(Cô-nhi = con mồ-côi. Quả-phụ = vợ già)

★ Ô. Phạm.Phố Sài-gòn

Tiếng « Mẹ » chỉ người Huế dùng, danh-từ dành riêng để gọi

các người trong họ nhà vua. "Mè" cũng là đàn-ông, chứ không riêng đàn-bà.

★ Ô. Nguyễn-hữu-Sáng, 148, Nhân-vị Cholon.

Rất tiếc, chúng tôi không được biết rõ địa-chỉ của tác giả những bài thơ dễ thương ấy.

★ Bạn Tâm-Tình T. T. Th.

Không nhận được 1) Saigon, 2) Át-xít, 3) Lên Trảng.

"Đốc-sò" đã mất thời-gian tính. Mong những bài khác.

★ Bạn Thiên-Phú, Quảng-Trị

Lợi-dụng một buổi nhóm họp đông đủ ở Hội-trường, để tuyên-truyền cho tôn-giáo, là bất hợp-pháp. Nhà cầm-quyền không thể cho phép hành-vi trái Hiến-pháp ấy được.

★ Em Mỹ.Thanh, Phan.Rí.

Lên Đại-học, em sẽ biết rõ những điều em hỏi. Biết bây giờ hơi sớm, không ích gì.

● Em Kim-Chi, Di-Linh.

Chị là người Trung, nói theo Bắc, viết theo Nam.

Người Nam gọi quả dứa là *trái thơm*, không phải vì nó có mùi thơm (Thị, mít, sầu-riêng, cũng thơm, như em nói) nhưng chỉ là một danh-từ người ta đặt ra thế thôi, không có ý-nghĩa gì cả. Người Nam không gọi là "trái dứa" vì trong Nam có cây dứa, lá cũng có gai như lá thơm, khác hẳn với thơm, nên phải phân biệt.

● Răng hàm ngoài, 11 tuổi, còn mọc cái mới.

Răng hàm trong, 12 tuổi.

Răng cấm, 18 tuổi.

● Bạn Ngô.văn-An, Xã Bình Trưng, Thủ Đức

Mời bạn đến tòa soạn đòi số báo 61.

● Ô. Trường Sơn, Đại-học Sư-phạm, Hué

Trong quyền vở tem riêng của ông, về mỗi nước một bản đồ theo tem của ông đã có, dù có cả các nước Cộng-sản, cũng không có

hai gì cả. Không thể liệt ông vào trường hợp phạm chính-trị được, vì thú chơi tem quốc tế (Bưu-hoa) không có tính cách tuyên-truyền chính-trị.

● Ô. N. C. Chi, Ninh-Hòa.

Mèo lở trúng thuốc DDT, bị mắt đỏ hoe và thân mình run-rẩy là vì có công phật của DDT trong cơ-thể mèo, nhất là trong máu, chứ không phải vì phát-sinh ra sự dị-thời.

● Ô. Lâm-quốc-Hòn, Định-Tường.

Những nước theo phe «Tư bản» : Mỹ, Canada, Mexique, và các nước Trung Mỹ, Nam Mỹ, (trừ đảo Cuba), Anh, Pháp, Tây-Đức, Belgique, Hollande Portugal, Nhật, Phi-luật-Tân, Thái-Lan, Đài Loan, v.v... Các nước theo phe Cộng-sản : Nga, Trung-Cộng, Tchécoslovaquie, Bulgarie, Roumanie, Albanie, Pologne, Hongrie, Đông-Đức, v.v...

★ Ông Đặng-văn-Trâm, Hué

— Mất các giấy tờ, cần cước, v.v... phải làm đơn khai mất tại Bốt Cảnh-Sát sở-tại, và phải khai liền sau khi mất.

— Muốn đổi tên, cần phải làm đơn xin nơi Tòa Án.

— Bị tình nghi «yêu thăm nhớ trộm người con của cô mình», bây giờ muốn minh oan, thì... cứ việc tuyên bố rõ-ràng cho mọi người trong họ biết là... oan, và đồng thời cũng nên chấm-dứt mọi sự giao-thiệp thân-mật hoặc thăm lén với cô ấy.

★ Ô. Ng.v.Nang, 135 Ngô-tùng-Châu, Saigon

Xứ Sierra Leone vừa mới độc-lập, là một thuộc-địa cũ của Anh, ở Tây Phi-Châu rộng chừng 80.350 km², dân số không quá 1 triệu 540.000 người. Thủ-dô : Freetown.

★ Bạn Ly.Hương, Hué

● Thuyết «Tương-dối» — Relativité của Einstein, và không-gian C3, không thể trình bày tóm tắt trong mục chật hẹp này được. Xin hẹn lúc khác có nhiều thời-gian hơn, và ở mục khác.

● Càn khôn = Hai quẻ trong 8 quẻ (bát quái) : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Máy càn khôn = máy tạo hóa. Thiên - cơ - màu - nhiệm.

● Mục Đáp-bạn bốn phương của P.T. trả lời trên mặt báo; vì nhiều thư quá nên rất tiếc không thể phúc-dáp bằng thư riêng. Vậy xin đừng gửi kèm tem trả lời. Thành thật cảm ơn bạn.

* Một nhóm giáo viên Tam quan, Bình Định

Mỗi HẢI-LÝ (*mille marin*), là 1.852 mét

Hồi xưa người ta tính theo DẶM (*lieue marine*), mỗi dặm là

3 HẢI-LÝ (*3 milles marins*), nghĩa là :

$1.852 \times 3 = 5.556$ mét. Nhưng phép đo-lường theo dặm đã cũ rồi, ngày nay người ta đo theo hải-lý. Xin đừng lầm dặm (*lieue marine*) với hải-lý (*mille marin*) — Theo Larousse du XX è Siècle.

* Cô Hoàng-Hoa, Phan Rang.

Quyển « Chiếc Áo Cưới Màu Hồng » đã hết từ lâu, hiện chưa tái bản.

Tập thơ *Hoang-Vu* khi nào xuất bản, sẽ tin trong P.T.

* Cô Hồng-Tân, Nữ giáo viên, Bình-Long

— Người ở Bắc, Trung, Nam, tuy cũng là dân Việt, nhưng giọng nói khác nhau, là tại thủy-thổ và khí hậu của mỗi miền riêng biệt. Ở các xứ khác cũng thế. Như bên Pháp, người ở Paris, Lille (Bắc) Provence (Nam), Normandie (Tây), Alsace (Đông), đều nói giọng khác nhau.

— Có một thứ *nhang muỗi* của Nhật, có bán tại Sài-gòn, chế bằng thuốc DDT, dốt lên, muỗi bị nhiễm khói, sẽ lăn ra một lúc lâu, bị tê liệt, rồi chết.

— Nhà bác-học Louis Pasteur chết tại Seine-et-Oise (Pháp) năm 1895, chứ không phải chết tại Việt-nam. Ông không có sang Việt-nam lần nào. Có nhẽ người ta nhầm với nhà Bác-học Yersin, sáng lập viện Pasteur ở Việt-nam và chết tại Nha-trang năm 1943.

— Móng tròn (Cầu-vòng) có 7 màu, theo thứ tự sau đây : Tím, Chàm, Xanh, Lục, Vàng, Cam, Đỏ.

Những màu Xanh, Vàng, đỏ đậm hơn các màu kia.

● Cùng các bạn thân mến.—Vì kỳ này trả lời đã dài quá; còn nhiều thư nhận được trong tháng 8 chưa xem hết, xin hứa trả lời trong số tới. Mong các bạn thông cảm.

★ Bà Trần-khánh-Giang, giáo-sư Trung-học, Saigon.

Bài thơ bà hỏi đó không chắc của vua Tự - Đức. Chúng tôi không dám quả quyết tác-giả là ai. Tựa đề là « Trống Chồng », và xin chép đúng nguyên-bản như sau đây :

Gương tà nguyệt xế dã ngoài song,
Hát-heo trống ai quá rất trống.
Thương bấy thiết tha lòng héo liêu.
Nhó thay vàng-vô má phai hồng.
Vương sầu xiết kè chi nguôi Bắc,
Ý túi thêm buồn và chạnh Đông.
Chàng hối biết ai chặng bội-bực ?
Loan hàng viết thảo tả tình chung !

Bài này có thể đọc 6 cách :

- 1.— Đọc như thường, từ trên xuống:
- 2.— Đọc ngược, từ dưới lên.
- 3.— Đọc xuôi từ trên xuống, nhưng mỗi câu bỏ bớt 2 chữ đầu.
- 4.— Đọc xuôi từ trên xuống, nhưng mỗi câu bỏ bớt 2 chữ chót.
- 5.— Từ dưới đọc ngược lên từ phải sang trái, nhưng mỗi câu bỏ bớt hai chữ đầu.
- 6.— Từ dưới đọc ngược lên, từ phải sang trái, nhưng mỗi câu bỏ bớt hai chữ chót.

AI ĐIỀU

Được linh đau đớn cho biết anh bạn Việt-Tha LÊ-VĂN-THỦ
mệnh chung, chúng tôi vô cùng cảm động, và xin gởi lời thành
kinh phân ưu cùng tang quyến.

NGUYỄN-VÝ

ĐÍNH - CHÍNH

● Bài thơ « Tình thế-hệ », P.T. số 62, trang 69, tác-giả là NAM-TUẤN, in nhầm là Anh-Tuấn.

● Tuất, chàng trai nước Việt, P.T. số 63, trang 39, tranh vẽ : cái CÁNG, in nhầm là cái Cán.



TÔI MÀNG CÒN HƠN LÀ TRÚNG SỐ ĐỘC-ĐÁC

Ông Liêu-Ba, 56 tuổi, người Trung-Hoa, chủ quán cháo ở kề bên Lữ-Quán Huy-Hoàng tại chợ Long-Hải vì bị trúng gió độc nên bán thân bất toại; bại xụi đã 2 năm đi đứng không được. Vừa rồi may nhờ bạn ông là Ô. Tư-Son mua cho 2 hộp thuốc số 39 Nguyễn-An-Cư. Ông Liêu-Ba uống trong một tuần lễ thì hết bệnh, đi đứng hoạt động như người mạnh. Ông Liêu-Ba mảng quá, gấp ai cũng nói: Tôi mạnh được tôi Màng Còn Hơn Được Trúng Số Độc-ĐáC.

« Thuốc Ta hay thật »

Tôi là Võ-thị-Kiều 55 tuổi ở số 17 đường Tự-Đức Tây-Ninh bị bệnh sê thấp, nhứt 2 chân giật sáng đêm ngủ không được, nhiều khi tức tối muốn tự-vận. Còn thuốc thì lớp uống lớp chích dù thứ, mà hơn 15 năm rồi vẫn vô hiệu quả.

Tôi mua thử một hộp thuốc 39 NGUYỄN-AN-CƯ về uống, đêm đầu thắc thuốc lại nhứt thêm, tôi trị trí uống tiếp qua đêm thứ hai thì ngủ thật ngon, sáng ra ăn cơm thật ngon lại nhiều.

Lại thêm một chuyện bất ngờ. Vì cái mồi trên của tôi lò dâ ba năm nay, uống thuốc 39 trị nhức chân mà lại lành mồi luôn, tôi hết sức mừng và từ một năm nay tôi không dứt thuốc này trong nhà.

CỤ PHAN BỘI CHÂU KHEN :

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở,
Tay thắn hả dễ nhẹ công phu ».

Đó là 2 câu thơ của. Cụ Phan Bội Châu đề tặng THUỐC-RƯỢU 39 của Cụ Nguyễn-An-Cư. Cụ Phan khen thuốc 39 là thuốc thánh. Mà thật quá vậy! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh tê bại nhức mỏi, tê thấp hay vô cùng!

Người có bệnh hẽ gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, dã hết tê bại nhức mỏi lại ăn ngon ngủ khỏe. Cụ Nguyễn-nâng Quốc Tòng-dốc ở Thái Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt!

Một hộp giá 20 đồng.

Các hiệu thuốc Ta, Tàu đều có bán và số 54 đường Công Lý Saigon

DƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhài mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận rễ nhài là một iốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lèn máu (*Hypertension artérielle*) trước Pháp đã cho phép dùng rễ nhài (visa số 22-774—18.927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc*, hay *buồn rầu* (*neurasthénie*), hay *xúc động* (*nervosité maladive*), hay *lo âu, tim hồi hộp, đậm không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo* (*gâtisme*) v.v..,

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
(B. s. Đặng văn Hồ)

COQUELUCHINE

Trị bằng thuốc này, bệnh Ho gà chỉ trong hai tuần lễ là có hể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng guy hiểm.

Thuốc Coqueluchine trị ho gà theo nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiền phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HOMOPTYSOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh viện Ngõ Quyền trong năm thí nghiệm thuốc này chỉ còn 1, 2 phần 10, so với mấy năm trước.

Nếu bệnh nhân không còn phải sợ chứng khái huyết nhờ có thuốc Hémoptysol thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm kể trên đều có bán ở các nhà thuốc Tây và các Dépôts.

Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quỳnh và 550 E
Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Aidau gan ?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BẢN KHẨU CÁC NHÀ THUỐC CẦU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Kiểm duyệt số 443/HĐKD Saigon ngày 79-1961
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon
Quản nhiệm NGUYỄN-VŨ